

Tác Giả và Tác Phẩm

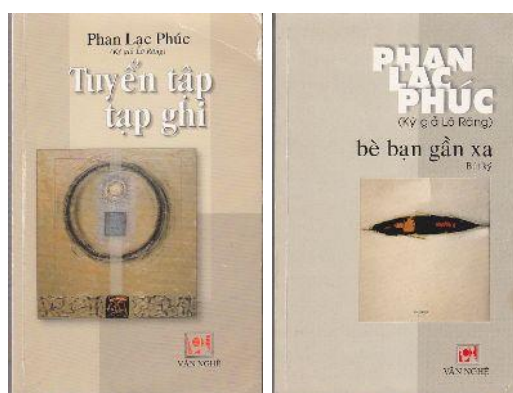
Phan Lạc Phúc (I)

Tiểu sử

Bút hiệu: Lô Răng, Thiên Khải, Tường Huân, Huy Quân, Thiên Chương.

Tác phẩm

Bạn bè gần xa (bút ký).



Mục Lục

Nhà văn Phan Lạc Phúc và tác phẩm “Tuyển tập tạp ghi” – Phạm Điền - 2
Người tù kiệt xuất – 5
Tàn mạn xung quanh Tạp Ghi của ký giả Lô Răng – Nguyễn Quốc Trụ - 17
Bạn tù Sơn La – 32
Nhật báo Tiền Tuyến và ký giả Lô Răng/Phan Lạc Phúc - Du Tử Lê - 39
Kỷ vật cho em - 44
Mục Tạp Ghi và ký giả Lô Răng - Viên Linh - 48
Qua cơn mê – 51
Nhớ Phan Lạc Phúc và những chuyện xưa – Văn Quang - 61
Đi tảo mộ – 63

Phụ đính:

Nói về ông già gân (Trần Văn Hương) – 66
Con sói già cô đơn (Nguyễn Ngọc Loan) – 68
Giọt lệ và nụ cười (Lê Minh Đảo) - 70
Thương tiếc (Phạm Thanh Thu) – 72

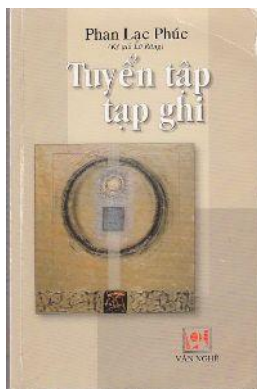
(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Nhà văn Phan Lạc Phúc và tác phẩm “Tuyển tập tạp ghi” Phạm Điền

Tạp chí Văn Học Nghệ Thuật do Phạm Điền phụ trách đến với quý thính giả như thường lệ vào thứ bảy kỳ này, giới thiệu nhà văn Phan Lạc Phúc với Tuyển Tập Tạp Ghi do nhà xuất bản Văn Nghệ ấn hành. Thống khoái là hai chữ khá chính xác có thể dùng để mô tả không khí cuốn Tuyển Tập Tạp Ghi của nhà văn Phan Lạc Phúc, như chữ sừng nhà văn Võ Phiến từng dùng khi đề cập đến cảm giác đọc bút ký Bạn Bè Gần Xa đã xuất bản hai năm trước đây.

Cuối năm 2002, ký giả Lô Răng Phan Lạc Phúc lại gửi đến độc giả Việt Nam cuốn Tuyển Tập Tạp Ghi. Cuốn này, như Bạn Bè Gần Xa là những ghi nhận đậm đà hình ảnh của quê hương, kỷ niệm, bạn bè. Tuy là những ghi nhận riêng tư, nhưng cái khéo của tác giả là đã làm sống lại tâm cảnh, các xúc cảm của rất nhiều người đọc ông. Cũng qua hình ảnh ông ghi xuống, người đọc có cơ hội thấy được, gặp được các nhân vật, hoàn cảnh sống trong giai đoạn vừa qua. Bạn ông cũng là các nhân vật tầm tiếng trong giới văn nghệ, làm báo, làm văn, các người tù kiệt xuất, những nhà tu có lòng đại lượng. Ông vẽ lại được các thảm kịch bên cạnh những niềm vui. Nhà thơ Du Tử Lê không ngại gọi ông Phan Lạc Phúc là cha đẻ của thể Tạp ghi Việt Nam. Về văn phong, nhà thơ Viên Linh nhận xét rằng ở ký của Phan Lạc Phúc “có cái ngọt của Lâm Ngữ Đường, cái mặn của Chekov, cái gió của Đà Giang, của thung lũng Phong Châu, của quê làng, quê đất của anh”.

“Tuyển Tập Tạp Ghi” gần 470 trang trình bày trang nhã của Phan Lạc Phúc có 54 tiểu ký.



Phan Lạc Phúc sinh quán 1928, làng Hữu Bằng, huyện Thạch Thất, phủ Quốc Oai, tỉnh Sơn Tây Bắc Việt, ông đã theo học trường Văn Khoa Sài Gòn, đi lính Khóa 2 Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức và Trường Thông Tin Báo Chí Rochelle University Hoa Kỳ. Từ 1975 đến 1985, ông bị đưa đi tù cải tạo, qua 7 trại tù Nam ra Bắc. Năm 1991 ông đã sang Úc định cư ở Sydney.

Ký giả Lô Răng Phan Lạc Phúc từng giữ chức chủ bút nhật báo Tiền Tuyển, cơ quan ngôn luận của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Ông từng là bình bút cho Chỉ Đạo, Tiền Phong, Nghệ Thuật, Văn, Vấn Đề, Tạp San Quốc Phòng. Ông hiện cộng tác cho một số tạp chí, nhật báo, tuần báo Việt ngữ ở Australia, Texas, California, Canada và Pháp. Sau hai cuốn Bạn Bè Gần Xa 2000, Tuyển Tập Tạp Ghi 2002, ông chuẩn bị cho in cuốn Cõi Người Ta sẽ đến tay người đọc trong thời gian sắp tới.

Ngài tên thật Phan Lạc Phúc, ông còn nổi tiếng qua bút hiệu Ký giả Lô Răng, và dùng một số bút hiệu khác là Thiên Khải, Tường Huân, Huy Quân, Thiên Chương.
Để hiểu về tác giả và tuyển tập tạp ghi mới xuất bản, chúng tôi mời quý thính giả theo dõi cuộc phỏng vấn ngắn ông dành cho tạp chí Văn Học Nghệ Thuật của Đài Á Châu Tự Do sau đây:

Phạm Điền: Kính chào nhà văn Phan Lạc Phúc, chúng tôi hân hạnh được ông đến với tạp chí Văn Học Nghệ Thuật của Đài Á Châu Tự Do. Nhân dịp đầu năm cũng xin chúc ông và gia quyến được sức khỏe an khang. Liên tiếp trong 2 năm qua, ông đã gửi đến cho độc giả khắp nơi hai tuyển tập Bạn Bè Gần Xa, năm 2000 và cuối năm 2002, Tuyển Tập Tạp Ghi. Khó có ai không đồng ý với nhận xét của nhà văn Võ Phiến rằng, đọc các hồi ký khác, người đọc có tâm trạng đau đớn, uất hận. Nhưng Bạn Bè Gần Xa đọc xong thấy tin tưởng, hân diện về con người-thấy sướng. Quả thật những mảnh đời ông dựng lại trong các bài viết đã cho người đọc thấy rõ được sự chí lý của nhận xét kia. Xin ông cho biết ông làm sao giữ được tình cảm đầm ấm và cái tinh thần lạc quan đó ngay cả thời kỳ đi tù cải tạo.

Phan Lạc Phúc: Trước hết tôi xin cảm ơn đã được có mặt trên đài. Một người lính già như chúng tôi thì thực sự ông bạn gọi nhà văn chúng tôi cũng cảm ơn, nhưng không biết có đáng với danh hiệu đó không. Nhân dịp này chúng tôi cũng xin gửi lời kính chào quý vị thính giả của đài và cũng xin chúc một năm mới Quý Mùi tốt lành và may mắn. Hôm nay chúng ta là ngày mừng 6 tháng Giêng, nó cũng không còn là mới lắm nhưng mà quê nhà chúng ta ngày mừng 7 mới hạ nêu kia mà, thì vẫn còn là năm mới chứ.

Bây giờ trở lại cái câu hỏi mà ông bạn nhắc đến ông bạn già Võ Phiến của chúng tôi, thì chúng tôi cũng không biết nói thế nào cho nó hết ý. Nhưng mà bản thân tôi cũng như thể là anh em đồng cảnh đi cải tạo. Thịt da, ai cũng là người, mà đi tù cải tạo thì cái sự đối kháng làm than, đau đớn thì nó là phần số rồi, mình là người thua trận. Nhưng mà ngồi nguyên rùa bóng tối thì đâu có ích lợi gì cho nên tôi nghĩ rằng mình tự thấp một ngọn nến, một ngọn nến tâm linh cho bản thân mình, và nếu có thể cho những người bạn thân của mình.

Thật sự tôi có một cái may mắn, hết sức may mắn là trong những năm tù cải tạo, tôi thường được sống ở bên cạnh một vị chân tu, đó là Thượng Tọa Thích Thanh Long, nguyên Giám đốc Nha Tuyên Úy Phật Giáo. Ông không bao giờ giảng đạo, hay đọc kinh cho tôi nghe, nhưng mà trong cuộc sống cải tạo thấy ông luôn luôn bình thản, không lo, không sợ, không buồn, nên tôi ở gần thì tôi cũng bắt chước ông cụ như vậy tức là không lo, không sợ, không buồn. Có thể đó là một khía cạnh của đại hùng, đại lực, đại từ bi của con nhà Phật chắc.

Trong trại cải tạo, một số anh em có thể bị chao đảo, biến chất. Số đông anh em chúng tôi dù trong cảnh sống động vật vẫn cố giữ phải làm sao ở cho nó khỏi thẹn với mình, với đồng đội. Và có những người anh em của chúng tôi, mất chục năm đi tù cải tạo, kiên giam, nhịn đói, nhịn khát, sống hằng năm trong im lặng trong cảnh tù tội, mà vẫn lòng son dạ sắt, đó là anh Đại Úy biệt kích Dù Nguyễn Hữu Luyện. Anh ấy nói với cán bộ cộng sản rằng tôi chưa thua các anh. Tôi mới thua một trận nhưng chưa thua cuộc chiến này. Cái cuộc chiến mà anh bạn tôi, anh biệt kích Dù Nguyễn Hữu Luyện nói thì không phải một cuộc chiến tranh súng đạn mà có thể là một cuộc chiến tranh nêu cao cái giá trị con người. Và thưa quý vị thính giả, bản thân tôi xin được cảm ơn những người bạn kiệt xuất ấy. Họ là những cái phao cho tôi bám lấy trong những ngày giông bão, những năm tù cải tạo.

Phạm Điền: Thưa ông Phan Lạc Phúc, trong trang đầu tuyển tập mang tựa đề dung dị là Tuyển Tập Tạp Ghi, ông có ghi lại vài dòng văn tắt cuốn sách này gồm “chuyện người, chuyện ta, chuyện xa, chuyện gần, chuyện lẫn thân của người già, nhớ nhà, nhớ nước”. Những tiểu ký ông viết ra quả đúng với vài dòng tóm tắt ông viết lúc đầu. Duy có một điều độc giả không đồng ý với ông khi ông gôí đó là “chuyện lẫn thân”, mà thực ra không lẫn thân một chút nào hết. Những gì ông viết xuống tuy nó chỉ là một vài nét chấm phá của các cảnh đời, nhưng người đọc

không tránh khỏi việc qua đó nhìn thấy cả một cảnh đời đang diễn ra trước mặt. Như vậy thì ông sẽ còn bao nhiêu “chuyện lẩn thẩn” như thế để có thể chia sẻ với độc giả trong tương lai ?

Phan Lạc Phúc: Cám ơn ông bạn. Ông đọc kỹ quá. Tuyển Tập Tạp Ghi theo tôi là chuyện của mình, chuyện mình, chuyện ta, chuyện xa, chuyện gần, chuyện lẩn thẩn của tuổi già, chuyện nhớ nhà, nhớ nước. Dạ thưa ông tôi ở trong tình trạng như thế thật. Tôi ghi lại đủ thứ chuyện. Sách của tôi giống như là một cái cửa hàng hóa, hằm bà lằng không thiếu cái gì hết.

Thưa quý vị thính giả, thưa ông bạn, tôi nguyên là một anh viết báo ấy mà, ngày nào thì cũng phải viết, thành thử ra mình cũng phải chọn, một cái gì mà nó cho phép mình có nhiều đề tài, nhiều sự chọn lựa. Còn cái lẩn thẩn, người già thì nó phải lẩn thẩn chứ. Xin phép quý vị và xin phép ông bạn để nói đôi chút về bản thân mình. Tôi năm nay tuổi tây là 75 tuổi mà tuổi ta 76, người ta bảo là tuổi con rồng, nhưng là rồng đất. Đến tuổi này thì trí nhớ tự nhiên là nó mỗi mệ, rồi suy xét nó cũng chậm lụt nên cái mà mình viết ra, nói ra thì chắc không thể nào tránh được sự sai sót, lảm cẩm cho nên nó có lẩn thẩn cũng xin quý vị miễn thứ.

Phạm Điền: Có đọc hai tuyển tập Bạn Bè Gần Xa và Tuyển Tập Tạp Ghi mới đây người ta mới thấy rõ cái tên Lạc Phúc của ông có tính cách tiền định, mang tới cho người đọc một niềm hạnh phúc không tên. Nếu vẫn là người, hẳn đây phải là một phản ảnh rõ nhất khía cạnh đôn hậu trong cái nhìn của ông đối với con người và cuộc đời. Quan niệm sống đó đã ở với ông từ lúc nào?

Phan Lạc Phúc: Xin cám ơn những cái hảo ý của ông bạn. Thật sự ra thì tên tuổi thì đầu tiên là phải cảm ơn cha mẹ. Chắc ông bà thân sinh ra tôi hy vọng ở tôi nhiều lắm cho nên mới cho cái tên như vậy, nhưng mà nghĩ lại thì mình không được xứng đáng hy vọng mà cha mẹ đặt vào. Lạc Phúc hay là hạnh phúc thì giống như một bài học ngày xưa, hạnh phúc như một con chim xanh bay mất mà ít khi trở lại. Có chăng thì nhắc chúng ta một điều, nếu trong bất hạnh thì chúng ta nên kiếm một nụ cười, hơn là một lời nguyền rủa. Nếu ông bạn cho đó là một cách sống, một nhân sinh quan, thì tôi cố gắng để theo cái đường lối đó.

Phạm Điền: Thưa ông, có ông Nguyễn Xuân Nghĩa, chủ bút báo Viet Tide ở California nói rằng “Nếu người ta muốn biết về giai đoạn chúng ta phải trải qua thì cuốn bút ký Bạn Bè Gần Xa có thể cung cấp nhiều thông tin quý giá.” Đây là một nhận xét rất sát với những gì có ở trong hai cuốn sách. Làm sao ông giữ được kỷ niệm phong phú đó, và khả năng hồi ức phải làm việc như thế nào để có sự linh hoạt như vậy?

Phan Lạc Phúc: Xin cám ơn bạn Nguyễn Xuân Nghĩa của chúng tôi. Ông này cũng vì ưu ái cho nên mới cho tôi cái nhận định độ lượng như thế, mà tôi không dám nghĩ điều tôi viết hay là những kỷ niệm của bản thân tôi là về bạn tôi lại có thể sống lâu như vậy. Thực ra thì chúng tôi chỉ cố gắng, chuyện như thế nào thì mình cố gắng ghi lại trung thực. Như thế nào thì nói ra thế ấy. Tôi cũng không dám nghĩ là tôi khách quan, bởi vì làm sao tránh được chủ quan thưa ông. Tôi cũng không có cái lẽ lối đặc biệt riêng gì trong cái việc hồi ức. Nhưng mà thưa bạn, khi người ta có tuổi rồi, người ta già thì người ta thường sống bằng quá khứ bằng kỷ niệm cho nên ở trong tôi, những cái gì nó thuộc về ngày xưa, tôi lại nhớ rõ.

Thưa quý vị thính giả cuộc phỏng vấn tác giả Phan Lạc Phúc về Tuyển Tập Tạp Ghi kỳ này xin ngừng lại ở nơi đây. Mời quý vị đón nghe phần tiếp vào Thứ Bảy kỳ tới chung quanh Tuyển Tập Tạp Ghi và tác giả Phan Lạc Phúc.

Xin cảm ơn tác giả đã dành cho chúng tôi cuộc phỏng vấn ngày hôm nay.

© 2004 Radio Free Asia

Người tù kiệt xuất



Biệt Kích Dù

Trích trong tập bút ký "Bè Bạn Gần Xa" của Nhà Văn Phan Lạc Phúc viết về cuộc đời bất khuất đối với Việt Cộng của Đại Úy Biệt Kích Dù Nguyễn Hữu Luyện trong các trại tù cải tạo của Cộng Sản ở Bắc Việt. (NXB Văn Nghệ)

Tôi đã nhiều lần định viết về những người tù kiệt xuất của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa: những anh em Biệt Kích Dù, những người "từ trên trời rơi xuống", nhưng tôi cứ lần lựa mãi. Lười biếng thì chỉ có một phần. Lý do chính yếu là những người bạn tù mà tôi bội phần cảm phục ấy đang ở trong một tình trạng hết sức khó khăn. Chúng tôi đi cải tạo sau tháng 4 đến 1975, dù đớn đau, khổ nhục đến đâu, vẫn có tên, có tuổi, hằng tháng, hằng quý vẫn còn liên lạc được với gia đình. Anh em, bè bạn ở nước ngoài vẫn còn có chút âm hao để mà theo dõi. Những anh em Biệt Kích Dù thì đúng là "thượng diệt, hạ tuyệt" - không có quân bạ, quân số, không có tên có tuổi nào được đăng ký, không có chính phủ nào, quân đội nào công nhận có những con người ấy ở dưới tay. Không được liên lạc với ai, coi như không còn hiện diện trên trái đất. Ở trên trời rơi xuống Bắc Việt vào đầu thập niên 60 thời Đệ Nhất Cộng Hòa, những anh em Biệt Kích Dù đã tham dự một cuộc chiến tranh tối mật (secret war). Những người tình nguyện tham gia cuộc chiến này đã tự coi như mình đã chết; nhảy xuống, tìm được địa bàn hoạt động, trà trộn được, ẩn dấu được là sống, là thi hành xong nhiệm vụ, nếu bị lộ, bị bắt, bị giết thì "Anh tự lo liệu cho cái thân anh, không có cơ quan nào, tổ chức nào đứng ra can thiệp hay bảo trợ cho anh được". Những người tù "đứt dây rơi xuống" này không được hưởng chút quyền lợi nào từ quy chế tù binh (Genève); các cơ quan nhân đạo quốc tế như Hội Hồng Thập Tự, Hội Ân Xá Quốc Tế cũng không biết làm sao để can thiệp, vì các anh đâu có quân bạ, quân số, đâu có tên có tuổi được đăng ký hợp pháp ở một chính phủ nào.

Dưới thời Đệ Nhất Cộng Hòa, (thời tổng thống Ngô Đình Diệm), nghe nói đại tá Lê Quang Tung, em là thiếu tá Lê Quang Triệu phụ trách công tác này. Ở đằng sau có cơ quan tình báo hay phản gián nào của Mỹ yểm trợ hay không, điều này ai cũng hiểu là phải có, nhưng cơ quan nào: CIA hay thuộc cơ quan tình báo Ngũ Giác Đài, không ai dám đoan chắc, mà cũng không ai dám biết. Nghe nói những người được tuyển chọn vào Biệt Kích Dù tham gia vào cuộc chiến tranh tối mật, ngoài những người khả năng đặc biệt về nghiệp vụ như tình báo, truyền tin, phá hoại, trà trộn dưới đồng bằng, ẩn dấu trong rừng sâu, chiến đấu với đối phương, với bệnh tật, với thiên nhiên, được trang bị thật kỹ từ A đến Z về mưu sinh thoát hiểm, họ còn phải là những

người tuyệt đối tin tưởng vào quốc gia, vào lãnh tụ. "Sống không rời nhiệm vụ, chết không bỏ lập trường" đó là vũ khí chung của anh em Biệt Kích.....

Như mọi người đã biết, cuộc chính biến 1 tháng 11 năm 1963 đã làm sụp đổ nền Đệ Nhất Cộng Hòa, anh em tổng thống Ngô Đình Diệm bị hạ sát; người rất thân tín, người ủng hộ đến cùng anh em tổng thống Diệm là anh em đại tá Lê Quang Tung, thiếu tá Lê Quang Triệu tất nhiên cũng bị triệt hạ theo. Các anh em Biệt Kích Dù sau tháng 11 năm 1963, khi anh em tổng thống Diệm chết đi, khi anh em người chỉ huy chiến dịch là Lê Quang Tung-Lê Quang Triệu bị hạ sát, đã bị rơi vào tình trạng rấn mất đầu. Sự tan vỡ như thế là không tránh khỏi. Không biết có một sự kiện "vỡ kế hoạch" vô tình hay cố ý nào không, nhưng các anh em Biệt Kích Dù ra Bắc lần lượt bị phát giác, bị truy bức, bị giết và bị bắt. Không ai biết rõ hay biết mà không ai dám nói ra, đã có bao nhiêu Biệt Kích Dù ra Bắc, công trạng họ lập nên được những gì? Bao nhiêu người sống, bao nhiêu người chết? Chiến tranh tối mật nên những người thực hiện sống hay chết đều nằm trong bóng tối. Đó là quy luật của cuộc chơi. Một cuộc chơi quyết liệt và tàn nhẫn. Có nhiều người cho rằng trong bất cứ cuộc chiến tranh nào, người có công nhất chưa chắc đã là viên thống soái chỉ huy ba quân tướng sĩ, mà người có công nhất có thể là người chiến sĩ vô danh chết chông đồng trong chiến hào, chết âm thầm trong rừng sâu, chết lạnh lùng dưới biển cả. Thời gian cũng như lòng người, đều vô tình như nhau. Nào ai còn nhớ trong biết bao nhiêu người chiến sĩ Biệt Kích Dù ra Bắc đầu thập niên 60 năm ấy, ai còn, ai mất?

Năm 1980 khi lũ tù cải tạo chúng tôi đến huyện Như Xuân, chốn rừng sâu Thanh Hóa, gần biên giới Lào, chúng tôi thấy đây là một trại tù mới dựng giữa rừng sâu. Trước đó, chắc trại Thanh Phong này chưa có trên bản đồ các trại tù miền Bắc. Đây là một trại tù "ẩn giấu". Lũ tù cải tạo chúng tôi đến đây, thuộc loại được đánh giá là "ác ôn nợ máu" gồm thành phần An ninh, Phòng nhì, Trung ương tình báo, Chiến tranh chính trị, Bình định nông thôn ... thành phần mà "Cách mạng" cho rằng có liên hệ với CIA. Nhưng so với anh em tù nhân lưu cữu ở đây thì chúng tôi chưa có kí lô nào hết. Chúng tôi ở phân trại mới K2; phân trại chính và có mặt ở đây trước là K1, nơi giam giữ tù nhân kêu bằng CIA, nhưng thực ra chính là anh em Biệt Kích Dù từ đầu thập niên 60 đã nhảy dù ra Bắc.

Lũ chúng tôi mới tới được đưa ra tắm suối. Chợt gặp hai người, lưng mang dao quắm, khiêng mỗi người một bó nứa khá to. Hai người đặt bó nứa xuống và hỏi: "Các bác vừa ở Tân Lập, Vĩnh Phú xuống?" Chúng tôi gật đầu đồng ý. Hai người liền lật đặt đứng nghiêm, giơ tay chào theo đúng lễ nghi quân cách và đồng thanh nói: "Chúng em là Biệt Kích Dù đây".

Chúng tôi vừa xúc động, vừa hoang mang chưa biết nói năng gì thì một người vừa giơ ống tay áo lên lau mắt vừa nghẹn ngào: "Gần hai mươi năm nay chờ đợi các anh. Không ngờ lại gặp các anh trong tình cảnh này, đau đớn quá".

Anh em Biệt Kích Dù về miền thượng du Thanh Hóa, gần biên giới Hạ Lào này trước chúng tôi chừng vài năm, sau khi đã trải qua những năm tháng tù đầy khốn khổ ở những trại tù rừng rợn vùng biên giới phía Bắc: Trại Cổng Trời Hà Giang, trại "Mục xương" Cao Bằng hay trại Sơn La "âm u núi khuất trong sương mù". Nếu quân "bành trướng Trung Hoa" không tấn công 6 tỉnh miền Bắc sát biên giới hồi đầu 1979, thì có lẽ anh em Biệt Kích Dù vẫn còn quần quanh nơi rừng núi phía Bắc. Ở đâu anh em cũng bị "cất giấu" chốn rừng sâu, cách biệt hẳn với loài người. Một anh Biệt Kích nói với tôi "Coi như ở đây, trại Thanh Phong này là tụi em được gần gũi với "nhân dân" nhiều nhất. Cũng vì thế nên mới được gặp các anh hôm nay". Trong số các anh em Biệt Kích Dù ở trại Thanh Phong năm ấy (1980) người tù lâu nhất là 20 năm, người ít nhất là 17 năm. "Nhất nhật tại tù, thiên thu tại ngoại" chúng tôi đi cải tạo đã được 5 năm, đã thấy cuộc đời tù dài đằng đẵng, nhưng so với anh em Biệt Kích Dù này thì thật là chưa thấm vào đâu. Anh em cải tạo tụi tôi vẫn còn liên lạc được với gia đình, vẫn nhận thư, nhận quà, có anh còn được người nhà từ trong Nam ra thăm nuôi nữa. Mới đây một số anh em trẻ, cấp bậc nhỏ đã lác đác được về. Như vậy là ở cuối đường hầm chúng tôi chúng tôi đã có leo lét một vài tia sáng. Anh em Biệt Kích Dù thì từ 20 năm nay, hoàn toàn nằm trong bóng đêm, sống cách biệt

hắn với loài người, coi như những người "bị bỏ quên" trên hành tinh trái đất. Người tù truyền thuyết trong cổ tích Trung Hoa là ông Tô Vũ cũng chỉ chẵn dê ở Hung Nô đâu có 17 năm. Xem ra thâm niên đi tù của ông Tô Vũ cũng còn thua xa anh em Biệt Kích Dù. Từ 20 năm nay, tù Biệt Kích chưa hề có ai được tha về. Không, cũng có một số anh em được về - nhưng ... đó là "về với đất".

Phân trại K2 của chúng tôi nằm cách K1 nơi giam giữ anh em Biệt Kích Dù chừng 4 cây số đường rừng. Ở cách K2 chừng một giờ đi bộ còn có K3 - nơi giam tù hình sự dữ nhất: cướp của, giết người. Từ huyện lỵ Như Xuân, vào đến K1 khoảng 15 cây số. Ngày xưa, hồi kháng chiến chống Pháp cuối thập niên 40, đi vào khu 4, nghe nói đến địa danh Hồi Xuân, La Hán ở trên rừng là đã rợn người. Nhưng mà đường đến Hồi Xuân-La Hán so với đường vào trại Thanh Phong thì chưa đi đến đâu... Một người bạn có vợ thăm nuôi vào được đến Thanh Phong, gặp chồng rồi là cứ ôm chồng mà khóc. Người vợ đau khổ ấy không dám nói cho người chồng xấu số biết chị vừa trải qua những khốn khổ nào. Chỉ biết chị đi từ huyện Như Xuân vào đây chưa đầy 20 cây mà 2 ngày mới đến, phải ngủ giữa rừng. Cái gì đã xảy ra cho người đàn bà miền Nam một nách trên 30 ký quà cáp, không có xe phải đi bộ trên những con đường băng rừng lội suối. Nếu đang đi mà trời mưa đổ xuống thì là tai họa. Suối đang nông lội qua được, mưa xuống chẳng bao lâu là nó thành sông. Miền Trung đất hẹp, rừng không giữ được nước, nên trời đổ mưa xuống là nó theo sông theo suối cuốn trôi ngay ra biển. Suối liền trở thành sông. Người ở đâu ở đó làm gì có phương tiện sang sông nước đang lên cuộn cuộn. Nước lên rất mau mà xuống cũng mau. Người đàn bà đi thăm nuôi chồng phải nghỉ qua đêm ở một cái chòi vắng ven rừng. Đêm đến, những "con người thú" đã khai thác đến tận cùng thân xác và của cải người đàn bà thân cô thế yếu giữa rừng sâu. Sáng ra chị đã muốn cắn lưỡi tự tử, nhưng vì không muốn bỏ rơi mấy đứa con nhỏ còn ở lại Sài Gòn, nên chị mới lê tấm thân nhợt nhạt đến gặp chồng đang cải tạo. Quà cáp bị cướp luôn. Hai vợ chồng cứ ôm nhau mà khóc.

Câu chuyện đau khổ ấy, dù người chồng câm nín không tiện nói ra nhưng dần dần anh em ai cũng biết. Nó trở thành một nỗi âu lo âm ỉ trong đám tù cải tạo. Ai mà không mong một ngày nào đó được thăm nuôi, được gặp vợ, gặp con. Nhưng nếu vợ con mình, thân nhân của mình phải hứng chịu những tai vạ đau thương nhường ấy để được thăm nuôi mình thì khốn nạn cho vợ con mình quá. Nhưng lo thì lo vậy, biết tính làm sao. Thân mình còn chưa chắc là của mình thì còn lo cho ai được nữa. Trước sự kiện mất an ninh, cướp bóc, hiếp đáp giữa đường như vậy trại cũng ra thông cáo là sẽ điều tra, sẽ trừng trị nhưng chưa thấy biện pháp nào cụ thể. Anh em Biệt Kích Dù thì ngược lại phản ứng tức thời. Đa số anh em Biệt Kích Dù ở đây là "diện rộng" tỏa ra đi lao động trên rừng. Trại Thanh Phong ngán ngại anh em Biệt Kích Dù nhưng trong thực tế, trại "nể" anh em. Trại nể anh em Biệt Kích Dù vì tác phong của họ, vì sự trên dưới một lòng của họ, nhưng lý do chính yếu nhất là vì Biệt Kích Dù chính là cái "túi tiền" của ban Giám thị trại. Trại tù ở trên rừng, đâu còn chấm mút được gì. Nhưng vì ở chốn rừng sâu, không ai léo hánh đến đây, nên trại dễ làm mưa làm gió. Tục ngữ có câu "Nhất phá Sơn lâm, nhì đâm Hà bá". Chỉ cần có nhân công biết nghề rừng, có kỹ thuật và có sức. Điều này thì không ai sánh được với Biệt Kích Dù. Rừng ở đây thuộc loại rừng đại ngàn nên gỗ quý thiếu gì, lại còn có quế. Quế Thanh Hóa xưa nay vẫn có tiếng trong nền y dược Đông Phương.

Bây giờ không còn bao nhiêu nhưng một tổ anh em Biệt Kích Dù vẫn được lên rừng tìm quế cho trại trường Thủy "mồi", nhưng bên ngoài gọi là đi lấu nữa. Anh em diện rộng Biệt Kích Dù có 3 đội đi rừng lấy gỗ. Lấy về trại xây dựng thì ít mà lấy gỗ súc đem ra Thanh Hóa bán chui thì nhiều. Tôi được biết trại trường Thủy "mồi", phân trại trường K2 Vũ B. ai cũng được anh em Biệt Kích Dù lo sẵn mỗi người một số danh mộc (như lim, như sến, cán bộ vừa vừa thì có gỗ thao lao, bằng lăng) đủ làm một căn nhà bè thế ở quê nhà. Anh em Biệt Kích Dù như vậy là một thứ tù "thượng thừa" của trại. Tiếng nói của anh em rất được lắng nghe. Phần lớn anh em Biệt Kích Dù là hạ sĩ quan, có một số là dân sự nữa. Chỉ có một sĩ quan chỉ huy, đại úy Nguyễn Hữu

Luyện. Chưa được gặp anh, nhưng tất cả anh em Biệt Kích Dù nói đến người chỉ huy của họ với tất cả lòng kính mến. Rất ít người được gặp vị sĩ quan Biệt Kích Dù này, vì anh không lao động, không đi ra ngoài. Tuy vậy, một mệnh lệnh của vị chỉ huy Biệt Kích Dù đưa ra, dù là ở trong cảnh tù đầy, nhưng anh em Biệt Kích Dù vẫn tuân hành răm rắp.

Phản ứng trước sự mất an ninh con đường từ huyện Như Xuân đến trại, anh em Biệt Kích Dù đề nghị mở một "dịch vụ chuyên chở" từ huyện lỵ đến trại Thanh Phong. Lúc ấy đang có phong trào "hạch toán kinh tế". Anh em Biệt Kích Dù có kế hoạch đóng 2 cái xe trâu, do trâu của trại kéo cùng với hai anh em Biệt Kích Dù phụ trách. Hai xe, một ra một vào, giúp cho thân nhân của anh em cải tạo viên có phương tiện đi lại, khỏi phải gồng gánh đi chân như trước, trại cũng có một nguồn thu ổn định. Hoặc có thể dùng xe trâu để chuyên chở nông lâm sản hay hàng tiêu dùng cho trại và dân chúng. Đề nghị này được chấp thuận và sau đó gia đình cải tạo viên tới thăm nuôi có xe trâu chở hàng, chở người, tuy chậm nhưng mà chắc, không bị dân vùng đó hà hiếp, bắt chẹt về giá cả gồng gánh - quà cáp và thân nhân tù cải tạo cũng được bảo vệ an toàn. Cùng một lúc với việc đóng xe trâu chở hàng, chở người, anh em Biệt Kích Dù "diện rộng" đi "rỉ tai" khắp các vùng thôn bản xa gần trong huyện Như Xuân "khẩu lệnh" của Biệt Kích Dù. Khẩu lệnh như sau: "Thân nhân cải tạo viên ở trại Thanh Phong này là bà con ruột thịt của Biệt Kích Dù. Anh em Biệt Kích Dù xưa nay không động đến ai, nhưng thằng nào con nào động đến thân nhân anh em cải tạo, dù là về của cải, dù là về nhân thân, là Biệt Kích Dù nhất định không để yên. Luật của Biệt Kích Dù là "mất một đền mười". Động đến thân nhân cải tạo viên, nhẹ là chặt chân, chặt tay, nặng là giết mà giết cả nhà. Biệt Kích Dù không có gì để mất, đã nói là làm". Từ đó về sau, thân nhân cải tạo viên trại Thanh Phong đi thăm nuôi an toàn tuyệt đối...

Hai cái xe trâu, một ra một vào từ trại Thanh Phong tới huyện Như Xuân do anh em Biệt Kích Dù phụ trách không những giúp cho thân nhân cải tạo viên thăm nuôi đi lại an toàn thuận tiện, mà còn là một đường dây giúp chúng tôi liên lạc với "thế giới bên ngoài"? Muốn "bắn" một cái thư khẩn cấp về Sài Gòn, muốn mua thuốc Lào, thuốc lá, hay thuốc tây, báo chí... cứ nhờ anh Biệt Kích Dù đánh xe trâu. Chiều nào, vào khoảng ba, bốn giờ là xe trâu của anh Biệt Kích Dù cũng lịch kịch đi qua mấy lán của đội mộc, đội rau, đội mía, đội nông nghiệp tụi tôi ven đường. Biệt Kích Dù hầu như quen biết hết cán bộ coi tù. Anh em có "mánh" để giao thiệp với họ. Bao giờ anh em cũng làm đầy đủ thủ tục đầu tiên: đồng quà, tấm bánh, ít ra cũng là điều thuốc có cán, hay là tờ báo. Cán bộ nào tới đây cũng nhờ vả anh em Biệt Kích Dù không ít thì nhiều. Vài bó nữa sửa lại cái căn nhà, cây tre làm cột, ít vòng mây buộc lại cái cổng, cái giàn hoa. Cán bộ có chức có quyền thì như đã nói, anh em Biệt Kích Dù "đắm mồm" hết: không một bộ khung nhà bằng danh mộc thì cũng gỗ sục hay đóng bàn đóng ghế. Trên 250 anh em Biệt Kích Dù ở K1 làm đủ mọi thứ nghề, cung cấp nhân lực và kỹ thuật cho hoạt động của toàn phân trại K1. Diện rộng đi rừng lấy gỗ, lấy nứa, lấy mây - ở nhà thì có các đội mộc, đội rèn, đội xây dựng, đội chăn nuôi... anh em Biệt Kích Dù bao thầu hết. Tù thâm niên 20 năm có khác. Biết rõ hết đường đi nước bước của cán bộ coi tù.

Trên nguyên tắc trại Thanh Phong K1 đặt dưới quyền chỉ huy của trại trưởng, trung tá Công An Thủy "mồi", nhưng trên thực tế anh em Biệt Kích Dù suốt 20 năm tù đầy gian khổ, vẫn tuân hành tuyệt đối mệnh lệnh của vị chỉ huy của họ, đại úy Nguyễn Hữu Luyện. Đây là một con người huyền thoại. Chúng tôi nghe đến tên anh từ lâu nhưng chưa bao giờ được gặp, vì anh không đi lao động ở ngoài. Anh em Biệt Kích Dù đều tỏ ra rất nghiêm trang, rất kính cẩn mỗi khi nhắc đến "ông thầy" của họ. Truyện về đại úy Biệt Kích Dù này khá nhiều, đây về hoang đường, truyền thuyết. Đây là người sau 20 năm bị bắt vẫn còn tuyên bố: "Tôi Nguyễn Hữu Luyện, đại úy Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa... tôi chưa thua các anh. Tôi mới thua một trận, chưa thua cuộc chiến này". - Bắt Nguyễn Hữu Luyện đi lao động, anh nói: "Các anh có thể giam tôi, bắn tôi, nhưng danh dự của một sĩ quan Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa không cho phép tôi làm những công việc mất nhân cách. Quy chế sĩ quan không cho phép tôi làm như vậy". Anh

đã bị kiên giam nhiều năm tại rất nhiều trại rừng rợn, dã man nổi tiếng nhưng Nguyễn Hữu Luyện trước sau vẫn là Nguyễn Hữu Luyện, không thay đổi, không khiếp sợ, không khuất phục. Việc Nguyễn Hữu Luyện, không đi lao động như mọi tù nhân khác từ gần 20 năm nay đã trở thành một nề nếp đặc biệt, các trại tù ngoài Bắc dù muốn dù không đều phải chấp nhận. Người ta chưa lường được hết quyền năng của Nguyễn Hữu Luyện đối với anh em Biệt Kích Dù như thế nào. Khi cần Nguyễn Hữu Luyện ra lệnh là tất cả anh em Biệt Kích Dù nghỉ hết. Như bữa ở trại Thanh Phong có một anh em Biệt Kích Dù họ "tôn" nhiều năm không có thuốc nên anh "về nước Chúa". Phần lớn các anh em Biệt Kích Dù đều là người Thiên Chúa Giáo nhiệt thành, kể cả Nguyễn Hữu Luyện. Nói chuyện với anh em Biệt Kích Dù họ đều nói "anh em lãnh tụ Ngô Đình Diệm, Ngô Đình Nhu chúng tôi chưa có chết. Còn ẩn lánh đâu đó... Lãnh tụ chúng tôi ngày nào đó sẽ trở về...". Nghe anh em Biệt Kích Dù họ tôn nằm xuống, các đội Biệt Kích Dù khi có lệnh xuất trại đều ngồi yên không đi làm. Họ nói "được lệnh của đại úy Nguyễn Hữu Luyện, anh em Biệt Kích Dù ở nhà để lo hậu sự cho người anh em vừa mới mất". Cán bộ trực trại đến hỏi Nguyễn Hữu Luyện tại sao ngăn trở việc điều hành của trại. Nguyễn Hữu Luyện trả lời: "Các anh tôn trọng đồng chí của các anh thì chúng tôi cũng yêu thương đồng đội của chúng tôi. Nghĩa tử là nghĩa tận, anh em chúng tôi phải ở nhà để một lần cuối cùng vĩnh biệt người nằm xuống". Sau điều đình mãi, chỉ có đội Biệt Kích Dù lo về cơm nước cho phân trại và bộ phận chạy máy điện là đi làm, kỳ dư anh em Biệt Kích Dù khác đều nghỉ hết. Gặp gỡ anh em Biệt Kích Dù, nghe chuyện kể về đại úy Biệt Kích Dù Nguyễn Hữu Luyện tôi vừa tự hào vừa buồn bã. Tự hào vì đồng đội đã có những người kiệt xuất như vậy, buồn bã vì nhìn lại bản thân, nhìn anh em xung quanh mình thấy khá nhiều người bất xứng. Những năm tháng trong trại tù giữa rừng núi Thanh Phong, anh em Biệt Kích Dù đối với chúng tôi, vừa là một đường dây yểm trợ vật chất, mà cao trọng hơn, còn là một nơi nương tựa tinh thần.

Tết năm 1982. Một số lớn anh em trong trại K2 đã chuyển về Nam. Đội văn nghệ nghiệp dư của tụi tôi thiếu rất nhiều "nhân tài" nhưng vẫn phải trình diễn cho anh em vui Tết. Thiếu người, thiếu tiết mục, chúng tôi nhập luôn đội múa lân vào đội văn nghệ cho xôm tụ. Không ngờ đội văn nghệ "què" như vậy, Tết lại phải đi "lưu diễn" trên K1 và K3. Mừng 2 chúng tôi lên K1 - đường dài 4 cây số chúng tôi đi gần hai tiếng đồng hồ, khoảng gần 9 giờ mới tới. Một đại diện anh em Biệt Kích Dù nói rằng: "Chẳng mấy khi được đón tiếp các anh bữa nay, anh em K1 chúng tôi xin hạ một con heo để đón mừng anh em văn nghệ". Tôi được biết sau này sự hậu đãi ấy là do ý kiến của đại úy Nguyễn Hữu Luyện đề xuất. Chưa bao giờ đội văn nghệ tù chúng tôi được tiếp đón long trọng và săn sóc chu đáo như vậy. Theo chương trình, đội văn nghệ trình diễn buổi trưa, diễn xong ăn uống rồi về.

Đang trông nom cho anh em dựng sân khấu ở hội trường, chợt có một anh em Biệt Kích Dù đến bên tôi khẽ nói: "Anh Luyện em mời anh vô trong lán uống trà". Đi lên đây K1, ước mong thăm kín của tôi là được gặp người sĩ quan Biệt Kích Dù truyền thuyết ấy. Xem con người thật và con người "huyền thoại" giống nhau, khác nhau ra sao. Tôi vội vàng theo người anh em Biệt Kích Dù đi vào trong lán. K1 cũng như K2, K3 lán tù thường tối và thấp. Đi qua hai ba căn nhà dài hôi hám, mờ mịt tôi tới một căn buồng đầu lán. Vừa bước chân vô chưa kịp định thần, tôi đã thấy một con người cao lớn, mắt sáng trán cao đứng phất dậy, chụm chân theo động tác quân sự, giơ tay chào đúng lễ nghi quân cách, miệng nói: "Mes respects, mon colonel!".

Tôi thẳng thốt không biết phản ứng ra sao? Đi tù 5, 6 năm nay, mình là giai cấp đang bị triệt tiêu, là tù nhân đứng hàng thứ bét của nấc thang xã hội, tại sao lại có người chào mình trân trọng như vậy. "Mes respects mon colonel" đây là lễ nghi theo kiểu Pháp. Bao nhiêu năm nay, có nghe thấy, nhìn thấy kiểu chào này đâu. Mình bây giờ, là tù khổ sai biệt xứ, đâu còn gì mà "kính chào trung tá".

Tôi vội vàng tiến tới nắm lấy tay người đang đứng cứng người chào tôi theo đúng lễ nghi quân cách mà hỏi: "Thưa anh, anh là Nguyễn Hữu Luyện?" Người ấy, vẫn đứng nghiêm, chỉ đưa tay xuống rồi nói tiếp: "Vâng thưa anh, tôi là Luyện", "Anh Luyện ơi, anh làm vậy tôi khó xử quá,

thời buổi này, anh em mình gặp nhau là quý". Lúc ấy, Nguyễn Hữu Luyện mới rời bỏ tư thế đứng nghiêm, khẽ nói "Thưa anh, anh vẫn cứ phải cho phép tôi làm như vậy. Dù sao chẳng nữa, anh vẫn là đàn anh của tôi".

Nguyễn Hữu Luyện học khóa 4 phụ Thủ Đức. Tôi học khóa 2 có ra trường trước anh vài khóa thật, nhưng 20 năm qua, nếu anh còn ở lại miền Nam, với khả năng ấy, thiện chí ấy, không biết anh đã lên tới cấp nào, đâu có lẹt đẹt như tôi. Khóa 5 Thủ Đức đã có người lên tướng. Nhưng đối với người như Nguyễn Hữu Luyện, theo tôi cấp bậc là thứ yếu, nhân cách mới là chính yếu. Ở trong quân đội miền Nam, về nhân cách, ai xứng đáng là đàn anh của đại úy Biệt Kích Dù Nguyễn Hữu Luyện bây giờ?

Sau một tuần trà, Nguyễn Hữu Luyện chậm rãi nói nhỏ với tôi: "Có một "thằng em" vừa nhận được một cái tin rất lạ, rất mới. May là lại được gặp anh hôm nay ở đây. Được biết anh vốn là một nhà báo. Xin anh cho ý kiến về tin vừa mới nhận này". Nói xong Nguyễn Hữu Luyện ra dấu cho một anh em nào đó đứng gần bên "Gọi Th. lên đây". Trước khi Th. tới, anh Luyện có cho tôi hay Th. là một biệt kích dù cấp bậc thượng sĩ chuyên lo về truyền tin. Th. là một chuyên viên về địa hạt này. Hai chục năm bị bắt nhưng Th. vẫn xử dụng được tay nghề. Ở ngoài Bắc lúc ấy, tiêu chuẩn của một người "phần đầu tiến bộ" là đạt 3 Đ: xe đạp, đồng hồ và Đài (radio). Trong hàng ngũ cán bộ thì công an vốn là một nơi an toàn mà "kiếm được". Chỉ có hàng ngũ bộ đội là phải đi chiến trường chết banh thây mất xác hoặc phải đóng quân ở những nơi đầu sóng ngọn gió nghèo mạt rệp mà thôi. Cán bộ Công an tương đối có nhiều người đạt tiêu chuẩn 3 Đ. Nhưng đài ngoài Bắc phần lớn thuộc loại xưa, khó xài, dễ hỏng. Vì vậy nên chuyên viên truyền tin Th. luôn luôn có việc làm. Một lát sau, anh Th. lên gặp chúng tôi. Anh nói rằng: "Em sửa đài cho cán bộ quanh năm không lúc nào hết việc. Nhưng không bao giờ em sửa đài xong xuôi, rớt ráo. Lúc nào em cũng phải lấy có này, có kia để giữ lại bên mình một cái đài "chạy được". Em giữ lại để đeo "ê-cút-tura" vào nghe tin tức một mình. Thưa anh, tối hôm qua, mừng 1 Tết, chính tai em nghe có một ông tướng Mỹ mà em không nhớ được tên đang ở Việt Nam, nói chuyện với các nhà lãnh đạo Hà Nội về vấn đề cựa chiến binh Mỹ mất tích, về tù nhân chính trị... Lần đầu tiên chính tai em nghe là những biệt kích nhảy dù ra Bắc đầu thập niên 60 cũng được xét đến trong dịp gặp gỡ này. Thưa anh, vài chục năm nay nghe đài, đây là lần đầu em nghe đài nhắc đến số phận tụi em. Chúng em là những người bị bỏ quên, coi như đã chết rồi. Không số quân, không tên tuổi, không nơi nào nhận. Chúng em là những người "đứt dây rơi xuống" luôn luôn sống ở một xó rừng góc núi "trên không chằng, dưới không rể", không còn liên hệ gì với xã hội loài người. Bây giờ em nghe tin ông tướng Mỹ sang Hà Nội nói đến số phận tụi em, em nghe xong mà tự nhiên nước mắt chảy ròng ròng... không biết là mơ hay thật đây". Tôi vội cầm lấy tay người thượng sĩ Biệt Kích Dù mà nói: "Đúng đấy bạn ơi, thời gian này ông tướng Vessey, đặc sứ (special envoy) của tổng thống Mỹ Reagan đang viếng thăm Hà Nội. Các báo Việt Nam đều nhắc đến sự kiện này. Tin mà bạn vừa nghe được rất đáng tin cậy". Nguyễn Hữu Luyện vội chen vào "Làm sao mình tin được đài Hà Nội". Tôi nói tiếp "Đây là một sự kiện có tính cách quốc tế, truyền thông thế giới đều theo dõi sự viếng thăm của tướng Vessey, nên đài Hà Nội dù muốn dấu cũng khó lòng. Và chẳng thông tin của khối Xã Hội Chủ Nghĩa xưa nay chỉ loan những tin nào có lợi cho họ. Tin bất lợi, họ quên đi ngay. Việc tướng Vessey đến Việt Nam, ở bên trong chắc đã có một thỏa thuận nào có lợi cho Hà Nội không mặt này thì mặt kia. Mình chưa biết được sự thỏa thuận ấy đến đâu, chi tiết ra sao, nhưng việc loan tin sự hiện diện của đặc sứ Vessey đến Hà Nội, nhìn chung là một chỉ dấu thuận lợi cho lũ tù nhân chúng ta, đặc biệt là đối với các anh, những người mà trên 20 năm nay họ cố ý hay vô tình quên lãng". Nguyễn Hữu Luyện trầm ngâm "Như bản thân tôi và anh em chúng tôi ở đây đã từng rút kinh nghiệm không nên tin tưởng nhiều quá vào người Mỹ" - "Đồng ý trên nguyên tắc, nhưng trong số những người Mỹ còn nhớ đến đồng minh cũ, còn lưu ý đến số phận khốn khổ của chúng ta thì ông Reagan này là số 1. Nếu năm ngoái cái tên Mỹ khủng nào nó bắn ông ấy chết thì chúng ta còn vất vả hơn nhiều. Bây giờ đặc sứ của ông Reagan, tướng Vessey sang đây có đích thân nhắc đến Biệt Kích Dù thì tôi nghĩ sớm muộn trường hợp các anh sẽ được giải quyết. Các bạn

có thể được về...". Một nụ cười mơ hồ trên khuôn mặt Nguyễn Hữu Luyện. Anh như nói một mình "Được về, được về, mà về đâu....."

Lời bình Mao Tôn Cương của tôi hồi đầu năm khi lưu diễn ở K1 không ngờ được chứng nghiệm. Đến giữa năm 1982, có hai lượt thả Biệt Kích Dù, mỗi lượt trên dưới 100 người. Chuyện không ai ngờ mà tới. Ông tướng Vessey đặc sứ của tổng thống Mỹ Reagan đã gỡ lại chồng hồ sơ mật đầu thập niên 60, can thiệp với Hà Nội để cho những Biệt Kích Dù bị giam trên dưới 20 năm ở nơi thâm sơn cùng cốc được trở về hội nhập với loài người. Cùng thời gian đó chương trình "nước sông công tù" đem cải tạo viên đến khai hoang những vùng rừng núi âm u (như trại Thanh Phong huyện Như Xuân giáp với Hạ Lào này) trở thành nông trường, lâm trường, rồi đem gia đình cải tạo viên lên chỉ định cư trú ở những chốn rừng sâu nước độc, cũng được dẹp bỏ luôn. Phần lớn anh em tù chính trị được chuyển về Nam hay đổi đi trại khác. Đến cuối năm 1982, trại Thanh Phong K2 chỉ còn lại trên 50 tù chính trị. Còn lại toàn là tù "đuì, què, mẻ sứt" già yếu, bệnh tật... hay là thuộc loại "không tiện cho về Nam". Tôi thuộc số trên 50 người còn lại này. Ngày 14 tháng 11 năm 1982 trên nguyên tắc phân trại tù chính trị K2 giải thể. Những người tù còn lại đi ra K1. Ở đây tù chính trị sẽ cùng anh em Biệt Kích Dù còn lại lên xe đi đến một trại khác ở Nghệ Tĩnh: Trại Tân Kỳ.

Trại Tân Kỳ này là một trại "trung chuyển". Bao nhiêu tù chính trị ra Bắc còn lại hồi 76-77 trước khi về Nam về tập trung ở trại này và có một số khác ở trại Ba Sao, Hà Nam Ninh. Trại Tân Kỳ này chứa đựng đủ loại tù: tù chính trị, tù CIA, tù Biệt Kích, tù Fulro, tù hình sự thứ dữ. Trại này có 2 khu, khu Tây và khu Đông. Chúng tôi gọi là "Tây Đức" và "Đông Đức" vì khu Tây tương đối dễ thở hơn khu Đông. Ở đây tôi gặp được nhiều loại người: ông Võ Tr. lãnh tụ VNQDD ở miền Trung, Quảng Ngãi, linh mục duy nhất Trần Hữu L., những ông tướng Fulro, mấy ông thủ tướng, bộ trưởng "chính phủ trong bóng tối" và đặc biệt tôi được ở cùng lán với người thủ lãnh Biệt Kích Dù. Chính trong thời gian này, vì chung đụng, gần gũi nên tôi mới được hiểu thêm về người tù kiệt xuất Nguyễn Hữu Luyện.

Anh em Biệt Kích Dù về trại Tân Kỳ (Nghệ Tĩnh) chỉ còn độ trên 50 người. Vì có tay nghề riêng nên các anh em Biệt Kích Dù được biên chế về các đội chuyên môn như đội mộc, đội rèn, đội chăn nuôi... Riêng thủ lãnh Biệt Kích Dù Nguyễn Hữu Luyện lại chuyển đến một đội khác, đội rau. Tôi xưa nay đi tù cũng có chút "chuyên môn" nên ở đây, trại mới, tôi cũng được sử dụng đúng theo "tay nghề": chuyên trị về phân và nước tiểu. Ở các trại, đội rau nào cũng cần đến loại phân bón này. Tôi nghiệm ra ở các trại cũ như Yên Hạ (Sơn La), Tân Lập (Vĩnh Phú), Thanh Phong (Thanh Hóa) và bây giờ ở đây Tân Kỳ, đồng nghiệp phân tro của tôi thường được tuyển lựa trong mấy ngành Quân huấn, Quân pháp hay Chiến tranh chính trị. Đồng nghiệp cũ của tôi là thượng tọa nguyên giám đốc Nha Tuyên úy Phật giáo, là mục sư Tin Lành, là thẩm phán Tòa án Quân sự, là giáo sư Trường Võ Bị Quốc Gia v.v... Ở đây thì đại loại cũng như vậy, ở khu Tây Đức này có 4 lán, có 4 người lo về nhà cầu thì 1 là biện lý, 1 là đại đức, 1 là ông thầy dạy Anh văn trường Chiến tranh Chính trị và tôi. Sự tuyển dụng "trước sau như một" này là chấp hành đúng tinh thần "Mao-ít": "Chữ nghĩa không bằng cục phân". Tôi lại nhớ đến thái độ của đại úy Biệt Kích Dù Nguyễn Hữu Luyện khi anh nhất định không đi lao động. Ở đây cũng như ở các trại khác từ trên 20 năm qua, và đã trở thành biệt lệ, Nguyễn Hữu Luyện được biên chế về đội rau nhưng anh nhất quyết không đi làm.

Toán "nhà cầu" tụi tôi khoảng 10 giờ sáng là công việc tạm xong. Phân, nước tiểu đã dọn sạch, chuyển cho đội rau. Nhà cầu đã quét tước, rắc vôi. Lúc bấy giờ là lo đi tắm vì dù đã đeo khẩu trang, bịt mũi bịt mồm, nhưng tự thấy thân thể mình hôi hám quá. Mùa nực được đi tắm là một cái sướng, nhưng mùa rét mà phải đi tắm trong khi bụng đói còn cào cào là một cực hình. Nước suối lạnh cắt da, mấy tên tù mặt mũi xám xịt, thân thể gầy còm, co ro run rẩy, ngần ngại đứng bên bờ suối. Nguyễn Hữu Luyện không lao động, người luôn luôn sạch sẽ, nhưng ngày nào dù rét đến đâu Luyện cũng cùng chúng tôi đi tắm. Người lội xuống suối đầu tiên là Luyện. Anh nói:

"cứ ào một cái là xong". Cái lạnh ở miền Trung này đối với Nguyễn Hữu Luyện xem ra không có nghĩa lý gì. Anh bao nhiêu năm nằm trong hốc đá ở trại công trời Hà Giang. Bao nhiêu năm cùm kiên giam trong trại mục xương Cao Bằng. Ở miền cực bắc nước ta, cái lạnh còn ác liệt hơn nhiều. Người tù Biệt Kích trên 20 năm, đi qua mọi gian lao thử thách bằng một câu nói vô cùng giản dị: "Cứ ào một cái là xong".

Ở gần bên, trong cùng một lán, tôi thấy Nguyễn Hữu Luyện sống như một thiền sư. Trong tù có một vấn đề hết sức quan trọng là ăn. Ai cũng đói mờ người. Bữa ăn và cái ăn là giấc mơ lớn nhất của tù. Nhưng đối với Nguyễn Hữu Luyện hình như anh coi rất nhẹ vấn đề ăn. Anh được phát đồ ăn thế nào, ăn thế ấy, mà ăn rất nhẹ, rất nhanh, không biết anh ăn lúc nào. Không thấy anh phàn nàn bao giờ về vấn đề đói. Hình như anh ở tù lâu quá, đói trở thành thường trực nên anh đã quen đi. Một vài anh em được thăm nuôi, hoặc nhận quà, có lòng quý mến anh, biếu anh cục đường, nắm xôi, tấm bánh hay mời ăn một bữa cơm, nhưng trước sau không thấy anh nhận của ai một tặng vật nào. Tôi một bữa nhận quà có đưa đến anh một chiếc bánh chưng nho nhỏ. Anh nhất định chối từ. Tôi mới nói: "Chỗ anh em sao anh kỹ quá". Nguyễn Hữu Luyện cười cười, nắm tay tôi mà nói nhỏ: "Bao nhiêu năm tôi tập cho cái bao tử nó đòi hỏi thật ít. Bây giờ anh em cho tặng vật, ăn vào nó quen dạ đi thì lại khổ đấy anh ạ".

Nhưng có một thứ mà ai cho anh cũng nhận. Nhận một cách hân hoan. Đó là xà bông. Không hiểu sao, Nguyễn Hữu Luyện có một nhu cầu về tắm rửa, về sạch sẽ một cách lạ lùng. Xà bông đối với anh thật là cần thiết. Như đã nói ở trên, chúng tôi dân "nhà cầu" làm việc xong, mình mẩy hôi hám nên cực chẳng đã mùa rét mà phải đi tắm. Nguyễn Hữu Luyện không đi lao động mà trưa nào cũng ra suối với chúng tôi.

Nguyễn Hữu Luyện người rất cao, ít ra là 1,75m. Quần áo trại phát anh mặc vào ngắn cũn cỡn. Người đã cao anh lại còn đi đôi guốc mộc do anh đẽo lấy nên trông lại càng lênh khênh. Đi tù anh nào anh nấy chân nứt nẻ, bè ra như tổ tiên giao chỉ, riêng Nguyễn Hữu Luyện chân trắng bóc, gót đỏ hồng. Trông gót chân của người Biệt Kích Dù đi tù trên 20 năm tôi bỗng nhiên nhớ đến 2 câu thơ của Vũ Hoàng Chương thuở nào:

*Ta van cát bụi trên đường
Dù như dù sạch đưng vương gót này*

Trong món đồ hàng ngày đi tắm của Nguyễn Hữu Luyện có một vật rất lạ, rất ít có ở đây. Tù đi tắm thì cứ thế cởi truồng ra, vục tay xuống suối mà kỳ cọ, tắm rửa. Hoặc buổi sáng có ra giếng rửa mặt thì cũng chỉ mang cái thùng kéo nước với bàn chải đánh răng là cùng. Nguyễn Hữu Luyện đi tắm khác với người ta, mang theo một cái chậu men xanh thật đẹp. Màu men óng ả chói người...tương phản rõ rệt với màu cổ hữu của trại tù là màu xám xịt. Tôi mới hỏi Nguyễn Hữu Luyện: "Ở đâu mà có cái chậu men xinh đẹp vậy?". Nguyễn Hữu Luyện trả lời: "Tôi cũng không ngờ là tôi lại nhận cái chậu này. Của tên trại trưởng trại "mục xương" ở Cao Bằng tặng cho tôi đấy. Cao Bằng giáp với biên giới Trung Hoa nên vẫn có hàng lậu đi từ Trung Quốc sang. Cái chậu này là đồ làm từ Quảng Châu có nhãn hiệu chỉ rõ. Đạo cuối thập niên 70, tên trại trưởng Thiếu tá Công an nó hành tôi ghê lắm. Nhất định nó bắt tôi đi lao động. Tôi thì nhất định không đi. Nó liền cùm chân. Cùm chán rồi đem xuống hầm tối. Rồi bắt nhịn ăn. Mùa lạnh nó còn đổ nước xuống hầm nữa. Tôi người Công giáo nên tôi cầu Đức Mẹ Maria, trong cơn thập tử nhất sinh, tôi cũng cầu luôn Phật Bà Quan Âm nữa. Nó hành tôi mãi năm này sang năm khác mà cuối cùng tôi vẫn còn sống. Nhưng mà chết thì thôi, tôi nhất định không đi lao động. Không chịu thua chúng nó". - "Như vậy thì tên trại trưởng này nó hận anh ghê lắm, tại sao nó lại tặng anh cái chậu này?"- "Tôi cũng không biết nữa, hấn hành tôi luôn mấy năm, nhưng cuối cùng hấn thả tôi ra khỏi hầm kiên giam. Một bữa hấn cho gọi tôi lên. Hấn nói: "Tôi sắp đổi đi trại khác, có phải anh ưa tắm rửa lắm phải không? Tôi tặng anh cái chậu Trung Quốc này". Tôi từ chối nhưng hấn ta cứ để cái chậu lại, rồi bắt tay tù biệt. Chẳngặng đặng đặng, tôi phải giữ cái chậu men xanh này, mà tôi cũng không hiểu tại sao hấn lại làm như thế".

Ở cùng lán tôi thấy Nguyễn Hữu Luyện là một người ít nói, ít giao thiệp. Không đi làm, cả ngày tôi thường thấy anh ngồi quay mặt vào tường, kiểu thiền sư diện bích. Nhưng không phải anh ngồi thiền mà anh đọc sách. Một cuốn sách dày để trước mặt. Anh người Công giáo, tôi tưởng anh ngày ngày đọc thánh kinh. Nhưng một hôm tôi biết là không phải. Một buổi chiều anh mời anh bạn giáo sư Anh văn lại chỗ anh. Anh hỏi về văn phạm, về cách đọc một vài chữ khó. Thì ra cuốn sách dày anh luôn để trước mặt là một cuốn tự điển Anh Việt. Bạn tôi hàng ngày ngồi học thuộc từng trang tự điển. Tôi mới hỏi: "Ông học Anh văn kiểu ấy thì bao giờ cho xong?" Luyện trả lời: "Được chữ nào hay chữ nấy mà cũng để cho nó quên ngày quên tháng đi ông ơi". Nhưng học Anh văn, theo tôi nghĩ rất khó mà tự học. Còn văn phạm còn cú pháp, còn cách đọc, cách nhấn.....làm sao cho người ta hiểu. Ông bạn giáo sư Anh văn và tôi cùng dân "nhà cầu" nên ở gần nhau. Thỉnh thoảng buổi chiều, buổi tối Nguyễn Hữu Luyện lại tới rù rì bàn chuyện tiếng Anh. Ở trong trại cải tạo, tiếng nước ngoài, đặc biệt là tiếng Pháp, tiếng Anh nguyên tắc là cấm chỉ. Nhưng dạo này ở Sài Gòn có phát hành tuần san Nga Xô ấn bản tiếng Anh gọi là New Time. Vì nhu cầu đọc báo cũng như nhu cầu tìm học tiếng Anh, nên tờ New Time anh em nhận được từ gia đình gửi tới khá nhiều. Thấy sách báo của đàn anh Nga Xô vĩ đại là cán bộ trực trại gặt đầu cho nhận. Anh em đọc New Time với quan niệm "Nó nói gì, kệ cha nó - miễn là mình có tài liệu học Anh văn". Nguyễn Hữu Luyện là người tìm đọc New Time kỹ nhất.

Chúng tôi về trại mới Tân Kỳ đã được gần 3 tháng. Anh em Biệt Kích Dù được tha về từ trại cũ Thanh Phong có lẽ cũng đã được trên dưới nửa năm. Đã gần tới Tết, sắp sang năm mới 1983. Anh em nhận được quà nhà gửi "đông" hơn dạo trước. Trại này ở gần ngay huyện lỵ Tân Kỳ nên thư từ, quà cáp thành tới mau hơn Thanh Phong nhiều. Tôi nhận thấy hằng ngày vào khoảng buổi chiều sắp sửa đóng cửa lán, thế nào cũng có một vài anh em Biệt Kích Dù đến nói điều gì đó với Nguyễn Hữu Luyện, như là "báo cáo" hằng ngày của anh em với chỉ huy trưởng. Vừa có một sự kiện đặc biệt xảy ra với anh em Biệt Kích Dù. Trên 20 năm nay, anh em Biệt Kích Dù không bao giờ nhận được thư, được quà...Anh em là những người bị bỏ quên trong xã hội loài người. Nhưng gần đến Tết năm 1983, có trên 10 gói quà gửi đến cho một số anh em Biệt Kích Dù. Những anh em được về từ nửa năm trước đã họp nhau gửi quà cho những người còn ở lại. Trong một buổi tối lên ngồi nói chuyện với tụi tôi, Luyện kể: Một số lớn anh em được về nhưng không còn liên lạc được với gia đình nữa. 20 năm qua gia đình xiêu tán không còn nhận được âm hao. Có anh thì vợ đã lấy chồng khác, đã an phận với một cuộc đời mới từ mười mấy năm qua. Ván đã đóng thuyền, người trở về không muốn gây phiền muộn cho cố nhân làm gì nữa. Những anh em tìm lại được thân nhân, gia đình phải nói là rất hiếm. Vì vậy nên một số lớn anh em Biệt Kích Dù sau khi đi tù 20 năm biệt xứ trở về đành tụ họp cùng nhau, tùy nghề nghiệp, tùy hoàn cảnh mà quây quần bên nhau xây dựng một cuộc đời mới, trong một xã hội mới đầy khó khăn, thù hận. Cuộc sống mới của anh em hẳn là vất vả, gian nan, nhưng những món quà của anh em ở ngoài gửi vào cho anh em ở lại đều là những đồ gia dụng cả: gạo nếp, gạo tẻ, mì, trứng muối, thịt ướp, cá khô, cá hộp v.v... những thứ cần thiết cho một ngày Tết cổ truyền. Anh em được về như vậy đã không quên những người ở lại. Tôi có nghe buổi chiều Luyện dặn một anh em Biệt Kích Dù "sẽ họp lại ăn chung". Một số anh em nhận được quà, được thư, nhưng bản thân Nguyễn Hữu Luyện thì không. Anh là người ít nói, không thích tỏ bày nên tôi cũng không tiện hỏi. Không biết gia đình của anh bây giờ ra sao? Có thể bản tính anh kín đáo, hoặc là nghề nghiệp Biệt Kích, được huấn luyện về bảo mật quá kỹ nên anh không muốn nói về mình; hay là những năm tù kiên giam trong hầm đá đã làm cho anh quen đi với bóng tối và im lặng. Tôi không biết nữa. Tôi chợt nhớ đến chi tiết khi tôi gặp anh lần đầu ở trại Thanh Phong, sau khi nghe tin đặc sứ của tổng thống Mỹ Reagan, tướng Vessey can thiệp thì các anh em Biệt Kích Dù có thể được về, Nguyễn Hữu Luyện đã âm thầm khẽ nói "được về, được về.....mà về đâu?"

Bây giờ tôi mới hiểu hơn hai chữ "về đâu?" của Nguyễn Hữu Luyện. Không biết anh có còn gia đình, có còn người thân chờ đợi? Trên 20 năm biệt xứ, không thư từ, không liên lạc, không tin tức..... đâu phải người đàn bà nào cũng bền gan hóa đá vọng phu? Cái dấu hỏi sau 2 chữ "về đâu" của Nguyễn Hữu Luyện là hoàn toàn hữu lý. Gần Tết năm nay, khi một số khá đông anh em Biệt Kích Dù đã có tin tức...tôi băn khoăn, hồi hộp lo lắng cho tình trạng của anh mà không dám nói ra. Đây là một vấn đề riêng tư rất tế nhị, có khi thiêng liêng nữa, không nên vội vàng đề cập tới.

Một buổi tối Nguyễn Hữu Luyện đến với tụi tôi, dáng điệu hấp tấp hơn thường lệ, trên tay không cầm tờ New Time như mọi khi mà thay vào đó là một bao thư. Chuyển qua buổi trưa vừa tới có thêm một số gói cho anh em Biệt Kích Dù, và trong gói quà mới có bao thư này. Gói quà gửi cho một anh em Biệt Kích Dù khác, nhưng có một số hình ảnh nhờ anh Biệt Kích Dù này gửi cho Nguyễn Hữu Luyện, anh vừa nhận được buổi chiều. Anh ngồi quay lại, đưa hình cho chúng tôi coi. Hình ảnh một đám cưới. Cô dâu, chú rể đang đứng lạy trước bàn thờ khói hương nghi ngút. Trên bàn thờ có tấm hình phóng lớn của thân sinh cô dâu. Đôi trẻ vừa thành hôn đang cúi đầu trước người đã khuất. Tấm hình trên bàn thờ nhìn kỹ đâu phải ai xa lạ chính là hình Nguyễn Hữu Luyện 20 năm về trước. Nguyễn Hữu Luyện nói trong xúc động: "Khi tôi đi con gái đầu lòng tôi mới có 4 tuổi, năm ngoái con tôi nó đã lấy chồng. Hơn 20 năm cách biệt không thư từ, không tin tức, vợ con tôi tưởng rằng tôi đã chết".

Đây là lần đầu tiên tôi thấy một giọt nước mắt ngập ngừng trên khuôn mặt phong sương của người tù kiệt xuất Nguyễn Hữu Luyện. Trong đêm cuối năm giá buốt ở trại Tân Kỳ, Nghệ Tĩnh, có 3 người tù cùng âm thầm nhỏ lệ trong đêm.

Ở trại "Tây Đức" có 4 lán thì 3 lán là tù chính trị ở cùng với tù Fulro, lán còn lại là tù hình sự. Trại Tân Kỳ này, thời kỳ "phồn thịnh" chứa trên 1000 tù, bây giờ tù chính trị được đưa về Nam khá đông nên cả hai khu "Đông Đức - Tây Đức" chỉ còn lại chừng 500 tù. Chúng tôi ở đội rau cùng lán với anh em Fulro thuộc đội "củ quả", chuyên trồng bí, trồng khoai, trồng tra, trồng mía... Những anh em Fulro theo chức danh ghi trong "lý lịch trích ngang" đều là những nhân vật lớn như thiếu tướng, chuẩn tướng, đại tá, trung tá, thiếu tá v.v... nhưng thật ra chỉ là những đồng bào thiếu số không biết chữ, nói tiếng Việt không bỏ dấu, rất khó nghe... luôn luôn cười nhe hai hàm răng cà sát lợi. Sự ngây thơ, chân thật hiện rõ trong từng dáng điệu, từng lời nói. Nghe, nhìn họ khó có thể tưởng tượng đó là tướng, tá trong mặt trận giải phóng liên kết các dân tộc bị áp bức Fulro (Front unifié pour la libération des races opprimées). Phong trào này đã phát khởi từ lâu, giữa những năm 60 và đã gây phiền nhiễu không ít cho chính quyền miền Nam. Sau tháng 4 đến 1975 khi miền Nam rơi vào tay cộng sản, phong trào Giải phóng các dân tộc bị áp bức Fulro không những không tiêu trầm mà ngược lại Fulro lại trở thành một mặt trận võ trang chống đối cộng sản rất mạnh mẽ tại miền Cao nguyên Trung phần thuộc Hoàng Triều Cương Thổ cũ. Rất đông các đồng bào thiếu số thuộc nhiều bộ tộc ở Kontum-Pleiku bị bắt, cho rằng có dính líu tới Fulro. Riêng ở trại Tân Kỳ này có tới hơn 200 tướng, tá Fulro bị bắt giữ. Chúng tôi tù ngục quân, ngục quyền, biệt kích ở với anh em Fulro tương đối thuận thảo, không thấy anh em Fulro lộ vẻ "căm thù" gì hết. Nhiều khi anh em còn tiếp tế củ khoai, bắp mía... Anh em đội rau thì đưa lại su hào, rau cải. Không nói ra nhưng tù chính trị và tù Fulro thông cảm nhau trong tình cảnh "cùng một lửa bên trời lặn đạn". Nhưng một buổi tối có một sự kiện không ngờ xảy ra. Trong số anh em Fulro ở lán tôi có một anh còn trẻ, nghe nói là thiếu tá, trước đây có đi lính Biệt Kích Mũ Xanh (green beret) của Mỹ hoạt động trên vùng Cao nguyên "Hoàng Triều Cương Thổ". Anh này chắc làm việc lâu ngày bên người Mỹ, nên ở nơi anh hiện ra một sự kiện nghịch thường. Anh không biết chữ nhưng ngược lại nói tiếng Anh rất "chạy". Anh nói tiếng Anh dễ hơn, giỏi hơn nói tiếng Việt nhiều, một loại tiếng Anh người ta thường nghe thấy nơi các ghetto ở Mỹ. Tâm tính anh cũng là một sự cộng hưởng kỳ lạ, cái thơ ngây man dã ở bên cái khôn lanh quỷ quyệt. Anh có củ khoai, khúc sắn thì anh đánh đổi lấy rau, lấy đường với anh em tù chính trị "tiền trao cháo múc". Đêm nằm anh ngheu ngao một bài hát núi rừng nào

đó, nghe không hiểu được nhưng phảng phất một nỗi buồn rờn rợn, trầm thống như nghe một khúc spiritual của người da đen ở Hoa Kỳ. Anh thạo nghề mưu sinh trong rừng nên anh luôn luôn bắt được cá, lươn, ếch, nhái, có khi rần nữa để cải thiện bữa ăn. Ăn không hết anh mới bỏ những con vật ấy vào trong một cái hũ sành để làm một thứ mắm riêng. Cái hũ sành này anh để dưới sàn, gần chỗ đầu nằm. Lâu ngày mắm có mùi, anh thì chịu được nhưng mấy anh em tù chính trị nằm gần chịu không nổi mới nói với anh trực buồng. Anh trực buồng, một anh công binh già cận thị phải nhờ một anh Fulro có tuổi, nghe nói là đại tá, nói với anh bạn thiếu tá Fulro xin dờn cái hũ mắm của anh đi chỗ khác. Anh này nghe xong gạt phăng ông già đại tá sang một bên rồi vùng vằng đi nằm, hết sức bất bình. Cái hũ mắm càng ngày bốc mùi càng nặng, nên một buổi nhân mọi người đi làm hết, anh trực buồng mới mang cái hũ ấy ra ngoài, đặt ở sau lán, bên đồng củi. Đi làm buổi chiều về khi lán đã đóng cửa, anh thiếu tá Fulro mới nhận thấy cái hũ mắm của anh không còn ở chỗ cũ. Anh nổi giận đùng đùng, chửi mắng loạn xạ. Một người nào đó mới chỉ anh trực buồng. Anh này chạy bay đến chỗ anh trực buồng già cận thị, nắm ngực áo lôi xềnh xệch hét lên: "Sao mày lấy của tao, I'm gonna to get you, to kill you..." (Tao sẽ đánh mày, giết mày). Một anh Fulro có tuổi ở gần đấy liền đứng dậy, định can ra; anh Fulro trẻ tuổi đang cơn nóng giận, đẩy anh Fulro già ngã chúi, kéo áo anh trực buồng rách toạc, cái kính cận văng xuống đất. Người ta không biết sự thể sẽ diễn biến ra sao khi anh Fulro đang lên cơn điên loạn rừng rú. Bỗng có một người cao lênh khênh bước tới, đó là tay thủ lĩnh Biệt Kích Dù Nguyễn Hữu Luyện. Không biết bằng một chiêu thức Judo hay cầm nã thủ tuyệt vời nào, hai tay của anh Fulro điên loạn đã bị khóa chặt. Anh Fulro vùng vẫy nhưng không thoát ra được. Nguyễn Hữu Luyện nói gần giọng: "Đừng làm ồn". Tay Fulro hét lên: "It's none of your business" (không phải chuyện anh đừng dính vô). Luyện ôn tồn nói tiếp: "Chuyện không đáng gì. Sáng mai chúng ta gặp nhau giải quyết". Không biết lời nói của tay thủ lĩnh Biệt Kích Dù có một mãnh lực gì mà sau đó tay thiếu tá Fulro đang trợn trợn bỗng nguôi đi, nhìn xuống đất, Nguyễn Hữu Luyện dừng tay khóa, nhẹ nhàng vỗ vai anh Fulro, khẽ nói "Thôi đi nghĩ đi....". Sáng sớm hôm sau trước khi đi làm, hai người (anh thiếu tá Fulro và Nguyễn Hữu Luyện) có gặp nhau và không hiểu sao cái hũ mắm được để lại ngoài lán, bên đồng củi. Mỗi giao hảo giữa anh em tù chính trị với tù Fulro, tưởng rằng sau vụ này sẽ căng thẳng, không ngờ ngược lại, nó tốt hơn lên, kiểu "đánh nhau vỡ đầu rồi mới nhận anh em". Tay Fulro Biệt kích mũ xanh bây giờ mới nhận ra "ông thầy", ở nơi thủ lĩnh Biệt Kích Dù Nguyễn Hữu Luyện. Thỉnh thoảng buổi tối tôi lại thấy anh bạn Fulro tới chỗ Nguyễn Hữu Luyện nói tiếng Anh, nói bất cứ chuyện gì để cho Nguyễn Hữu Luyện luyện "accent". Có khi anh ta còn đem tới củ khoai, dẫn mía nữa, nhưng theo như cựu lệ, Nguyễn Hữu Luyện chỉ cảm ơn mà không nhận bao giờ.

Sau khi những tấm hình của vợ con anh nhờ một anh em Biệt Kích khác được gởi tới trại Tân Kỳ, tôi một bữa mới hỏi Nguyễn Hữu Luyện "Tại sao anh không có thư, có quà riêng của gia đình?" Trầm ngâm một lát Nguyễn Hữu Luyện mới nói: "Thực tình tôi không nghĩ là vợ con tôi còn đó, đợi chờ tôi. Khi một số anh em Biệt Kích Dù được về, tôi có nhờ anh em kín đáo đi tìm họ....Rất may là đã tìm ra. Vợ con tôi đã rời Sài Gòn, xuống Cần Thơ sinh sống. Tôi cũng đã dự phòng trường hợp này. Gần 20 năm nay vợ con tôi, anh em, họ hàng, bè bạn tôi nghĩ rằng tôi đã chết. Thôi cứ để như thế cho tiện, chết là hết, phải không anh. Không phiền ai, gây trở ngại cho ai. Nhược bằng vợ con tôi còn nghĩ đến tôi, còn chờ đợi tôi thì đó là ơn riêng của Chúa đã ban cho. Nhưng tôi đã nói trước là vợ con tôi nếu còn đó, khi nhận được tin tôi thì không bao giờ được viết thư, được gửi quà. Nhận thư nhận quà rồi là tôi phải trả lời. Làm sao mà mình không thương vợ, thương con mình cho được. Xưa nay mấy chục năm ở các trại tù, mình là thẳng trục đầu, trên không chằng dưới không rể, họ không nắm mình vào đâu được. Bây giờ mình thương vợ mình, thương con mình, họ đọc thư, họ biết như vậy, thì mình không sống được yên đâu anh ơi. Họ không hành được mình, bây giờ họ hành vợ con mình để bắt mình quy phục, thì làm sao đây thưa anh. Cho nên tôi không muốn nhận thư, nhận quà riêng là vì thế..."

Có lẽ trại Tân Kỳ này trước đây đã xây dựng trên một vạt rừng. Trong sân trại còn một số cây cổ thụ còn sót lại. Ở cuối sân "tập kết" bên "Tây Đức", trước cửa mấy lán tù có một cây đa cổ thụ. Cụ Nguyễn Du đã nói "người buồn cảnh có vui đâu bao giờ". Ở đây không những người buồn, (một lũ tù nhân rạc ròi đói cơm thiếu áo xác xơ như một lũ vợ non người thời mông muội) mà cây lá cũng buồn theo. Cây gì mà khẳng khiu, trơ trụi, không còn một chút màu xanh, chỉ có những rễ phụ nâu đen rũ xuống, trông giống như một ông già đầu râu tóc bạc đang đứng gờ tay chịu tội giữa trời. Xưa nay cây thường là một biểu tượng thuần hậu của thiên nhiên: cây cho lá cho hoa, cho bóng mát, cho nơi che chở, cho chim ca và gió hát. Ở đây thì ngược lại; cây đa già trơ lá trụi cành đang biểu tượng cho sự tàn bạo của con người và sự lạnh lùng của thiên nhiên khắc nghiệt. Lũ tù nhân chúng tôi ít khi dám ra chơi dưới gốc cây đa. Những cái rễ ngoằn ngoèo nổi lên sần sùi trông giống như một đàn trăn gió đang rình mồi, những hốc tối mò làm liên tưởng đến hang ổ của lũ cáo, chồn, rắn rết, nhưng điều chúng tôi ngại nhất là bên gốc cây đa này nghe nói đã có hơn một người tù treo cổ chết. Người tù treo cổ thường thiêng lắm. Tiếng bình dân gọi là "có hương". Con ma treo cổ thường dẫn dụ một người nào khác kết liễu cuộc sống giống như mình để oan hồn uổng tử kia được đầu thai kiếp khác. Hôm ấy vào khoảng cuối tháng 3 năm 1983. Trời dù đã cuối Xuân nhưng cái lạnh miền bán sơn địa vẫn còn buốt giá. Như thường lệ buổi sáng các đội ra sân tập kết ngồi xuống, đợi điểm danh xuất trại đi làm. Chợt một tiếng thét thất thanh vang dậy, phát ra từ cuối sân tập kết, phía cây đa. Mọi người nhìn lên, một bóng người đang đứng trên chạc ba của cây đa trụi lá, vươn cổ ra hò hét: "Tội cha bây. Bây hại dân hại nước. Bây hại con tao, hại vợ tao. Tội cha bây, bắt nhân, vô hậu...". Cán bộ trực trại vội vàng đi lại gốc cây đa, gờ tay quát nạt "Anh kia, anh chửi ai?"- "Tao chửi bây, chửi tử cha tụi bây". Một công an bảo vệ xách carbine chạy tới, kéo "cu lat" loạch xoạch. "Anh kia, xuống ngay". Một phát súng nổ vang lên; mọi người giật mình nhưng nhìn lại, đó chỉ là phát súng chỉ thiên, bắn dọa... Người đứng trên cây, nhìn kỹ, cổ đã quàng sẵn vào một sợi dây thừng buộc vào một cành cây cao cạnh đó. Người đó nói như thét: "Bắn cho tao một phát đi, tao khỏi thất cổ". Cán bộ trực trại gờ tay, anh công an bảo vệ hạ carbine xuống. Người đứng trên cây tiếp tục chửi bới, tiếp tục hò hét, trong khi cán bộ trực trại hấp tấp đi ra trước sân tập kết, vội vã thổi còi ra lệnh xuất trại gấp. Tù nhân vừa xúc động vừa tê điếng trước phản ứng bất ngờ của một bạn tù. Các đội hôm nay được ra khỏi trại rất mau, rất vội. Trại không muốn các tù nhân ở lại nghe những lời chửi rửa tội từ kia. Anh em xì xào "Ai đấy nhỉ?"- "Nghe như tiếng Th. thiếu tá địa phương quân người Huế hay Quảng Bình, Quảng Trị"- "Đúng hẳn rồi còn ai nữa, nghe đâu ít lâu nay hẳn bị tâm thần".

Các đội tù xuất trại hết rồi. Sân tập kết trở lại vắng người, im ắng. Tiếng chửi rửa của thiếu tá Địa Phương quân Th. vẫn còn róng rả: "Tội cha bây, bây giết con tao". Mấy tên làm việc trong trại như đội "nhà cầu" tội tôi vẫn tiếp tục làm việc nhưng không ngớt bản khoăn, lo lắng cho người bạn tù đang nổi cơn điên loạn. Ông bạn đồng nghiệp nhà cầu, Đại Đức Như L. cho hay "Tội cho anh ta lắm. Anh ta đi tù cải tạo mà con trai mới lớn lên ở nhà lại phải đi "nghĩa vụ" sang Campuchia. Anh vừa nhận tin con trai anh mới chết; chết mà không mang được xác về. Vợ anh ta là cô giáo, nghèo sát ván, ngất đi khi nhận được tin con và từ đó bệnh luôn. Đi làm lương không đủ nuôi con, làm gì có quà cáp cho chồng nữa. Th. lâu nay là con bà phước. Ở nhà vợ anh ta ốm nặng, đưa con gái phải nghỉ học ở nhà nuôi mẹ, nuôi em. Đưa em trai út khôn thay lại bị bệnh tâm thần ngớ ngẩn. Cả nhà bây giờ trông vào một cô con gái mới đầu 15, 16 tuổi. Đêm nằm anh Th. thường ú ớ gọi vợ, gọi con... Anh ta vẫn đi làm được, không ngờ sáng nay anh ta lại phản ứng bất thường như vậy..." Anh Th. vẫn đứng trên cây, vẫn chửi bới, hò hét. Nhưng tiếng chửi bới, hò hét thưa dần vì không còn "đối tượng". Vào khoảng 9 giờ sáng, trại trưởng Trung tá công an T. mới từ từ đi tới gốc cây đa nói: "Anh Th., có chuyện gì xuống đây tôi giải quyết".- "Bắn cho tôi một phát đi, tôi không xuống". Thấy không xong, trại trưởng liền đi vào trong lán tù. Hình như y đi tìm một người nào đó. Tôi được nghe nói là Trung tá công an đi tìm đại úy Biệt Kích Dù Nguyễn Hữu Luyện. Trời đã gần đứng bóng. Anh bạn tù nổi cơn điên vẫn đứng trên cây, cổ quàng sẵn vào

một vòng dây thừng oan nghiệt. Chợt có một bóng người cao lênh khênh đi ra đứng dưới gốc cây đa. Đó là Nguyễn Hữu Luyện. Hai người đứng nói chuyện gì với nhau không rõ. Nhưng sau đó người tù nổi cơn điên Th. tháo bỏ cái vòng dây oan nghiệt ra khỏi cổ, và từ từ trèo xuống. Nguyễn Hữu Luyện đỡ người bạn tù bước xuống đất và dìu anh ta vào trong lán. Không biết người thủ lãnh Biệt Kích Dù đã nói những gì, đã làm thế nào để cho người tù khốn khổ kia trở lại với cuộc đời.

Những ngày tiếp theo đó cả trại Tân Kỳ nín thở theo dõi hậu quả đến với người tù cựu Thiếu tá Địa Phương Quân. Hậu quả đầu tiên là biên chế lại. Tù đội này đổi sang đội kia, từ lán này sang lán khác. Giảm bớt khu "Tây Đức". Cho một số đội sang khu "Đông Đức". Mỗi lần biên chế là mỗi lần trại phá bỏ những khuôn sinh hoạt tinh thần cũng như vật chất của tù gây dựng được trong những tháng ngày qua. Đội mới, chỗ mới, bạn mới. Cái thân quen vừa tạo lập đã mất đi. Chủ trương của trại tù là luôn luôn bắt tù nhân ăn ở trong một tình trạng tạm thời, nghi ngờ, bất trắc. Sau vụ biên chế này, tôi vẫn làm công tác nhà cầu nhưng không ở cùng lán với Nguyễn Hữu Luyện nữa. Ba ngày sau, một chuyến xe GMC (lấy được của miền Nam) chở một số tù mới đến trại Tân Kỳ. Tôi vội chạy ra xem có gặp lại người quen? Tưởng bạn tù nào xa lạ, hóa ra toàn là bạn cũ. Đây là chuyến xe chở một số các linh mục tuyên úy Công giáo từ trại Bình Đa ngoài Bắc đổi trại vào miền Trung. Các bạn tù linh mục này năm ngoái tháng 4, 1982 đã từ biệt tụi tôi ở trại Thanh Phong ra Bắc. Tôi gặp lại bạn cũ, đội trưởng đội rau kiêm đội trưởng văn nghệ nghiệp dư, linh mục Nguyễn Quốc T. Chúng tôi ôm lấy nhau, linh mục Nguyễn Quốc T. nói "Xã hội tù xoay chuyển vòng tròn. Mình lại gặp nhau ở đây, mừng quá".

Nhưng cái mừng của người bạn cũ không được lâu. Ngày hôm sau (tôi nhớ là ngày 23 tháng 3, 1983), chuyến xe GMC lại chở một số tù từ trại Tân Kỳ đi nơi khác. Trong số 33 người tù di chuyển kỳ này có tên tôi. Chuyến xe đi vội vã. Ngồi trên xe chật cứng, tôi giơ một bàn tay vẫy vẫy. Từ biệt trại Tân Kỳ, từ biệt những người bạn tù đã cùng tôi trải qua một thời kỳ gian khổ. Tôi nhìn thấy trong lán tù ở lại có những bàn tay vẫy theo. Trong số những bàn tay tiễn biệt kia, biết đâu chẳng có bàn tay của người tù kiệt xuất Nguyễn Hữu Luyện. Tôi không được gặp lại các anh từ ngày ấy, đến nay thấm thoát đã 12 năm rồi. Xin những anh em tù cải tạo nào từng có mặt tại trại Tân Kỳ đầu năm 1983, hiện giờ ở hải ngoại tình cờ đọc đến những dòng này, nếu các anh được biết tin gì về người bạn tù khốn khổ của chúng ta Thiếu tá Th. Địa Phương Quân xin các anh vui lòng cho tôi được biết.

Đặc biệt về người tù kiệt xuất Nguyễn Hữu Luyện tôi lúc nào cũng nhớ anh, cũng cảm phục anh, nhưng có một điều tôi hứa với anh mà tôi không giữ được tròn. Một buổi sau khi anh cho tôi xem tấm hình con gái anh bữa lấy chồng, đang cúi lạy trước chân dung người cha đã khuất (là anh) tôi mới nói với anh rằng "Sau này nếu có dịp tôi sẽ kể, sẽ viết ra chuyện này". Anh nắm tay tôi mà nói: "Thôi đừng anh ạ, mình xét ra cũng chỉ làm nhiệm vụ của một người lính tình nguyện gia nhập cuộc chiến tranh bí mật. Quy luật của nó là thế thì mình đành phải chịu, thưa anh". Nhớ lời nhắn nhủ của anh, nên mấy năm nay ở nước ngoài, có dịp viết đôi ba bài báo tôi đã muốn lắm, muốn được kể chuyện người tù kiệt xuất là anh và đồng đội của anh, những anh em Biệt Kích Dù bất khuất. Nhưng tôi cứ đắn đo e ngại mãi. Bây giờ tôi được biết rõ là anh đã tới Hoa Kỳ được một thời gian và anh đang đứng ra lo lắng cho một số anh em Biệt Kích Dù đồng đội của anh làm thủ tục xuất ngoại. Chuyện Biệt Kích Dù trên 30 năm cũ tưởng đã nằm im trong cát bụi lãng quên bây giờ đang được mở lại hồ sơ. Cho nên bữa nay tôi mới dám viết ít dòng này với tư cách của một người bạn tù cùng trại nói ra những điều tai nghe mắt thấy.....

**Tản mạn xung quanh Tạp Ghi của ký giả Lô Răng
Nguyễn Quốc Trụ**

Người khai sinh ra mục Tạp Ghi trên nhật báo Tiền Tuyến ngày nào, sau những năm tháng dài cải tạo, trở về đời, và trở ra hải ngoại, đã cho ra mắt độc giả hai tập tạp ghi, chỉ là những bài viết sau này, khi mục tạp ghi do ông khai sáng đã trở thành "lich sử", bởi vì làm sao mà độc giả "lại" còn có thể "lại" được thưởng thức, chỉ một bài trước đó?

Tôi viết "trở ra", là bởi vì, trước 75 ông đã từng ra "ngoài này" nhiều lần, và đã từng viết về nỗi, đêm nằm kể bên một bãi biển, nhớ phở, "... Trong những đêm chập chờn mắt ngủ, hồn thiêng của thành phố thức giấc ở trong tôi, tôi cứ tưởng, những tiếng sóng vỗ vào bờ bên ngoài kia, là những tiếng réo gọi: Phở, Phở!" (mô phỏng một câu văn trong Làn Cuối Sài Gòn của Nguyễn Quốc Trụ: "Trong những đêm chập chờn mắt ngủ, hồn thiêng thành phố thức giấc ở trong tôi, tôi tưởng hồn ma của chính mình đang lang thang trên những nẻo đường xưa cũ, sống lại cái phần đời đã chết theo cùng với Sài Gòn, bởi cái phần đời đó mới đáng kể.").

Trong nỗi hoài nhớ đó, chúng ta có thể coi đây, vẫn chỉ là những "nhớ phở" ngày nào của ông, nhưng lần này, "dậy" lên cùng với phở, là cái mùi "tâm linh" như ông diễn tả, ngay ở những trang mở đầu của "Tuyển tập Tạp ghi", khi trích dẫn Nguyên Phong: "Các cổ thư Đông Phương đã vạch ra một cuộc sống ở cõi trần như sau: 25 năm đầu để học hỏi, 25 năm sau để lo gia đình... 25 năm sau nữa phải từ bỏ việc đời để lo cho tâm linh." (Hành Trình Về Phương Đông). Chúng ta tự hỏi, nếu không có những tháng ngày cải tạo, liệu ông có tới được cái trạng thái tâm linh đó không, hay nói như Võ Phiến: "Các hồi ký lao tù khác thường chung một vẻ, một hướng. Bè Bạn Gần Xa biệt ra một hướng riêng. Các hồi ký khác nói về cái xấu, cái khổ, cái tàn khốc dã man. Bè Bạn Gần Xa nói về cái tốt, cái cao quý trong tù. Các hồi ký khác đọc thấy đau đớn uất hận. Bè Bạn Gần Xa thấy tin tưởng, xúc động, hãnh diện về con người – thấy sự sống...". Sự thực, không phải không có dấu vết của cái ác, ở trong những bài tạp ghi, về những ngày tháng đó. Cái tốt ở trong, chỉ là tốt, khi quanh nó, cái ác luôn luôn rình mò, và giọng tâm linh của tạp ghi, không phải để gì ai cũng có, vào lúc cuối đời. Nên nhớ, Phan Lạc Phúc là người miền bắc. Gia đình ông, bạn bè ông, có người ở bên này, ở bên kia, như những trang đầu viết về thời thơ ấu cho thấy. Nếu ông viết về cái ác ở trong tù bằng cái giọng không thể nào gây tác động ác, là bởi vì ông biết rất rõ, không thể có một cách viết khác, đối với những con người như ông.

Trong lần về Hà Nội, cá nhân người viết có hân hạnh gặp, quen, và quen thân, với một người thuộc hàng con cháu của ông. Nghe "người ấy" nói bằng một giọng bùi ngùi, "Em phải gọi ông ấy bằng ông", tôi lại thấy giọng của cô, ở trong những dòng tạp ghi của Phan Lạc Phúc. Viết tới đây, tình cờ giờ qua số báo Điểm Sách Nữ Ước vừa mới nhận được, tôi thấy có bài viết của nữ văn sĩ Mỹ gốc Đại Hàn, Suki Kim, viết về chuyến trở về của bà, vào ngày 16 tháng Hai, năm 2002: "... thật là một tình trạng kỳ cục, đối với một người viết tiểu thuyết, đến từ East Village thuộc Nữ Ước, một kẻ chẳng phải nhà hoạt động nhân quyền, hay diễn viên. Tôi sinh ra là Đại Hàn, và sau đó, là người Mỹ di dân từ khi mười ba tuổi. Cái phần Mẻo ở trong tôi chối đây đẩy xứ sở này, chốn đèo heo hút gió, đưa con hoang của chiến tranh lạnh. Nhưng tôi thường xuyên bị ám ảnh, bởi cơn đói của nó, trên màn hình TV vào mỗi buổi chiều. Khi bạn bè hỏi tôi, liệu có khi nào, hai phần Đại Hàn sẽ hợp làm một, tôi không biết làm sao trả lời. Tôi biết nhiều như họ, và cũng ít như họ. Nhưng có một điều làm tôi lẻ loi ra, giữa đám bè bạn của mình, đó là, tôi chắc chắn một điều, cho dù miền đèo heo hút gió đó - tôi muốn nói Bắc Hàn - tà ma ác quỷ tới mức nào, tôi chẳng thể thù ghét nó." ("... I am certain, no matter how evil North Korea is supposed to be, that I could never hate it". Suki Kim: A Visit to North Korea, NYRB, số đề ngày 13 tháng Hai, 2003)

Khi viết về bạn bè, Lô Răng dựa vào hồi nhớ, kỷ niệm, thành thử thật khó mà chân xác tới từng chi tiết. Đoạn viết về Cung Tiến là một thí dụ. Người viết và còn là nhạc sĩ này, theo như tôi biết, là người giới thiệu và dịch Dostoevsky, nhưng chưa hề giới thiệu những tác giả như Lévi-

Strauss, Virginia Woolf. Trong khi chuyện gẫu, giữa bạn bè tại quán Cái Chùa, Sài Gòn, có thể cái tên Lévi-Strauss được nhắc tới, cùng với thuyết cơ cấu, vốn thời thượng vào lúc đó. Tôi còn nhớ có lần Cung Tiến tỏ ra có vẻ "chịu" tác phẩm Sống và Chín của nhà nhân học người Pháp nói trên. Nhưng với nữ văn sĩ người Anh, Virginia Woolf, không. Bởi vì nữ hoàng của trường phái Bloomsbury này thật khó mà quen thuộc với giới viết văn tại Sài Gòn lúc đó, vẫn còn mê mải với những tác giả hiện sinh như Sartre, Camus, hoặc "phiêu lưu dân thân phận người" như Malraux.

Trong những "lời bình" (Một vài nhận định của bằng hữu), ở bìa sau Tuyển Tập Tạp Ghi, tức cuốn thứ nhì sau Bè Bạn Gần Xa, có của Võ Phiến, Nguyễn Xuân Nghĩa, Tiến sĩ Nguyễn Cao Đàm... những bằng hữu này đều không phải khách hàng thường trực của Quán Chùa hồi "đó đó". Giờ trang trong thấy có thêm Du Tử Lê, Nguyễn Mạnh Trinh, Nguyễn Đình Toàn, Viên Linh. Ngoại trừ NMT, số còn lại, tuy khách Quán Chùa, nhưng ít khi ngồi cùng bàn với người khách năm thì mười họa mới ghé, là ký giả Lô Răng, và khi xuất hiện, thường ngồi cùng Mai Thảo, Thanh Tâm Tuyền, hoặc một tay "ngang", là người viết bài này. Nên nhớ Phan Lạc Phúc là một "chức sắc" trong giới quan võ, và những nhân vật chẳng có túi nào thường "ngại" gặp "bang chủ". Tôi đã từng chứng kiến cảnh một thi sĩ bình nhì gặp một thi sĩ sĩ quan, trong giờ hành chính, và tôi tin rằng, thật khó, hai người có thể khề khà, bên ly rượu, hoặc bên tách cà phê, nói chuyện bù khú, tao tao mày mày, hoặc lịch sự hơn, anh anh tôi tôi. Như vậy là trong những bạn bè gần xa được Lô Răng kể tới trong Tạp Ghi, ngoại trừ những người đã ra đi, không có ông nào viết về tác giả tạp ghi, cả. Tôi không nghĩ họ vô tình. Thanh Tâm Tuyền, trong Thơ Ở Đâu Xa, có những dòng riêng cho bạn ông:

Thư gửi phan lạc phúc ở k5 – tl

*Nhớ bạn như đang nhớ thuốc Lào
Đường gần nhưng cách trở biết bao
Mấy năm không gặp nhau rồi nhỉ?
Râu tóc long đong hắt bạc phau
"Đằng ấy" còn chẳng nét "tiểu ngạo"
"Tớ đây" vẫn giữ vẻ "tiêu dao"
Mong ngày hội ngộ nằm chung chiếu
Tán gẫu qua đêm như độ nào.
1979*

Ngoài ra, còn những bài khác, đề tặng, hoặc viết về những bè bạn gần xa khác, ở trong, hoặc ở ngoài tù. Có thể coi Thơ Ở Đâu Xa là một ấn bản khác, của Bè Bạn Gần Xa. Nếu không ai viết (tạp ghi) về Lô Răng, thì "ta" sẽ viết, vậy! Bởi vì, theo một nghĩa nào đó, cá nhân người viết là một "truyền nhân" của trường phái văn chương, cứ gọi đại bằng cái tên là "Tạp Ghi", và thay vì coi đây thuộc dòng hậu-hiện đại, cứ "nghiêm túc" gọi bằng cái tên "hậu-75". Bởi vì, người viết "cũ" này, đã "tái" khởi nghiệp bằng mục Tạp Ghi trên tờ Văn Học, Cali, của Nguyễn Mộng Giác.

Nói về cái ác ở trong trại cải tạo.

Trong một bài viết về ba nhà văn miền bắc, "Mỗi trường hợp mỗi khác", Jennifer Trần coi Nguyễn Huy Thiệp là người nhìn ra nguyên nhân cuộc chiến, từ một cái ác "bị bỏ quên ở chuồng heo", dựa theo, [mặc khải từ] cách đọc truyện ngắn Y Sĩ Đồng Quê của Kafka, của nhà văn Do Thái Amos Oz. Phan Huyền Thư, trong bài viết Xin Tầm Hãy Thương Tơ lại coi đây chỉ là hiệu ứng "cá mè một lứa", của cư dân một miền đất. Sờ dĩ chủ nghĩa tập thể xã hội chủ

nghĩa ăn dầm ở dề tại miền đất này là vì tâm lý cá mè một lứa, "có thể, tao hơn một thằng nào đó, nhưng vỉnh viễn không thể xảy ra trường hợp, có một thằng hơn tao"! Nhìn theo cách đó, thời đại tem phiếu chính là thời đại hoàng kim của miền đất này, và cái ác của chế độ giáng xuống tầng lớp tinh anh như nhóm Nhân Văn Giai Phẩm, thí dụ vậy, thật ra không phải nhân danh chủ nghĩa xã hội, Đảng, mà vì "tại sao mày dám hơn chúng ông?".

Tôi không biết, Phan Huyền Thư đã từng đọc Hannah Arendt, nhưng đây chính là phát giác của nhà văn, triết gia gốc Do Thái này, khi theo dõi vụ án xử Eichmann ở Jerusalem, vào năm 1961, bà đã nổi tiếng [vì đã] khám phá ra 'sự dung tục của cái ác', (the banality of evil). Thay vì coi Eichmann là một con quỷ bài Do Thái, bà coi đây là một tên vô đạo, nhưng còn là một tên thư lại dung tục một cách khủng khiếp. Eichmann của bà ít quan tâm tới chuyện ý thức hệ Nazi, nhưng lại lo đến xón đá ra được, về chuyện làm sao cho những chuyến tàu chở con thịt đến lò thiêu, chạy đúng giờ đúng giấc."

Sá gì mấy cuộc bể dâu

Câu thơ "Nhớ bạn như đang nhớ thuốc lào", [bạn ở đây là Phan Lạc Phúc, tức ký giả Lô Răng], của Thanh Tâm Tuyền, tuy thoát thai từ ca dao (nhớ ai như nhớ thuốc lào, đã chôn điếu xuống lại đào điếu lên), nhưng chỉ những ai đã từng ở tù vi xi, thì mới cảm thấy hết được cái nỗi nhớ, và cùng với nó, là cái nỗi say, và kẻ hèn này cũng đã từng có một kỷ niệm huy hoàng (kinh hoàng, đúng hơn), về nó.

Ở trong tù hút thuốc lào bằng khẩu ba zô ka, và, tôi không biết trại tù miền bắc ra sao, chứ ở trại tù miền nam, thường là cả lán chỉ có một khẩu, và, bạn biết rồi đấy, cái bi thuốc lào đầu tiên buổi sáng, khi đang còn mắt nhắm mắt mở (đang còn say ke), nó mới ngon làm sao, say làm sao, và mới nhớ làm sao, những ngày sau này, khi không còn được ở trong trại tù!

Nhà văn gốc Do Thái viết văn bằng tiếng Hung, Imre Kertész, được giải Nobel năm rồi, đã nói đến những giây phút hạnh phúc ngắn ngủi, ở một nơi thỉnh thoảng có mặt trời là Lò Thiêu, tôi cứ thử tưởng tượng, nếu ông đi tù vi xi, chắc chắn phải thêm vào "một chỗ dưới mặt trời" - mượn cái tên phim có cô đào Taylor và chàng Monty Cliff – tức khoảnh khắc hạnh phúc mà điếu thuốc lào mang lại.

Như trên đã viết, cả phòng chỉ có một khẩu ba zô ka, thành thử trước khi đi ngủ, "trại viên" thường tìm cách giấu khẩu súng, riêng cho mình, để sáng sớm hôm sau, là người đầu tiên nhét bi thuốc, châm que diêm bắn một phát, rồi ngã lặn đùng ra, mặc kệ trời đất xoay vòng vòng... Nhà thơ Thanh Tâm Tuyền cũng đã tả cái thú bắn thuốc lào này, trong Thơ Ở Đâu Xa:

Thơ thuốc lào

*Ngồi chơi hút điếu thuốc lào
Tạm quên những lúc gian lao ưu phiền
Điếu thông đốt nổ thuốc êm (1)
Thử coi sẽ thấy đảo điên đất trời
Bạn tù ơi lửa châm rồi
Rít cho ròn rã mê tơi cõi lòng
Tựa lưng nhả khói thông dong
Tít say lú lập cả mong với chờ
Kể chi vợ đại con thơ
Sá gì chuyện cửa chuyện nhà mai sau
Sá gì mấy cuộc bể dâu
Loay hoay chỉ tổ bạc đầu mà thôi
Này đây trà đậm chén mời (2)
Long Giao còn thú tuyệt vời nào hơn (3).*

Sáng bữa đó, "bạn tù", "trại viên", tức kẻ hèn này hân hạnh là người đầu tiên nạp đạn. Vừa nhả khẩu súng, chưa kịp ngã lăn đùng ra để phê, thì tiếng keng "tập hợp, chào cờ!" rùng rợn đã ré lên! Thế là "chàng" cứ thế bò, lăn, lê, mắt nhắm tít, để "kìm" cơn say, nhằm hướng sân trại, đâu biết rằng tất cả bạn tù, lẫn quản giáo, đang "chiêm ngưỡng" từng bước "lăn trảm" của "chàng"! Trong Tuyển Tập Tạp Ghi cũng có những dòng "sám hối, giải oan cho một trận thuốc Lào này," của Lô Răng, khi cô con gái út khuyên ông, "Đừng hút thuốc Lào nữa bố ơi, con chịu không nổi." (trang 66). Đây là cô "lịch sự", không nói thêm, "... vì nó 'hôi' lắm"!

Chú thích:

- (1) Ngược thuốc êm, là thuốc xóc, ép tim, tay nào ham "ém khói" có thể đi đoong, ngay khi vừa rời súng. "Nhà dịch thuật" Tú "Lé", dịch BỐ Già, đã đi luôn, sau bị thuốc tại trại Phú Văn.
- (2) Trà đậm còn thua trà quạo, thứ trà bột xanh.
- (3) Long Giao, tên một trại tù, nghĩa đen là rỗng "ăn nằm".

Phụ đính:

Mắt em dịu dịu buồn Tây Phương Nguyễn Quốc Trụ

Thơ Quang Dũng

Bài viết "Người Sơn Tây", trong Tuyển Tập Tạp Ghi của Lô Răng mở ra bằng một cú phôn, của một ông bạn, rằng cái "câu hát 'Con gái Sơn Tây yếm thúng tày giần, rón lồi quả quýt...'", là do kẻ viết bài [ký giả LR] bịa ra. Không, tôi đâu dám thế. Khả năng hạn hẹp của tôi không đủ sức sáng tác ra một bài hát ly kỳ như vậy..."

Bài hát ly kỳ đó quả có thiệt, như cá nhân người viết bài này đã từng nghe, hồi còn nhỏ, và trong lần về lại xứ Đoài mây trắng, mới đây, sau nửa thế kỷ xa cách, tôi đã được một người bà con đọc cho nghe toàn bài, khá dài, với khá nhiều chi tiết ly kỳ, tiếc không nhớ trọn để chép lại hầu đọc giả. Trong có chi tiết về đôi mắt người Sơn Tây, không "xoáy vào" vẻ đẹp dịu dịu buồn, nhưng mà là "toét nhèm, đo đở, mọng nước" của nó.

Lô Răng tự hỏi, "Lý do nào mà người Sơn Tây lại tự trào, tự biếm mình như thế thì cho đến bây giờ tôi vẫn chưa hiểu nổi." Tôi cũng nghĩ vậy. Nhưng những chi tiết về cửa sổ [đôi mắt] mở ra linh hồn của những cô gái Sơn Tây, có thể đã có một thời đúng như trên miêu tả, và là do hậu quả của "thổ ngơi" (đất đỏ) tại vùng này.

Trong những nhân vật nổi cộm của Sơn Tây, Lô Răng bỏ qua một vài người. Thí dụ như ngoài Cử Bình, tức Chu Văn Bình, tức Chu Tử, người làng Thừa Lệnh, còn có Cử Côn, tức Chu Quang Côn, người làng Phú Hữu, kể ngay bên làng Thừa Lệnh. Hai ông cử này, tuy là bạn học, tuy cùng họ Chu, nhưng không phải bà con, một người vào Tề, người theo Kháng Chiến. Trên web site Tin Văn, do người viết phụ trách, hiện đang đăng hỏi ký của Chu Quang Cảnh, em ruột Chu Quang Côn, viết về ông anh của ông, và những ngày Hà Nội vào cuộc toàn quốc kháng chiến. Chu Quang Côn là chú của tôi.

"Còn nhớ dạo 'nín thở qua sông' ở miền nam, tôi sống như cỏ cây trong một khu vườn ngoại thành. Thỉnh thoảng một vài người bạn đi xe đò lên thăm. Một hôm có hai ông bạn làm thơ, ông Thanh Tâm Tuyền và ông Cung Trầm Tưởng lên chơi. Chúng tôi ngồi dưới gốc chôm chôm, chuyện phiếm. Ông Cung Trầm Tưởng lai rai đọc thơ Quang Dũng, bài 'Đôi Mắt Người Sơn Tây': 'Vùng trán em vương trời quê hương, Mắt em dịu dịu buồn Tây Phương'. Nhà thơ tác giả 'Tiễn Em' vốn ngày xưa học ở bên Pháp, chợt nghiêng đầu mà hỏi; 'Sao lại buồn Tây Phương, sao lại có beauté grecque [vẻ đẹp Hy Lạp] ở đây kia'.

Và Lô Răng trả lời, Tây Phương là chùa Tây Phương ở Sơn Tây. Nhưng Sơn Tây quả có một vẻ đẹp đến từ Tây Phương thật, và hiện nay là một trong những kỳ quan của nó, phân biệt với những vùng khác tại miền bắc. Kỳ quan này có tên là Lô Cốt!

Sau đây xin giới thiệu [trích đoạn] bài viết của Phan Huyền Thư - nữ thi sĩ, tuy sinh tại Hà Nội, nhưng cũng dân kẻ Nửa, tức làng Hữu Bằng, quê Lô Răng - về kỳ quan này. Bài đăng trên báo Tia Sáng (trong nước) số 5/4 tới 5/5 năm 2001. Cô còn viết dưới bút hiệu Phan Lạc Nhi, qua bài viết Xăm thắt truyền cũng trên cùng số báo.

Phụ đính:

Lô cốt, di sản vô giá của chiến tranh.

Phan Huyền Thư.

"Người Pháp khi vào Việt Nam đồ hộ đã mang theo những phong cách kiến trúc tuyệt vời, đồng thời họ cũng mang theo một hệ thống lô cốt được xây dựng theo trọng tuyến trên khắp đất nước. Biết đâu lô cốt sẽ còn bền bỉ hơn những ngôi chùa nét cong diêm dúa dòng Đại thừa hay Tiểu thừa long phụng nhả ngọc phun châu... Hiện nay, trong khu tư liệu lịch sử còn khá nhiều những dấu vết của nền móng thuộc địa đầu tiên mà người Pháp áp đặt lên nước An nam nhỏ bé mà gai góc này, như bức ảnh chụp nền móng lô cốt Pháp xây trên bệ rồng kinh thành Thăng Long xưa..."

Hơn bất kỳ một bảo tàng quân đội hay chiến tranh nào khác, lô cốt đã trở thành một biểu tượng mang tính cạnh tranh với những di sản văn hóa Lạc Việt."

"Một làng nhỏ ở Hải Dương, trong kháng chiến chống Pháp có một câu chuyện rất thương tâm, mở và đóng trong một cái lô cốt đầu làng. Một phụ nữ, tình nghi là vợ du kích nên bị cai đồn bắt ra bắt đầu làng. Chị bị hãm hiếp trong cái lô cốt đó. Sau chồng trở về, thấy vợ mang thai nên đã không chấp nhận. Chị lại ra lô cốt ở khi quân Pháp đã rút đi, để đứa con của mình ở chính lô cốt đó. Sau này, cái lô cốt trở thành nhà của hai mẹ con. Người cha đứa bé hình như có đi tìm lại con và gặp nhau trong lô cốt, nhận tình phụ tử... Ngày nay có thể tìm về nơi xảy ra câu chuyện và gặp lại những người trong cuộc...."

"Sơn Tây là mảnh đất nhiều cô cốt nhất trên cả nước. Xứ sở này mặc nhiên mang một vẻ đẹp u uẩn và thiên về âm tính. Cũng ở đây, lô cốt ít bị phá lấy đá hay dẹp đường, người ta phát hiện ra vẻ kiên cố kín đáo của lô cốt, để 'cố thủ' những tình cảm riêng?"...

Phan Huyền Thư đã tiên đoán đúng, về sự trường tồn của lô cốt, so với chùa Tây Phương, như Lô Răng cho biết, về "tin mới nhất tôi vừa nhận được là tượng Phật Bà trăm mắt trăm tay tại chùa Tây Phương vừa được lấy đi, chắc là mang xuất khẩu..."

Và ông kết luận, so với câu thơ mà Cao Bá Quát "phang" quê hương Sơn Tây của ông và cũng là của người viết bài này ('Nhà dột một vài gian, một thầy, một cô, một chó cái/Học trò dăm bầy đứa, nửa người, nửa ngợm, nửa đời ươi'), thì "cái tin trên còn nặng hơn là lời miệt thị của ông Cao Bá Quát dạo nào."

Năm năm báo oán, đời đời đánh ghen.

Ca dao Xứ Đoài.

Viết về Sơn Tây mà bỏ qua không nhắc tới Nguyễn Tuân thì thật là một sự thiếu sót lớn. Bởi vì, nếu Tây Tạng được coi là mái nhà của cả một cõi người, thì, họ Nguyễn cũng đã coi núi Tản là "ngọn đỉnh trời", nơi thần tiên đem người đẹp về ở. Và, nếu lịch sử văn học Tây Phương bắt đầu bằng cuộc tranh chấp một người đẹp thành Troie, thì, "chính cái hạnh phúc trên non Tản và lòng ghen của một ông hoàng tử Nước kia, đã trở thành câu hát của người Xứ Đoài:

*'Núi cao sông hãy còn dài,
Năm năm báo oán, đời đời đánh ghen'.*
(Trên Đỉnh Non Tân. Nguyễn Tuân).

Và cũng Nguyễn Tuân đã - phải chăng ông liên tưởng tới hai câu thơ của Cao Bá Quát - chọn cho Huân Cao một nơi, để chết, là Sơn Tây, qua truyện "Chữ Người Tử Tù":

"Nhận được phiếu trát của Sơn Hưng Tuyên đốc bộ đường, viên quan coi ngục quay lại hỏi thầy thơ lại giúp việc trong đề lao:

-Này thầy bát, cứ công văn này, thì chúng ta sắp nhận được sáu tên tù án chém. Trong đó, tôi nhận thấy tên người đứng đầu bọn phản nghịch là Huân Cao? Hay là cái người mà vùng tỉnh Sơn ta vẫn khen cái tài viết chữ rất nhanh và rất đẹp đó không?"

Chúng ta tự hỏi, cái người mà tỉnh Sơn ta vẫn khen đó... lại "nỡ lòng nào mà 'phang' quê hương tôi một câu quá nặng: 'Nhà giột ba gian, một thầy, một cô, một chó cái/Học trò dâm bầy đưa, nửa người nửa ngợm, nửa đười ươi'." , như ký giả Lô Răng viết, trong Tuyển Tập Tạp Ghi? Phải chăng, có một cắt nghĩa "khác", hai câu thơ trên?

Tôi không tin rằng, Huân Cao đã "phang" quê hương tôi. Hai câu thơ của Cao Bá Quát, và cái bài hát thật ly kỳ về người con gái Sơn Tây mà Phan Lạc Phúc có nhắc tới, "Con gái Sơn Tây yếm thúng tầy giần..." hình như có... bà con, cũng như những "vẻ đẹp" của đôi mắt người Sơn Tây, như trong bài hát ly kỳ (không diu diu buồn Tây Phương, mà đo đỏ, mộng nước, như... đau mắt hột kinh niên...), và những chi tiết về con người ở đây (nửa người nửa ngợm nửa đười ươi), có gì liên quan với nhau. Nói rõ hơn, có một Sơn Tây đẹp hoang sơ, cùng với nó, là một tư tưởng hoang sơ, theo kiểu Lévi-Strauss miêu tả, hay như Nguyễn Tuân miêu tả, trong Trên Đỉnh Non Tân:

"Rừng Tân thắm không hết làn sương núi. Sương cảnh trên đọt gieo xuống cảnh dưới. Chỉ có một điệu chim chim tẻ tẻ. Rừng vắng và âm và mốc. Ngực đã bắt đầu tức tức. Càng lên cao, bọn người thấy mình càng rời lìa cái nguồn sống quen thuộc của mọi ngày. Ở đây bắt đầu một nguồn sống mới lạ. Nguồn sống của dây mơ rợ mốc và cỏ và đá vào lúc mới có Cầu Tào."

Và đúng là nó đã mất đi, rồi, như trong truyền thuyết về một nhà trời trên đỉnh non Tân, về những chuyện không được thuật lại:

"Nhưng, ác cái là những chuyện rừng lại không được thuật lại.... Cái lá trúc xe điếu ấy là một con dao găm, một con trúc dao có phép thuật kết quả đời kẻ nào bép xép lỗ mồm tiết lộ đến thiên cơ thần cơ." (Trên Đỉnh Non Tân).

Triết gia Lévi-Strauss cũng phụ họa lời của Thánh Tản Viên: *Cái Thiêng Liêng ở đâu là cứ để chỗ đó, cấm di dịch.*" (Chaque chose sacrée doit être à sa place. La pensée sauvage, La Science du Concret, p. 22).

Chu Tử có thể là người đã phạm vào chuyện lỗ mồm lỗ miệng đó, khi đem cái tư tưởng hoang sơ về miền xuôi, về Hà Nội. Theo như kể lại, ông từng nhắc tới một kỷ niệm khi còn nhỏ, ở làng, thường thấy cảnh tượng, vào buổi chiều, đàn bà, con gái ra giếng tắm trường.... Và ông đã từng đập lộn với người miền xuôi, tức mấy bạn học của ông, khi tụi nó dám chê cái tập tục đàn bà con gái tắm trường của quê hương ông.

"Ở đây lẫn lộn. Ta khuyên thầy Quản nên thay chốn ở đi. Chỗ này không phải là nơi để treo một bức lụa trắng treo với những chữ vuông vắn tươi tắn nó nói lên những cái hoài bão tung hoành"

của một đời con người... Tôi bảo thực đấy.... Ở đây, khó mà giữ thiên lương cho lành vững và rồi cũng đến nhem nhuốc mất cái đời lương thiện đi."...

"Kẻ mê muội này xin bái lĩnh".

(Chữ Người Tử Tù. Nguyễn Tuân)

Đến đây, chúng ta có thể mừng tượng ra được, tại sao Ghi của Trần Dần, lại đầy cái ác, rong ruổi cùng những câu thơ văn "thần kinh quỷ khiếp", so với thứ văn chương mộc mạc của Tạp Ghi của Lô Răng, một "kẻ mê muội này xin bái lĩnh", và đã ngộ ra lời phán, lời phang, lời khinh, của Huân Cao, về "quê hương của chúng ta", khi đất dúi nhau xuống tàu há mồm, và sau này, xuống cá bé, cá lớn...?

Trường phái Tạp Ghi

Phan Lạc Phúc hay ký giả Lô Răng tuy là người khai sinh ra môn phái Tạp Ghi, nhưng thực ra có rất nhiều cách viết tạp ghi, và do đó, nó có nhiều tên gọi khác nhau, tùy cách viết, tùy người viết, và tùy công lực (đông hay tây), của người đó. Thí dụ như mục Nói Hay Đừng xuất hiện trước đó trên nhật báo Tự Do, do Hiếu Chân phụ trách. Những bài viết của ông thiên về nho học, và người thầy của ông là cụ cử Ngô Thúc Địch. Bởi ông theo tây học, cho nên những bài viết thâm thúy về nho học của Hiếu Chân gây thắc mắc, khiến một vị thâm nho bực mình, coi đây là một trường hợp "nhảy dù xuống rừng khổng học". Tuy nhiên, có vẻ chúng có một nét chung, là thường bật ra từ một sự kiện mang tính thời sự nóng hổi. Và tuy Lô Răng là người phụ trách, nhưng không phải không có những người lâu lâu tạt ngang, đỡ hộ ông một tay. Còn nhớ ngày nào, khi cả thế giới, trước tiên, đau xót, chia buồn với phu nhân tổng thống Hoa Kỳ Kennedy, rồi sau đó, ái ngại, băn khoăn, không hiểu nàng Jackie có bai bai nước Mỹ, đi thêm một bước nữa hay không, ký giả Ba Tê đã thay thế chương môn Lô Răng, đi một đường "độc và đẹp", ví nhan sắc Jackie như những ngày thu bắt thường, và bắt chọt của Sài Gòn mấy bữa đó, nhưng thực sự để nói về chân lý, mỹ nhân, không phải tự cổ như danh tướng, mà là từ xưa từ xưa, vốn độc và đẹp, và có thể, còn hay nói dối nữa! Chúng ta cứ thử tưởng tượng, không phải con rắn xúi bà Eva ăn trái cấm, mà chính bà đã mớm lời cho nó nói như vậy, sau khi sự tình đổ bể?

Một lần khác, cũng vẫn ký giả Ba Tê đã than rằng, bài viết của một ông nào đó, mà tôi không còn nhớ tên (hình như liên can đến một hội Khổng học thì phải), làm cho ông uống ly cà phê buổi sáng tại Quán Chùa mát ngon! Tay kia nhỏ nhẹ trả lời, xin lỗi đã làm hỏng một ly cà phê buổi sáng của ông.

Bản thân người viết cũng đã từng đỡ tay cho LR, hình như một hai lần, và thường vào thứ bảy, vốn là ngày "người" hay có hẹn với anh em bang phái "chấn cạ". Lô Răng, Mai Thảo, Thanh Tâm Tuyền, Thái Thủy... đều là những chức sắc nhiều túi trong bang phái này. Chỉ cần vài tua bài, là LR đã biết nhà trên nhà dưới, nhà nào chờ cây bài nào, và thường đúng ngay chóc!

Như đã viết trong một kỳ trước, trong những lời bình của bằng hữu, ở trang bìa, có, của:

* Võ Phiến: "Các hồi ký lao tù khác thường chung một vẻ, một hướng. Bè Bạn Gần Xa biệt ra một hướng riêng. Các hồi ký khác nói về cái xấu, cái khổ, cái tàn khốc dã man. Bè Bạn Gần Xa nói về cái tốt, cái cao quý trong tù. Các hồi ký khác đọc thấy đau đớn uất hận. Bè Bạn Gần Xa thấy tin tưởng, xúc động, hãnh diện về con người – thấy sượng...".

* Tiến sĩ Nguyễn Cao Đàm (Ngày Nay, Minnesota): Cuốn "Ghi" của Trần Dần trong giai đoạn chỉ 7 năm mà đầy những hận thù oan trái, giả dối, và vô cùng bi thảm. Cuốn Bè Bạn Gần Xa của Phan Lạc Phúc toàn là những sự kiện nhân nghĩa, đôn hậu, như những đoá hoa tuyệt đẹp nở ra từ nhọc nhằn thống khổ. Hai cuốn ký nêu trên thuộc về những tư liệu sống động của hai thời kỳ đất nước, (từ chiến tranh) trở về cuộc sống hoà bình mà hoá ra lại đầy thống khổ. Có lẽ sau này nên có sự nghiên cứu thật sự vô tư xem tại sao lại là như thế...

"Tại sao lại là như thế?" Chúng ta tự hỏi, và cố gắng trả lời...

Tạp Ghi hay hồi ký tù?

Theo tôi những bài tạp ghi của Phan Lạc Phúc, tức ký giả Lô Răng, xuất bản ở hải ngoại, gồm hai tập Bè Bạn Gần Xa và Tuyển Tập Tạp Ghi, chúng khác với những bài tạp ghi trước 1975 của ông trên nhật báo Tiền Tuyến, và cũng khác với những hồi ký về những ngày tháng ở trong trại cải tạo của một số tác giả khác. Vốn biết rõ tính khiêm cung, nhún nhường của tác giả, tôi tin ông cảm động, nhưng còn cảm thấy áy náy, với những nhận xét về mình, như của Võ Phiến (các hồi ký lao tù khác thường chung một vẻ, một hướng. Bè Bạn Gần Xa biệt ra một hướng riêng...), hoặc khi thấy những bài tạp ghi của ông được so sánh với Ghi của Trần Dần, một người mà tôi tin rằng ông hết sức kính trọng, và chẳng bao giờ có ý nghĩ để những câu thơ canh tân, không chỉ văn học mà luôn cả ngôn ngữ (tiếng Việt), và còn đầy tính tiên tri về thời cuộc, và quá nữa, định mệnh của cả một dân tộc, (thí dụ như câu thơ "Tôi đi giữa những phố... chỉ thấy mưa sa trên màu cờ đỏ"), kể bên những dòng tạp ghi hết sức mộc mạc của ông. Bảo rằng Ghi của Trần Dần đầy những cái độc cái ác, còn tạp ghi của Lô Răng đầy sự nhân hậu, bảo rằng đọc những hồi ký khác thấy uất hận, đọc tạp ghi thấy sượng... đó chỉ là những nhận xét thiên về cảm tính. Với tư cách một độc giả, người viết thử đưa ra những nhận xét của riêng mình, và thử coi xem những nhận xét trên có cơ sở hay không.

Trong một bài phỏng vấn đăng trên tờ Văn Học Pháp (Magazine Littéraire, số tháng Giêng 2003), "Ngợi Ca Văn Hóa Lai Giống" (Éloge de la culture métissée), nhân tác phẩm mới nhất "Điều tôi tin" (bản tiếng Pháp: Ce que je crois) ra mắt độc giả, nhà văn Mexico, Carlos Fuentes, đã cho rằng sự lai giống về văn hoá là một nét đặc biệt của Mexico, do xứ này là xứ lai và sẽ mãi mãi là như thế, bởi vì dân chúng ở đây chỉ có 10% da trắng, 10% da đỏ, còn lại là lai. Chỉ trong vòng 25 năm chẳng thể còn da trắng hay da đỏ thuần chủng (vrai), và dân Mexico trở thành lai hết. Đây là một thực tế tại xứ sở của ông, người ta có thể sượng hoặc không sượng về chuyện này. Nhưng nói gì thì nói, [hiện tượng] lai thuộc vào căn cước của xứ sở của tôi.... Những cuộc di dân lớn làm thay đổi diện mạo của một xứ sở, và đây là một sự thoát nạn, cứu tinh (le salut), bởi vì một xứ sở đóng kín sẽ có ngày mất tiêu luôn căn cước của chính nó.

Chúng ta có thể mượn hình ảnh trên đây, để so sánh một Lô Răng với một Trần Dần, thí dụ vậy. Nếu bỏ qua khía cạnh tài năng, một Lô Răng, nếu không vào Nam vào năm 1954, có thể trở thành một Trần Dần "khác", hoặc thuộc thể hệ tiếp theo Trần Dần, nếu nhỏ tuổi hơn. Lô Răng, trong một bài tạp ghi trước 1975, đã nói rõ ra một điều, ông biết ơn miền nam đã cứu mang ông, đã làm cho tính tình của ông hiền hoà hẳn đi (tôi nhớ đại khái như vậy). Từ đó, chúng ta suy ra một điều, nếu phải khẳng định như Trần Dần đã từng khẳng định ["Nhân cách của nhà văn chính là văn cách của anh ta" (trong bài 'Gặp gỡ Trần Dần – Đối thoại mất ngủ', của Hoàng Phủ Ngọc Tường, Tạp Chí Sông Hương số 31 tháng 5&6, 1988, in lại trong 'Ghi 1954-1960', trang 439, td mémoire, 2001)] – Lô Răng sẽ trả lời, nhân cách của nhà văn là cách ở đời của người đó, theo nghĩa, lý tưởng của những người như Lô Răng là đời sống, chứ không phải văn chương, hay một ý thức hệ nào khác. Nhìn rộng ra, đây là sự khác biệt giữa hai miền đất, một bên coi đời sống mới là lý tưởng, coi đời sống như là nó là, một bên coi văn học, văn hóa, hoặc ý thức hệ chi chi... mới là lý tưởng, đời sống chỉ là phụ thuộc; một bên trọng văn nói, một bên trọng văn viết...

Cũng trong bài phỏng vấn, Carlos Fuentes cho biết, do sống xa xứ sở của ông, nên ông có được một khoảng cách tốt, và một viễn tượng tốt để nói về nó, trong những cuốn sách của ông. Vẫn theo ông, mỗi tiểu thuyết gia đều biết, bên cạnh một thế giới thực còn có một thế giới khác chưa được viết ra. Ông đã bàn về điều này rất nhiều lần với tiểu thuyết gia người Ý là Italo Calvino. Rằng tiểu thuyết, nó giống như bóng ma mà chỉ tiểu thuyết gia mới nhìn thấy. Nếu áp dụng nhận định trên vào trường hợp những tạp ghi của Lô Răng, và những hồi ký tù của những người khác, tôi nghĩ, ông không hề viết về thế giới thực, độc, và ác ở trong trại cải tạo. Ông viết

về những "bóng ma" mà chỉ ông mới nhìn thấy được: tuổi thơ của riêng ông, những ngày còn ở một cái làng nhỏ bé ở gần Hà Nội, những ngày được ra Hà Nội học...

"Giữa một truyền thống tư tưởng và ý thức hệ ăn bám vào nó, có một hố thẳm", nhà văn Romania, Normal Meana, trong bài viết "Felix Culpa", đã trích dẫn câu trên từ bài viết "Huyền thoại Nazi", [của hai tác giả Philippe Lacoue-Labarthe và Jean-Luc Nancy, trong Critical Inquiry 16, no.2 (Winter 1990).

Chúng ta tự hỏi, phải chăng Nhân Văn Giai Phẩm, với những Trần Dần của nó, đã nói lên cái hố thẳm chia rẽ một bên là truyền thống tư tưởng của một miền đất, và một bên là ý thức hệ cộng sản, như một thứ dây leo, ăn bám vào nó?

Trong những lần toan tính chạy trốn quê hương, tôi chưa hề có ý nghĩ, có ngày trở về. Hoàng hạc nhất khứ bất phục phản! Trong những chuyến đi như thế, có một, phải nói là thập tử nhất sinh, nhưng cũng thật hết sức tiếu lâm. Đó là lần đi tại bãi Vàm Láng, vào đúng đêm 23 tháng Chạp, tức là ngày ông Táo chầu Trời. Trong đêm tối, giữa giông bão, tại ngay cửa biển Vũng Tàu, anh chàng thanh niên kể bên cứ nhè ông già là tôi, là người yêu của anh, và cứ thế vô đầu bút tai, bút tóc người yêu, miện lảm nhảm những lời hoang loạn. Những ngày bị bắt sau đó, trước là ở Cháp Pháp, sau tới khám đường Mỹ Tho, sau cùng là án tập trung cải tạo hai niên tại trại bà Bèo, một bữa có người vô rước cô bạn gái của anh về đời. Cô ta đi một mách, không nhìn lại, và anh chỉ cái dáng đang đi bên ngoài đó, và bảo, đó là người yêu của anh. Nhưng khủng khiếp nhất, gay gắt nhất, lại là chuyện rời trại Thái Lan để đi "tái định cư tại một đệ tam quốc gia", như thuật ngữ của Cao Ủy Tị Nạn.

Nhưng đến đây, xin phép đọc giả cho mở qua cái hồ sơ bệnh lý của tôi một chút.

Tôi vốn bị cao áp từ khi còn ít tuổi, tức cái tuổi khó mà bị cao áp. Và đây là di truyền. Vào năm 1965, bị thương nặng trong vụ mìn nổ ở nhà hàng Mỹ Cảnh, được truyền máu do xuất huyết trầm trọng sau khi giải phẫu, căn bệnh biến mất, và chỉ trở lại sau đó, khi đã có tuổi. Và trong những giờ phút chờ lên máy bay để ra đi, đột nhiên căn bệnh làm nguy, y sĩ Cao Ủy đã có lúc đưa ra đề nghị gạt tên khỏi danh sách chuyến bay.

Sau này nghĩ lại, tôi cho rằng, chính cái ý nghĩ chẳng thể nào trở về, nó khủng khiếp tới độ làm cho huyết áp tăng vọt. Và đây không phải là một trường hợp hi hữu, nhiều người đã từng gặp. Những gì, thí dụ như "Ngựa Hồ hí gió bắc...", hay chuyện trở về của nhà văn Mỹ gốc Đại Hàn, mà tôi có nhắc tới ở đầu bài viết, là cũng tương tự, theo tôi, nhằm thoả mãn một nhu cầu tâm linh, cứ tạm gọi như vậy.

Vào ngày 25 tháng Sáu năm 1950, khi Bắc Hàn ném bom Nam Hàn, người bà của Suki Kim rời căn nhà ở Seoul, cùng với năm đứa con, trong có mẹ của Kim, mới bốn tuổi. Chỉ còn mỗi cách đi bộ và bằng xe lửa, nếu muốn rời thành phố. Sân ga Seoul chật cứng người, nhưng mấy mẹ con cũng kiếm được chỗ ngồi trên xe, cho tới lúc có người la lớn, người trẻ phải nhường chỗ cho người già, người bệnh. Và người con trai út trong gia đình đã đứng dậy, nói với mẹ, "Đừng lo lắng gì Má, con sẽ đi chuyến sau".

Chẳng thể có chuyến sau, vì đó là chuyến chót. Người ta kể lại, đã nhìn thấy binh sĩ Bắc Hàn trói tay cậu con trai, và dẫn đi. Người bà sau đó, sống là để mong có ngày gặp lại con. Theo Phật Giáo Đại Hà, tội lớn nhất, là bỏ mặc người thân yêu ruột thịt. Và khi điền đơn xin trở về gặp lại quê hương, khi phải trả lời câu hỏi quan trọng nhất, ai là thân nhân còn ở miền bắc, Suki Kim đã ghi tên người chú: Yoon Nam Jung. Tuổi 68. Địa chỉ không biết.

Thật kỳ lạ, khi đọc Kim, tôi có cảm tưởng như đã trải qua những giây phút tương tự, như của người bà của cô, khi rời Hà Nội trên chuyến xe lửa xuống Hải Phòng, và như của chính bà, khi điền tên người bà con còn ở lại Hà Nội. Khác chăng, là người bà con của tôi hiện còn sống. Tôi như sống lại cảnh tượng con tàu không thể nào chạy nhanh, không phải vì trên tàu chật cứng, mà là vì dân làng hai bên đường, người nhẩy lên toa cố kéo người trên xuống, người đứng chặn tàu không cho đi, cùng những tiếng gào thét, "Đừng đi theo đế quốc, đừng làm Việt

Gian, đừng bỏ quê hương, họ hàng"... Đó là thời gian 300 ngày trước khi Cảng Hải Phòng đóng lại vĩnh viễn, và làn sóng người bỏ đi nam ngày càng dâng cao...

Những người như ký giả Lô Răng, đều đã có dịp trở lại, như là người tù. Thanh Tâm Tuyền, bạn ông, đã kể lại cảm giác của ông, khi trải qua một đêm đông tại trại K2, Tân Lập:

*Đêm rét nằm co quắp
Thân xương xấu trở khác
Bụng đói, ruột ục sôi
Vẳng trong tiếng gió bắc
Suối chảy siết bồi hồi
Luồn trong nổi giá buốt
Thoáng rùng rợn xa xôi
Nhớ đã hơn năm trời
Tin nhà trông vắng bật
Lưu đầy trên đất Bắc
Chốc đã ba đông rồi
Còn qua bao cửa ngục
Đây quê mình quê người
....
Thương vợ con khôn nguôi.*

Và đây là, một chiều cuối năm trên đất Bắc của nhà thơ:

Chiều cuối năm qua xóm nghèo

*Mưa bay lất phất gió căm căm
Đường lầy trơn nhà cửa tối tăm
Trốn đâu lũ trẻ mặt lem luốc
Co ro đứng coi tù qua thôn
Vác bó cuốc nặng bước loạng choạng
Về trong xây xắm buổi tàn đông
Lạnh lẽo nhà ai không đèn lửa
Âm đạm lòng ta chiều cuối năm
78*

Malraux đã từng bị Gide chê, tiểu thuyết của "bạn ta" không có con nít, không tiếng cười, và gồm toàn những người thông minh. Văn học miền bắc theo tôi, cũng không có con nít, mà chỉ có thần đồng, chỉ toàn là những anh hùng diệt Mỹ Ngụy trong tương lai:

*Những em bé em bé
Tay búp nụ hoa hồng
Tập bay như chim sẻ
Mai đây thành phi công
(Xuân Diệu).*

Con nít không có, lấy đâu ra tiếng khóc của con nít? Có chăng, là trong thơ Trần Dần, về tiếng khóc của một đứa con nít bị cả một miền đất bỏ đói, vì là con địa chủ.

Ra đi là hết rồi.

Rời quê hương cộng sản Romania vào lúc cuối đời, chọn cảnh chợ chiều, trâu chậm uống nước đục, khi tự chọn cho mình một đệ tam quốc gia để tái định cư, Normal Manea cũng đã có

những giờ phút căng thẳng như của kẻ hèn này, vào cái giờ phút bước lên máy bay, ra đi là hết rồi, hoàng hạc nhất khứ bất phục phản, cái sự trở về là vô phương, đừng hòng mong... như ông kể lại trong bài viết "Lịch sử [Câu chuyện về] một cuộc phỏng vấn", trong tuyển tập những bài tiểu luận của ông, "Về Những Tên Hề, Nhà Độc Tài và Người Nghệ Sĩ", (nhà xb Grove Weidenfeld, New York, 1992): "...The hopeless return had upset me..."

Trâu chậm uống nước đục. Ông cho biết, mấy năm trước đó, khi mới qua, ông cảm thấy nhu cầu phải viết về quá khứ cộng sản của mình, và của nước mình, nhưng lại ngần ngại, khi thấy tên mình, hoặc thấy mình đứng xếp hàng trong cái danh sách dài những nhà văn ly khai, bên cạnh nhãn hiệu đó, là những nỗi đau mà họ đã từng chịu đựng. Tuy nhiên, theo ông, không đúng như những khán thính giả, độc giả Tây Phương vẫn thường tin tưởng, cái gọi là xã hội toàn trị, "tuồng ảo hóa đã bày ra đây", cho dù ma quái tới cỡ nào, nó cũng không phải là một câu chuyện hồn ma bóng quế theo kiểu Liêu Trai Chí Dị: nó là một thực tại con người, khẳng khẳng bám chặt lấy cõi người ta, và chặt đầu này, nó mọc ra đầu khác, nghĩa là nó có thể sống lại, ngụy trang dưới một ý thức hệ khác, hay một hình thức xã hội khác. [Giống như trường hợp ở Việt Nam, đa số chúng ta đều nhận ra, đâu còn chủ nghĩa cộng sản, xã hội cộng sản, toàn trị ở đó nữa, tuy bề ngoài nhà nước vẫn khẳng khẳng khẳng định. Nhưng thật khó mà tin rằng, xã hội đó đã có tự do, đã có dân chủ.]

Trong cõi lưu vong vào lúc xế chiều như thế đó, Manea bàn về sự liên hệ giữa nhà văn, Quyền Lực, và "Cái Tập Thể Bị Áp Bức Nhưng Cũng Khó Mà Dám Tự Coi Mình Là Vô Tội", tức dám con dân xã hội chủ nghĩa. Và sự liên hệ giữa nhà văn và chính cái phần dễ bị thương tổn của chính hắn ta/bà ta đó.

Theo ông, trong bất cứ một hệ thống chính trị sử dụng văn hóa như là vũ khí (bằng cách choàng hoa cho nghệ sĩ, nghĩa là ban cho họ những đặc quyền, hoặc những sự trừng phạt thái quá, thí dụ như cách đối xử giữa Tố Hữu và nhóm Nhân Văn chẳng hạn, nhà văn, nhìn về Tố Hữu, rồi nhìn về Nhân Văn, thường xuyên cảm thấy quanh mình đầy cạm bẫy, thấy mình thoát hiểm lúc nào không hay, nghĩa là dễ đánh mất mình như chơi. Muốn bảo tồn nguyên vẹn căn cước của mình, nhà văn phải học cách phòng ngự, chống trả, nhất là từ những cạm bẫy tâm thần (mental traps), từ những viễn ảnh, những cái nhìn quá giản đơn [sự vật], không chỉ ở bên trong những hệ thống toàn trị, mà là ở tất cả mọi nơi. Những điều tưởng như đối nghịch, hoá ra là phù hợp, bổ túc cho nhau, bởi vì như mọi người đều biết rõ, rất nhiều người chống phát xít, là những tay cộng sản, và thường xuyên là, những kẻ được coi là những địch thủ, hoặc kẻ thù của những chế độ toàn trị này (phát xít, cộng sản, chính thống tôn giáo...), lại là những người cổ võ một chế độ toàn trị khác, một cách ý thức, hoặc vô thức.

Nhưng điều này mới thật là quan trọng, mà là kết quả của bao nhiêu năm tháng sống dưới chế độ cộng sản, và sau cùng quá mệt mỏi, đành phải bỏ đi, chỉ để nói ra, là: Cái gọi là tinh thần cởi mở thực sự, của Dân Chủ, nó không chỉ phản ứng, chống lại chủ nghĩa toàn trị, nhưng nó hoàn toàn ngoại lai, không hề chịu nổi chủ nghĩa toàn trị, và như thế, do bản chất của chính nó, nó ở trên những đối cực [thí dụ như một cái nhìn quốc cộng, chẳng hạn].

[But the authentically liberal spirit of democracy is not only opposed to totalitarianism, it is alien to it, and by its very nature above polarities].

Cái dở của Tạp Ghi của ký giả Lô Răng

Khi điếm cuốn Hermit in Paris (nhà xb Jonathan Cape £16.99, pp276) của nhà văn Ý, Italo Calvino, người điếm sách của tờ Người Quan Sát Mới (số đề ngày 9 tháng Hai, 2003, trên lưới toàn cầu), Philip Hensher đã cho rằng, cuốn sách giàu có những hồi ức này chỉ có một cái dở là tác giả của nó ít quan tâm tới chính mình.

Liệu chúng ta có thể áp dụng nhận xét này, với Tạp Ghi của Lô Răng. Tôi nghĩ là được.

Lô Răng viết bằng giọng mộc mạc pha chút lãng mạn về bạn bè, về thiên nhiên.... Người ta nói, chọn bạn mà chơi. Thành thử nói về bạn cũng là một cách nói về mình, nhưng giả dụ như có một người nào đó, đưa ra một vài chi tiết về con người của ông, ắt là cũng thú vị lắm chứ!

Nhà tôi ở dưới cầu Thị Nghè, gần Sở Thú, gần Đài Truyền Hình, Đài Mẹ Việt Nam, Đài Phát Thanh Sài Gòn, những ngày Mậu Thân trở thành "mục tiêu" của hoả tiễn vi xi. Cũng là thời gian bà xã mang bầu cháu gái lớn. Tuy những ngày quá gay gắt phải "sơ tán" tới nhà một người bà con ở Trương Minh Giảng, nhưng cái thai đã bị ảnh hưởng, cháu sinh ra tưởng bị liệt, cứ nằm hoài trong nôi, chỉ tới khi ông bố đi làm về mới mỉm cười và chịu cho bế. Đi bác sĩ Trần Ngọc Ninh ở Tân Định, ông khám thật kỹ lưỡng xương, gân, thần kinh... Sau khi kê thuốc, ông mắng vốn: gia đình phải biết yêu thương nó! Ông đâu biết, khi nằm trong bụng mẹ, cái thai đã "nghe ra" những tiếng hoả tiễn réo xèo xèo khi bay ngang nhà. Nhờ thuốc insulin do ông Ninh kê đơn, cháu đỡ dần, nhưng phải tới 5 tuổi mới biết đi. Và cho tới khi lấy chồng, có con, vẫn còn mắc tật đái dầm!

Gần ngay chân cầu, là khu vực thuộc Tâm Lý Chiến, trong có toà soạn báo Tiền Tuyến, nằm chung một lô đất với Cục An Ninh Quân Đội, số 8 Nguyễn Bình Khiêm, phía sau nó là một trại gia binh. Khu này ngày trước có tên là Kho Đạn. Từ nhà tôi ghé Tiền Tuyến quá gần. Thời gian phụ trách trang Văn Học Nghệ Thuật cho Tiền Tuyến, tôi thường xuyên ghé chơi, ngoài chuyện đưa bài. Có lần vô, thấy một ông nằm ngay tòa soạn "ngơi" trên một cái ghế bố. Hỏi, có người trả lời, Lý Phật Sơn đó.

Chắc còn nhiều người nhớ tên Lý Phật Sơn, người bình Kim Dung trên tờ Tiền Tuyến ngày nào. Những lời bình nhuốm mùi "thiền", cộng thêm kiến thức sâu rộng của anh, làm say mê người đọc. Tuy là báo quân đội, nhưng thật khác hẳn tờ Quân Đội Nhân Dân của miền bắc, Tiền Tuyến là một tờ báo bán chạy, thuộc loại "top ten" trong số rất nhiều nhật báo của Sài Gòn lúc đó. Không chỉ có lời bình của Lý Phật Sơn, còn tạp ghi của Lô Răng, còn truyện hơi ơ tông của Thanh Tâm Tuyền, truyện trinh thám phóng tác của Hoàng Hải Thủy, và nhứt là, còn truyện dài Bà Phi gây sôi nổi trong giới văn nhân, cả dân sự lẫn "quân quyền", của Thảo Trường... Trong Tạp Ghi, Lô Răng cũng đã thổ lộ, sức ép ở trên xuống tờ Tiền Tuyến, và cá nhân ông, vì truyện Bà Phi, nhưng không vì thế mà ông yêu cầu tác giả tự kiểm duyệt, hay chính mình ra lệnh đục bỏ đoạn gây rắc rối. Thảo Trường chắc chắn phải cảm được cái sự tri âm tri kỷ đó. Nhưng Lý Phật Sơn là một tay trốn lính. Đó mới là cái sự lạ, phân biệt hai cách đối xử thật cách biệt giữa "tình người", giữa "thổ ngơi" của hai miền đất, giữa cái gọi là lý tưởng = đời sống, và lý tưởng = ý thức hệ, hay nói gọn lỏn là như thế này: lòng yêu những người có tài, của những người đã chọn nghề binh như Lô Răng, hay như Lưu Kim Cương, chẳng hạn. Chúng ta tự hỏi, cái kho tàng, hay di sản âm nhạc của Việt Nam, sẽ mất đi, hoặc thiếu đi bao nhiêu bản nhạc của Trịnh Công Sơn, nếu anh chàng cận thị này phải cầm cây súng, thay vì cây đàn? Với những người lính nhà nghề như Lưu Kim Cương, hay như Lô Răng, một tên lính lông công như Trịnh Công Sơn, hay Lý Phật Sơn, chỉ làm bận tay, và có khi còn làm cho họ chết oan! Nhìn rộng ra, chúng ta tự hỏi, bao nhiêu "nhân tài" đã thoát khỏi cuộc chiến, qua những chính sách như hoãn dịch vì lý do học vấn, cho đi du học những người đậu cao, cho về ngành chuyên môn những người có tay nghề. Do thổ ngơi của một miền đất, từ đó đẻ ra lòng yêu, trọng nhân tài, không phải chỉ như một chính sách, mà còn như tình người. Đó là điều mà Lô Răng không nói ra, ở trong những bài tạp ghi của ông, khi chọn ngay tòa soạn Tiền Tuyến làm nơi trú ngụ cho một Lý Phật Sơn.

Bản thân tôi cũng đã được hưởng một chút "ân tình" đó. Là dân sự, nhưng lúc nào trong người cũng có một cái thẻ nhà báo, của một tờ báo nhà binh, tức tờ Tiền Tuyến, do chính chủ bút Lô Răng ký. Nhờ nó, tôi tha hồ đi quá giờ giới nghiêm.

Nhưng đi quá giờ giới nghiêm làm cái khi gì cơ chứ?

Số là "cô bạn" của tôi thì ở mãi bên Chợ Lớn. Tôi thường là chọn ca trực đêm, để dễ bề nói dối bà xã. Khi bớt việc, trao Đài cho một nhân viên phụ, thế là "chàng", trong túi thủ thẻ nhà báo quân đội, giấy chứng nhận hợp lệ tình trạng quân dịch, người và xe cứ thế phóng thẳng một mạch qua Chợ Lớn, ngồi chờ tới khuya, ý y nếu có quá giờ giới nghiêm, đã có lá bùa hộ mạng, chứng nhận đây là phóng viên tiền tuyến của báo quân đội, đang đi công tác!

Ôi, làm sao quên được cảm giác, khi về, vắng tanh, phóng xe như điên trên đường phố Sài Gòn, mà hồn của mình thì vẫn luẩn quẩn ở một con hẻm ở đường Nguyễn Trãi, Chợ Lớn, nơi có căn nhà, có "giàn thiên lý, có người tôi thương"!...

Kỷ niệm lô cốt.

Lô cốt tại quê tôi, như ký ức ngày nhỏ còn giữ được, có từ lúc quân đội Pháp nhảy dù xuống đồng bằng Sơn Tây, (hình như là vào năm 1946 thì phải), và lập hệ thống đồn bót dọc theo đê. Cùng với dân làng, mấy mẹ con rời làng, con đê, sông Hồng, chạy vào phía sâu trong, tức phía núi Tản Viên, rồi khi tiếng súng đã im, tình hình yên ổn trở lại, dân làng tìm cách mò về, riêng gia đình tôi, chạy ngược lên Vĩnh Chân, Phố Èn, thuộc Phú Thọ. Rồi cũng thất tán mỗi người một nơi. Khi trở về làng, mấy năm sau, tôi nhìn thấy cái lô cốt, lần đầu tiên.

Làng tôi có ông giáo Dực (hay Giực), thầy dạy của bố tôi, rồi của tôi. Ông là người từ đâu tới, lấy một bà cô của tôi, rồi "dừng bước giang hồ", không hiểu là do nhan sắc của bà cô, hay là do Cô Ba, tức nàng phù dung. Do biết tiếng Pháp, những ngày Tây chiếm đóng, ông thường lên bót gặp viên trưởng đồn, như là một người đại diện cho dân làng. Có một lần, ông dẫn tôi theo, và tôi nhìn thấy một ông Tây, lần đầu tiên.

Trẻ con vùng này hầu hết là học trò ông giáo Dực. Ông là một người rất tự kiêu, như một kỷ niệm mà tôi còn giữ mãi: Khi ông già tôi bị giết do tai họa đảng phái, bởi một người học trò của ông, người học trò này cũng đã học ông giáo Dực, ông bảo tôi: Bố mày bị giết vì thù oán cá nhân, chứ không phải học trò giết thầy. Cái thằng giết bố mày, dưới mắt nó, chỉ có tao đáng là thầy dạy nó thôi.

Nhưng không phải ông giáo Dực, mà là một người con trai út của ông, tức chú Trực, mới là người gần gũi với tuổi thơ của tôi, tại quê làng.

Lớn hơn tôi vài tuổi, tài hoa nhất mực, nào nghề đàn, nghề chụp ảnh. Chú là người đã dạy tôi hát, những bài hát đầu đời như "Anh Kim Đồng ơi, anh Kim Đồng ơi", "Mơ Liên Xô". Chú dạy tôi chơi đàn măng đô lin, chơi cờ tướng, gần như tất cả những thú vui ấu thời này đã theo tôi ra Hà Nội, rồi vào nam, rồi ra hải ngoại, rồi lên không gian ảo. Nhờ giỏi toán, giỏi đàn, tôi đã được Ông Tây, chồng của Cô Dung tôi để ý, thương hại, bảo bà cô của tôi lo cho ăn học, tại Hà Nội, và những ngày sau 1954, khi đã về Pháp, ông bà vẫn gửi tiền cho tôi đóng học phí, những ngày di cư. Riêng cái món cờ tướng, nó làm tôi mê mẩn, theo tôi vào trong kỳ thi, và, lẽ dĩ nhiên, vào trong tù.

Tôi rớt tú tài phần hai, kỳ một, là vì cờ tướng. Vào trường thi, tôi không làm sao tập trung, bởi vì trong đầu chứa đầy những quân cờ, những nước đi của một con mã, con pháo, hoặc con xe... Nói tóm lại, tôi nợ Chú Trực của tôi nhiều lắm.

Khi trở về, gặp lại, biết được hoàn cảnh thương tâm của ông, tôi mới nhận ra, tất cả những giấc mộng của ông, đã được thực hiện, một phần nào, ở tôi, ở thằng cháu.

Chú Trực còn một người anh, là Chú Thức, Học giỏi, sinh viên Hà Nội. Sau đó, ông theo Việt Minh, lên rừng, chưa thi thố được một chút tài năng, thì chết vì bệnh sốt rét. Chú Trực cũng đã từng được nhạc sĩ Lưu Hữu Phước, trong lần đi qua làng lên chiến khu, nhận làm học trò, và xin gia đình cho theo ông. Nhưng ông giáo Dực từ chối, viện cớ không có ai lo cho ông những ngày hiện tại và khi về già. Về lại quê nhà, tôi mới hiểu ra, ông đã "giành" [theo nghĩa giành giật, không cho không cách mạng], cho người con trai út một việc: làm gián điệp cho Tây, mà "thuật ngữ" hồi đó gọi là làm Việt gian.

Do tài đàn hát, chụp hình, chụp ảnh... Chú Trực trở thành điểm gặp của thanh niên, trai tráng trong làng, và trong vùng, lẽ tất nhiên, trong số đó, có nhiều người là du kích. Chẳng ai nghi ngờ, khi nhờ chụp hình, Chú đã dành riêng cho mình một tấm, và mang nộp cho Phòng Nhì Pháp, ở tỉnh lỵ Sơn Tây. Chỉ tới khi du kích bị bắt nhiều quá, và tình cờ, một người du kích nguy trang làm người đi mua đồng nát, thấy chú Trực ghé Phòng Nhì, sự việc mới đổ bể.

Đang đêm, du kích từ bên kia sông, về bắt Chú mang đi. [Thằng em út của Gấu cũng bị đưa ra hậu phương, trao cho ông bác, theo kiểu này]. Nhưng sau đó, Chú được thả, do có người bà

con làm Cách Mạng, thứ gộc, bảo lãnh. Nhưng chú không về làng, biệt tích luôn, thay tên đổi họ, lấy vợ, đẻ con. Chỉ tới khi Chú làm đơn xin vô Đảng thì lý lịch cũ mới lộ ra. Đám Cách Mạng trong làng tôi yêu cầu đưa Chú Trục về lại làng, để quản lý. Người vợ của Chú xin Đảng cho ly hôn, và xin cho đưa con "từ chối" ông bố Việt gian.

Về gặp, ông nhắc, hồi ở Hà Nội, tôi có chép tất cả những bản nhạc nổi tiếng lúc đó, và gửi về tặng ông. Ông giữ mãi làm kỷ niệm. Sau có thể vì hoạt động gián điệp, ông đưa lại tập nhạc cho đứa em trai của tôi. Tôi nghĩ, ông biết, sẽ có ngày ông bị Cách Mạng thủ tiêu, nên trả lại kỷ niệm của một thằng cháu đã vào nam, cho gia đình nó.

Liệu ông tin rằng, thằng cháu sẽ có ngày trở về?

Lần gặp lại, nhìn ông, xót xa quá, tôi quên hỏi.

Tập nhạc, thằng em tôi, vì chẳng bao giờ nghe nhạc, nên đã để gián và mối xơi hết.

Trở lại với cái lô cốt. Cũng tại đây, tôi nhìn thấy con người (theo quốc gia) đánh con người (theo cộng sản), lần đầu tiên.

Cháu có muốn ra Hà Nội học không?

Trong những câu chuyện về lòng biết ơn ông thầy hồi học mẫu giáo, tiểu học trường làng, có một, về một ông học trò vinh qui bái tổ, gặp lại, sung sướng, biết ơn, và hãnh diện "khoe" với ông thầy làng về sự thành đạt của mình - trong đó, lẽ dĩ nhiên có công đầu của ông thầy làng - bằng một câu hỏi, tuy vẫn có ý tự khoe mình, nhưng thật là tuyệt vời:

-"Thưa Thầy, Thầy còn nhớ con không?"

Tôi tin rằng, ông thầy chẳng thể nào nhớ, cái ông mũ cao áo dài đó là ông nào. Bởi vậy, mới có cái câu hỏi "phô ra" lòng biết ơn của một ông học trò, để che bớt đi cái khoản mũ cao áo dài của mình. Trong Tuyển Tập Tạp Ghi, Phan Lạc Phúc kể lại, thời lên tám, đang học lớp Dự Bị, thì một bữa, ông bác đi xe ô tô về làng. Ông anh của ông vốn nhất, trông thấy "nó" - cái ô tô - là trốn biệt. Còn ông, nhờ bạo dạn, không những không sợ "nó" mà còn dũng dạc đọc một bài học, khi ông bác ra lệnh. Thế là ông bác gật gật cái đầu ra về hài lòng, "Cháu có muốn ra Hà Nội học không?" Ông bác sau đó lên xa đi, và đưa cháu "tò mò đi theo mùi khói xăng, theo dấu những vết xe mà lòng bắt đầu mơ tưởng những chân trời mới lạ..."

Lạ, lạ thật... bởi vì tôi cũng có những kỷ niệm tương tự như ông, về cảm giác lần đầu nhìn thấy cái xe hơi, và câu hỏi, "Cháu có muốn ra Hà Nội học không?" của tôi cũng xem xét, tuy có khác vài chi tiết nhỏ. Người hỏi tôi, không phải là một ông bác, mà là một bà cô lấy chồng Pháp. Tuy bà cô tôi hỏi, nhưng chính ông Tây chồng bà mới là người biến câu hỏi thành một "hiện thực" lâu dài.

Sau đây là đoạn văn viết về hình ảnh cái xe hơi xuất hiện lần đầu tiên trong đời một thằng nhỏ Bắc Kỳ. Bài hình như được viết cho một số báo Văn, đặc biệt về Hà Nội, sau in lại trong tập truyện đầu tay, "Những Ngày Ở Sài Sài Gòn", xuất bản tại Sài Gòn, năm 1970.

Trái tim trong thành phố

Trước hết, tôi không phải là người sinh trưởng tại Hà Nội. Quê tôi ở Sơn Tây, một tỉnh cách xa Hà Nội độ bảy tám chục cây số. Đối với một người miền Nam, khoảng cách đó chỉ bằng quãng đường từ Sài Gòn đi ngã ba Trung Lương, thời gian di chuyển chừng trên dưới một tiếng đồng hồ. Nhưng ở Bắc, cuộc kháng chiến chống Pháp bắt đầu bằng chính sách tiêu thổ kháng chiến, đường xá cầu cống bị tiêu hủy, quãng đường Hà Nội - Sơn Tây do đó cũng chịu chung số phận. Làng tôi ở ven sông Hồng. Khoảng năm 1946 khi quân Pháp nhẩy dù xuống đồng bằng Sơn Tây sau đó thành lập chính quyền quốc gia, gia đình chúng tôi chạy tản cư xa dần sông Hồng, ngược lên vùng Việt Bắc. Ít lâu sau, chúng tôi tìm cách dinh tề. Về Tề, tôi theo học lớp Nhất trường tiểu học quận, và khi đậu tiểu học, tôi được ra Hà Nội học.

Muốn đi Hà Nội, từ làng tôi phải đi bộ dọc theo con đê, tới khi con đê gặp quốc lộ số một, nối liền Trung Hà, địa đầu của tỉnh Sơn, với tỉnh lỵ, rồi với Hà Nội. Do đường xấu, từ Sơn tới Hà

Nội cũng phải mất một ngày trời.... Đối với tôi, những chiếc xe hàng cọc cạch từ từ bò trên con đường nhựa nham nhở kia, chẳng khác gì những con cua, khi tới gần nghe tiếng máy nổ, người mùi xăng nhớt, những kinh ngạc, lạ lùng, ngỡ ngàng... làm thằng bé nhà quê quên đi những thú vui đồng nội...Hà Nội như thế, đối với tôi, là kỷ niệm về một cây kem lạnh buốt răng, là hình ảnh hiệp sĩ bịt mặt Zorro, người rừng Tarzan...

Vào nam, tiếp tục học, ra trường, đi làm, cảm thấy nhớ Hà Nội như tuổi thơ vĩnh viễn qua đi, chẳng làm sao có lại. Những năm mới lớn luôn tìm cách trở lại Hà Nội không phải chỉ để thì thầm trong những lúc cô đơn, mơ mộng, mà còn là để viết trong những lá thư tình đầu tiên trong đời. Khi cảm thấy được yêu, có cảm tưởng như đã quên được rồi, Hà Nội, hoặc Hà Nội đã hiện thân ở nơi người yêu, "Anh yêu Em bởi vì anh yêu Hà Nội," ôi những cái "bởi vì" thật ngông cuồng và cũng thật đáng yêu của một thời trẻ dại...

Cách đây ít lâu, hồi còn độc thân, một bữa theo một người bạn về khách sạn ngủ. Phòng ngủ có gắn máy lạnh. Nửa đêm, chợt thức giấc, nghe tiếng máy lạnh chạy, trong khoảnh khắc, tôi bỗng có cảm giác lạnh giá như đang sống lại một ngày, và tiếng máy lạnh chạy rào rào kia chẳng khác gì tiếng gió bắc thổi ở nơi quê nhà.

Bạn tù Sơn La

Trời Sydney năm nay lạnh hơn mọi năm. Đêm đông buốt giá, phải trở dậy kiểm cái heater. Mở đèn lên, nhìn ra ngoài vườn, sương đêm đã đọng thành một màn băng mỏng. Nhìn màn băng mỏng trên sân, ký ức tôi bỗng trở về cái lạnh buốt xương năm 1976, khi tù cải tạo miền Nam năm đầu tiên ra Bắc. Tụi tôi được "chiếu cố" cho ở Sơn La, địa danh nổi tiếng "Nước Sơn La, ma Vạn Bú". "Sơn La âm u, núi khuất trong sương mù". Tù cải tạo thuộc trại 1, liên trại 2 được phân ra ở trong trại tù Sơn La thời Pháp thuộc. Sau nhiều cuộc biến thiên, nhất là sau vụ ném bom miền Bắc, các trại tù này đã đổ nát, chỉ còn lại cái nền xi măng. Nhà tù đã đổ bây giờ được che tạm bằng ni lông, hoặc lợp bằng tranh mỏng. Sơn La là miền cao nên lạnh sớm. Mới tháng 11 gió bắc đã lồng lộng thổi về. Đến cuối tháng 12, lạnh vào cao điểm... Chậu nước để ngoài sân, qua đêm đã đọng thành băng mỏng bên trên.

Tù thì nóng cũng khổ, lạnh cũng khổ. Nhưng nóng thì đôi khi còn trốn được. Tạt vào một lùm cây hoặc là tạm ngâm mình xuống ao, xuống suối Còn lạnh thì không trốn vào đâu được, nó theo mình suốt ngày, suốt đêm. Nhất là anh em trong Nam ra cứ yên trí là "học tập một tháng", nên quần áo đem đi làm gì nhiều cho nặng. Ra ngoài Bắc đựng cái buốt giá của mùa đông thượng du miền Bắc, thêm mưa phùn ẩm ướt nên cái lạnh lại càng thấm thía. Ban đêm cái nền xi măng trong nhà tù nó lạnh như nước đá, mặc đủ thứ áo quần hiện có mà vẫn lạnh, mặc cả áo mưa đi ngủ, có anh chui vào một cái bao tải vừa kiếm được mà vẫn cứ run. Hóa ra cái lạnh ở ngoài vào thì ít mà cái lạnh ở trong ra thì nhiều. Cái lạnh vì đói cơm nhiều hơn cái lạnh vì thiếu áo.

Hồi đó nằm cạnh bên tôi là hai người bạn tù cùng trong đội rau... Một ông nguyên là dân Thiết Giáp, một ông nguyên là Thượng Tọa (giám đốc nha Tuyên Úy Phật giáo). Ông Thiết Giáp trước đây vốn là một tay hào hoa rất mực. Ông thuộc loại "Tây con", học trường danh tiếng Saumur, đánh giặc rất chí, ăn chơi rất bảnh... Đôi lần tâm sự vụn, ông rút trong ngực áo ra có tấm ví có hình một bà rất đẹp, rất mignonne mà khẽ nói "bà xã moi". Đôi mắt đục và nhăn vì đói lạnh của ông chợt sáng lên khi nhìn lại hình ảnh vợ. Mới đây ông vừa nhận được một gói quà 1kg đầu tiên từ trong Nam gửi ra. Ông hy vọng lắm vì có người nhận được ít thịt khô, ít ruốc chà bông. Gói quà của ông, xem đi xem lại mãi chỉ có một cái áo lạnh và đặc biệt có hai cái quần slip màu hồng nhạt, chắc là của phái nữ. Tôi không tiện tò mò, hỏi han về việc riêng của bạn nhưng tôi chắc bà xã của bạn phải yêu thương lắm, phải lãng mạn lắm mới gửi món quà

để "tưởng nhớ một mùi hương" như vậy. Đôi khi rảnh rỗi, ông bạn tù hàng xóm của tôi lại khế giờ món quà đặc biệt ra hồi tưởng...

Trước đây ông bạn tôi thường hút Lucky. Đi cải tạo ông mang theo một cái pipe Dunhill và vài hộp thuốc Half and Half. Nhưng đã lâu rồi hết thuốc hút pipe, ông cũng như mọi người khác hút thuốc Lào. Quá nửa đời người rồi mới biết cái hấp dẫn của thuốc Lào. Nhất là mùa rét, sáng sớm tinh mơ ngồi dậy, hút một điếu đầu tiên trong ngày, cho nó say lơ mơ quên trời, quên đất, quên cảnh lên voi xuống chó, quên luôn cảnh lưu đày tù tội. Ôi phút tuyệt vời... Thuốc Lào hấp dẫn như vậy nên trong tù đã có thành ngữ "Có thuốc Lào là có tất cả". Nhưng ở miền Bắc cái cần thiết nhất là gạo, ăn còn không đủ thì lấy đâu ra thuốc Lào cho tù. Đành trông chờ vào quà của gia đình gửi tới. Nhưng trong những chuyến gửi quà đầu tiên, có mấy ai được nhận thuốc Lào. Thuốc Lào thành của hiếm... Ở trong tù cái gì thiếu cũng chấp nhận được, nhưng thiếu thuốc Lào là một thiếu thốn rất lớn lao. Thuốc Lào không những làm quên hiện tại mà thuốc Lào còn là dấu mốc để người tù cải tạo thêm kiên nhẫn đi tiếp cuộc đời tù đày đặc. Trong trại không có ai có quyền đeo đồng hồ. Phải gửi đồng hồ cũng như những đồ tùy thân có giá ở trại. Ngày ngày đi làm, cuộc sống khổ sai nhọc nhằn, đời tù hun hút, thời gian mịt mờ.

Trong khi đó quy định của trại giam cứ một tiếng rưỡi đồng hồ lao động là có "kẽng" nghỉ 10 phút "hút thuốc, uống nước". Điếu thuốc Lào ở trên một cái địch gần gũi để người tù vươn tới, một đoạn đường dù ngắn nhưng sắp đến nơi. Nó cũng là một an ủi nhỏ sau hơn một giờ cực nhọc. Vì vậy nên dù khó kiếm, dù đắt đỏ, cũng không ai muốn bỏ thuốc Lào. Những tay có thuốc Lào thấy vậy nên càng ngày càng lên giá. Một phần ăn sáng (một phần tư chiếc bánh mì luộc) trước đổi được 5 điếu thuốc Lào, sau xuống giá còn 3, rồi còn 2 điếu... Người ta sẵn sàng quên đi cái đói để đổi lấy một vài phút say quên.

Anh bạn tù hàng xóm của tôi, nghiền thuốc Lào quá nặng, rét đến nơi mà không thuốc hút. Anh liền lấy cái pipe Dunhill nổi tiếng của Ăng lê ra đổi thuốc Lào. Được chừng 10 hôm là hết thuốc. Có người mách lấy lá ngải cứu phơi khô thái nhỏ hút vô nghe được lắm. Anh bạn tôi nghe lời, phơi đi phơi lại lá ngải cứu trộn thêm với nước điếu và một chút nước mắm, một chút đường. Hôm hoàn thành thuốc Lào ngải cứu, anh có mời tôi hút thử, cũng thấy say say nhưng không êm bằng thuốc Lào, mà rát cổ họng. Ông bạn tù Thượng tọa mới bảo rằng không nên hút cái giống ấy, hao người, hao phổi. Nhưng anh bạn tôi thèm thuốc quá cứ hút thuốc ngải cứu cho đỡ thèm. Một hôm, vừa hút xong, chưa kịp đặt cái điếu cày xuống, máu mũi anh đã chảy ròng ròng...

Mùa đông đầu tiên ngoài Bắc, anh bạn tù hào hoa một thuở của tôi vừa đói, vừa lạnh, vừa thèm thuốc. Theo anh thì mùa lạnh ở VN khó chịu hơn bên Tây nhiều mà lạnh nhất là hai cái tại "Nhiều khi tôi cứ tưởng hai cái tai lạnh cống của tôi nó rụng mất rồi". Anh vừa nói, vừa run lập cập. Một buổi tối trời vừa lạnh, vừa mưa, lán lợp giấy nilong, nước mưa giọt tí tách, anh bạn tù của tôi chợt có sáng kiến mới Anh lấy chiếc quần slip của vợ gửi cho chụp lên đầu, kéo sụp xuống tận mí mắt, che kín hai tai. Trong cái chập choạng của một ngọn đèn dầu hỏa, tôi thấy anh "không giống ai", mà trên thế giới này chắc không thể có một cái mũ, cái nón nào ly kỳ đến vậy. Anh nhếch một nụ cười, vừa hài lòng vừa ngượng ngập và khế nói: "Cho nó ấm hai cái tai mà đỡ nhớ thương vợ con, ông ạ..."

Dạo ấy, tù cải tạo còn thuộc quyền quân quản, thuộc Bộ quốc phòng, chưa thuộc Bộ nội vụ. Quân đội trông nom tù, chưa phải công an. Anh em chưa phải vào các trại tù mà ở trong các lán, có dây thép gai bao quanh và bộ đội canh gác ở ngoài. Buổi tối chưa có lệ vào phòng giam, xích cửa lại, gióng sắt đưa lên giam tù trong đó suốt đêm, sáng mai mới tháo xích, mở cửa, ăn uống, ỉa đái trong đó luôn như các trại tù công an sau này. Nhưng mỗi tuần vài ba lần thể nào quân đội Vi Xi cũng có kiểm tra đột xuất, mà kiểm tra thường vào ban đêm. Nghe tiếng còi gắt gỏng rít lên là anh em phải vội vàng trở dậy, mắt nhắm mắt mở chạy ra sân đứng xếp hàng 2 để cho cán bộ kiểm soát. Anh "lán trưởng" sau khi kiểm lại số người trong lán, đứng nghiêm báo cáo.

- Báo cáo cán bộ, lán 4 trại 1, 30 người đủ.

Tên Thượng úy chính trị viên cầm đèn pin, đứng cạnh một anh lính mang AK tùy tùng, hất đầu ra lệnh:

- Được, cho vào.

Tù hàng hai lần lượt kéo nhau vô lán. Anh bạn tù Thiết Giáp của tôi đang giờ thức giờ ngủ nên lật đật cứ đội nguyên cái "mũ" không giống ai ra xếp hàng. Khi anh vừa đi qua tên Thượng úy, chợt có tiếng giật giọng:

- Anh kia đứng nại.

Tất cả anh em vô lán hết, chỉ còn NVP Thiết giáp đứng co ro ngoài cửa. Anh em lắng nghe cuộc đối thoại bên ngoài:

- Cái này là cái gì?

- Dạ... cái quần...

- Ở đâu ra?

- Vợ tôi gửi cho tôi.

- Tại sao mà anh nài đội cái quần của vợ anh...

- Tại trời lạnh quá... mà không có mũ...

- À, anh này bồi bác chế độ. Anh tên gì? Mai nên nằm việc...

Tên Thượng úy Vi Xi này anh em trong trại đặt tên là "Thượng úy Không No". Tuần nào sáng thứ Hai, y cũng lên lớp anh em về mọi thứ chuyện trên trời, dưới biển. Nói thì ngọng lịu, ngọng lo, l đánh ra n nhưng lúc nào cũng thờ ra giọng "đỉnh cao trí tuệ". Một hôm trong đề tài "an tâm học tập, cải tạo" y ta lên tiếng: "Các anh không no, gia đình các anh không no, nhân dân không no, đã có đảng và nhà nước no". Mọi khi, y ta nói trời trăng mây nước gì, tù cũng cứ âm ừ, coi như gác bỏ ngoài tai. Bữa ấy, khi vừa nghe y nói tới đó, đám bạn tù cải tạo bỗng phát lên một trận cười rầm rĩ cũng với tiếng vỗ tay vang dậy. Y ta tưởng bở, lại càng đỏ mặt tía tai lên mà nói tiếp....

Nhưng sau này không biết có tên "thối mồm" nào đó mới lý giải cái cười rôm rả và tiếng vỗ tay không ngớt của tù cải tạo cho y. Y ta giận lắm. Giận lắm nên y hành hạ anh em tù sát ván. Một anh bạn tù đói quá, nhổ trộm khoai mì (sắn) mọc trên sườn non. Trước đây, cái tội như thế này chỉ bị cảnh cáo trước đội, rồi viết kiểm điểm "rút kinh nghiệm" là xong. Kỳ này, chính trị viên "Không no" liền nhốt anh bạn nhổ trộm sắn 1 tuần vào trong cái cũi dây thép gai, một kỳ công của đỉnh cao trí tuệ. Đây là một túp lều, nhưng một túp lều quây bằng dây kẽm gai. Không có tường mái, chỉ có một tấm bạt được coi như mái lều. Ở trong dây thép gai quán ngang dọc, chằng chịt cao thấp. Người vô ở trong đó phải cẩn thận lắm không thì bị gai cào rách lưng, rách mặt, đặc biệt là ngồi không được vì thấp quá, nằm cũng không được vì không đủ chỗ. Lúc nào cũng phải nửa nằm, nửa ngồi cứ lom khom, lom khom...

Chính trong thời điểm này anh bạn tù Thiết Giáp của tôi lên gặp "y ta làm việc". Khi về NVT mặt mũi chây dài. Anh cho hay là cán bộ "không no" tuyên bố không cho anh đội cái mũ "thiếu văn hóa" ấy nữa. Anh phải làm kiểm điểm" hứa trước đảng và nhân dân thực hiện nghiêm chỉnh lệnh của cán bộ". Buổi tối, bên ngọn đèn dầu tuôn khói mịt mù, anh bạn thiết giáp của tôi thở phào phào ngồi viết kiểm điểm, vừa viết vừa run vì đói lạnh, vì không có cái mũ che tai... Chợt ông bạn hàng xóm bên phải của tôi là Thượng tọa Thích Thanh Long (nguyên giám đốc nha tuyên úy Phật giáo) từ từ lên tiếng:

- Đừng có lo, rồi đâu có đó...

Nói xong, ông khế lục trong đám quần áo của ông lấy ra một tấm áo nâu dài, tấm áo "Thượng tọa" của ông mà đưa cho ông Thiết Giáp.

- Hãy cứ quần cái áo này lên đầu cho ấm... Rồi ta tính...

Chúng tôi, ông Thượng tọa, ông Thiết Giáp, và tôi, là 3 người trong số 1 tổ "tam tam" trong đội rau. Ba người chúng tôi phụ trách một khu rau ở bên bờ suối, cạnh bệnh xá và khu B dưới gốc cây lim già... Chúng tôi cùng ăn, cùng ngủ, cùng làm... nên hiểu nhau nhiều lắm. Được làm với ông già này là một điều may mắn lớn. Vì ông Thiết Giáp với tôi, từ xưa đến giờ đâu có biết cày cuốc, trồng rau trồng củ ra làm sao đâu. Ông già Thượng tọa chỉ vẽ cho chúng tôi hết thầy. Từ cách cầm cái cuốc, cái thế đứng khi cuốc phải như thế nào? Cuốc hừng hực "như trâu đánh

mả" như tôi là không được. Cuộc như thế là "cuộc lật" dành cho việc cuốc ruộng, cuốc vườn. Ở đây trồng rau thì cuốc phải "đầm", nhẹ nhàng, từ tốn như mưa dầm, mưa lâu thấm đất. Cuộc hùng hục như tôi thì sức đâu mà cuốc cả ngày cả buổi. Ông cụ còn chỉ cách sử dụng các loại cuốc thật nhỏ, chỉ lớn hơn cái bay thợ nề một chút thôi. Rồi còn ủ phân, pha nước tiểu, tưới bón, trồng trọt... Mỗi loại rau, mỗi thời kỳ đều tưới bón khác nhau, lúc nhỏ tưới bón khác, lúc lớn phải bón thúc lại khác. Bây giờ chúng tôi đang trồng rau cải ngồng ngọn, những trái su hào no tròn... Đi tưới nước giữa hai hàng cây cải tốt tươi, tiếng vòi nước hoa sen dội vào lá cải nghe rào rào, ông cụ ung dung làm việc, thần thái an nhiên. Ngoại cảnh hình như không ảnh hưởng được đến ông cụ. Ông giống như một ông già nhà quê thuần hậu, quanh quần bên cây lá trong vườn. Ông hình như không lo, không sợ cái gì. Ông nói ít, cái câu thường thấy ở ông cụ là: "Đừng có lo, rồi đâu có đó"...

Để cho cái việc của ông bạn Thiết Giáp "đâu có đó" đối phó với anh thượng úy "không no", ông cụ Thanh Long một ngày chủ nhật sau đó liền cắt cái vạt áo dài nâu "Thượng tọa" của ông lấy vải may cho ông bạn Thiết Giáp một cái mũ đội đầu. Bàn tay già nua run rẩy (năm ấy 1976 ông cụ đã 63 tuổi) đường kim mũi chỉ cũng thô sơ vụng về nhưng ông bạn Thiết Giáp đón nhận cái mũ mà rưng rưng xúc động. Ông cụ đã cắt chiếc đạo y ra may mũ. Ai cũng tiếc chiếc áo dài theo ông cụ đã lâu, chắc mang nhiều kỷ niệm tu hành của một vị cao tăng, nhưng ông cụ chỉ cười xòa mà nói: "Thì nó cũng chỉ là cái áo..."

Đã lâu lắm rồi, người địa phương ở Sơn La nói vậy, mới có năm quá lạnh như năm nay. Đúng là "giậu đổ bìm leo", vào cái lúc mà tù cải tạo ra Bắc, lại đụng ngay một trận rét kinh hồn... Mà xưa nay cái lạnh và cái đói có nó có liên hệ "hữu cơ" với nhau. Càng đói thì càng rét - mà càng rét thì càng đói. Anh em ta đã có người "nằm xuống" vì đói lạnh. Vũ Văn Sâm (viết văn, làm nhạc) chết đêm 16 rạng 17 tháng 11 năm 1976 bên bệnh xá, sau cơn gió mùa đông bắc đầu tiên. Đến đầu tháng giêng 1977 (không rõ là ngày 3 hay 13 tháng giêng, tôi nhớ không được kỹ lắm) Ngô Quý Thuyết tòa án quân sự vùng 4 cũng đi luôn, đi rất êm đềm, rất lặng lẽ. Sáng ra không thấy anh ta dậy nữa, lay chân gọi dậy thì người đã lạnh cứng từ lúc nào rồi. Trong tờ khai của đội trưởng đội của anh NQ Thuyết, có nói rằng "Anh NQ Thuyết được đội cử nuôi heo, anh đói quá nên thường ăn vụng cám heo. Chắc là bị ngộ độc nên đã chết".

Ở xứ thượng du này có cái rất sẵn là đá và cỏ. Những bữa trời quang mây tạnh, trèo lên núi kiếm lá về ủ phân, thấy bát ngát toàn núi là núi. Những chỏm núi gần xa, chập chùng ngút mắt trông giống y như một màng lưới bao la mà mỗi ngọn núi là một mắt lưới. Sơn la: lưới núi. Hay thật, đúng y như thế thật. Tù mà ở trong cái lưới núi này thì chạy đi đâu cho thoát. Vì nhiều núi nên có nhiều loại đá. Một bạn tù trẻ tuổi ở khu B bên cạnh, Vũ Xuân Th. tay biệt kích dù mũ xanh kiết hiệt có khá nhiều tài: đóng ciné, điêu khắc, vẽ, đánh bóng chày có hạng, mưu sinh kỹ tài... Bây giờ Vũ Xuân Th. kiếm ăn lần hồi những khi rảnh rỗi bằng cách chọn đá marble về gọt thành nõ điều hút thuốc Lào. Nõ điều made in Vũ Xuân Th. thì khỏi nói, vừa đẹp vừa có khắc hoa, khắc chữ (theo yêu cầu) vừa kêu ròn rã không thể tả. Giá rẻ thôi: một ký sản hay 2 cục đường tán 1 cái. Tôi và Vũ Xuân Th. là chỗ "bò tè" nên Vũ Xuân Th. có tặng một cái nõ điều tuyệt vời: rất kêu (cái này là dĩ nhiên rồi) mặt trước có khắc nổi hình một con diều hâu đậu trên cành thông, một bên là một đóa hoa hồng, một bên nữa là khắc năm tháng... Khi đem tặng cái nõ điều, Vũ Xuân Th. mới "bốc láo" rằng: "Một đóa hồng cho đại bàng cô đơn đây". "Đại bàng đại biếc gì nữa ông ơi, đáng lẽ ông phải khắc một con quạ già mắc bẫy".

Trong khi đó ông bạn già Thượng tọa của tôi cũng đi kiếm đầu được mấy mảnh đá dài dài. Lúc nào rồi rỗi lại thấy ông cụ ra bờ suối mài mài, đục đục.... Một hôm tôi thấy trong lều dụng cụ của tổ rau tụi tôi, hình dạng hai tấm bia đá thô sơ có khắc tên Vũ Văn Sâm, mất ngày..., Ngô Quý Thuyết mất ngày... Tôi nhấc tấm mộ bia lên, nhìn ông cụ? Ông cụ ngó mông ra khoảng rừng núi chập chùng mà nói: "Thì cũng mong đánh dấu được vài nắm xương tàn."

Một sáng mùa đông vào khoảng nửa buổi, tôi đang lặc lè 2 thùng "ô doa" (arrosoir) tưới nốt cho khoảng vườn rau trước mặt, gần nhà bếp khu B thì bỗng có tiếng gọi khe khẽ, khẩn trương:

- Này, này

- Ai đấy?

- Vũ Xuân Th. đây.

- Làm gì đấy

- Bữa này làm "cháo trường". Thối cơm nhà bếp. Ăn cháy không?

Tại sao mà bạn ta hôm nay lại hỏi một câu "thừa thãi" như thế nhỉ. Tôi và Vũ Xuân Th. đều là dân "volley". Tôi thì già rồi còn Th. thì đang sức. Trong làng "bóng chuyền" tụi tôi, mỗi khi mà cây nêu lờ tay nêu sang lưới bên kia thì dân bóng chuyền kêu bằng "cơm nắm cho tù", nghĩa là đối phương được biểu không một trái banh ngon lắm, bổ lắm, chắc ăn lắm, ít khi có lắm. Bây giờ chúng ta là tù "chính cống bà lang trọc" rồi, đói lòi xương, vàng mắt mà lại còn hỏi "có ăn cháy không?". Chừng như nhận ra sự vô duyên của mình, Vũ Xuân Th. vội nói:

- Chạy ra góc vườn lấy mảnh lá chuối lại đây

- Có ngay.

Sau đó từ cái lỗ mắt cáo của hàng rào nhà bếp khu B, qua đám lá duối và dây leo bìm bìm, tôi nhận được từ bạn ta Vũ Xuân Th. một cái gói lá chuối âm ẩm, nóng nóng. Để ngay cái gói này áp sát vào bụng, mà đi về dưới gốc lim già bên bờ suối, nơi cái lều nhỏ của tiểu tổ chúng tôi.. Ôi chao, cái làn da bụng lép kẹp của tôi đang được sưởi ấm, đang được phình nịnh. Cái may mắn này ít khi có lắm. Tôi phi về như bay. "Tây con" Thiết Giáp thấy tôi mặt mày tươi rói liền ngẩng đầu lên hỏi:

- Cái gì mà hí hửng thế?

Tôi bước vô lều, nhìn trước nhìn sau, rút từ trong bụng ra gói lá chuối còn thơm khò! Mờ ra, miếng cháy vàng rộm, nóng hổi, đang bốc hơi.

"Tây con" sáng mắt ra, vội hỏi:

- Ở đâu ra thế?

Tôi chỉ sang khu B mà khế nói:

- Bạn vừa cho...

Tôi để phần ông cụ một miếng, ông cụ đang bận tay ngoài chỗ "cây giống". "Tây con" và tôi chia nhau miếng cháy nóng, vừa ăn rau rầu vừa hít hà. Từ sáng đến giờ, mỗi bữa chúng tôi xách ít ra cũng hàng trăm đôi nước, chân tay, mình mẩy rã rời, bởi vì buổi sáng có cái gì vào bụng đâu. Dạo này hết bột mì cứu trợ rồi. Cái gọi là "bữa sáng" chỉ là một chén cháo bột khoai mì loãng đầy mùi hôi mốc. Không ra đâu vào đâu. Mùa lạnh nước suối cạn, phải lần xuống dưới lòng suối mới múc được nước. Leo lên bao bậc đá trơn, tay xách đôi thùng tưới, miệng thở dốc, sức cứ oải dần, tay chân càng lúc càng nặng trĩu, nhấc không muốn nổi. Trời thì lạnh và ẩm. Cái rét thương du miền Bắc rất thấm, rất sâu Người Bắc kêu bằng rét ngọt. "Cái ngọt nó lọt tận xương", lại thêm xách nước nên áo quần thấm nước suối. Cái lạnh bên ngoài cái đói bên trong nó hành mình tơi tả. Đang khi sức cùng lực kiệt, đầu vàng mắt hoa như thế thì có miếng cháy nóng này..."Ôi món quà từ trên trời rơi xuống". Chưa có món bánh mì nào trên thế giới có thể sánh được với miếng cháy

Ông cụ ăn từ tốn, không có ào ào như tụi tôi. Ông cụ làm còn nhiều, còn mạnh hơn tụi tôi nữa mà hình như ông già không thấy mệt mỏi. Lúc nào cũng nhẩn nha, lững thững mà việc gì cũng xong. Ông cụ vẫn nói "từ lúc nhỏ đi tu ở nhà chùa.... thì tôi vẫn làm lụng như thế này, cũng dựa cà như thế này... chỉ tội nghiệp các ông..." Ông cụ chỉ vẽ cho chúng tôi cách làm vườn, trồng cây, bón tưới.. Những công việc gì khó khăn, vất vả ông cụ giành lấy mà làm. Như cái món lầy phân bắc (phân người) về ủ, ông cụ cũng tự tay làm lấy. Hôm nay, sau khi ăn miếng cháy xong, ông cụ khế nheo mắt, tay giơ một nhúm thuốc lào mà nói "hút đi". Thuốc lào thật, dẻo quánh, thơm nồng, đâu phải thuốc lào "ngải cứu" hay thuốc lào "lá cải khô".

- Hút luôn hờ cụ. Hay là xá nhì, xá ba?Ủ

- Hút luôn đi.

Trong cái lúc thuốc lào khan hiếm như lúc này, nếu có thuốc lào thật, đâu có dám hút luôn cả điếu. Phải hút xá nhì, có khi xá ba, tức là một điếu thuốc mà hút 2 hay 3 người. Người thứ nhất châm lửa, rít một hơi, người thứ 2 rít một hơi, rồi người thứ 3 hơi cuối cùng. Người nào mà được hút cuối cùng là "đặc biệt", vì được hưởng cái hậu, được rít kêu lóc cóc... Hôm nay, trúng số rồi. Vừa được ăn "bữa lờ", lại có thuốc lào thật rít thẳng tay. Tôi hút xong điếu thuốc

lào mà say lừ đừ. Từ mấy bữa nay, hôm nay mới có thuốc Lào thật. Còn toàn hút thuốc Lào "lá cải già tẩm nước điều phơi khô". Ăn xong, hút xong thấy đời sáng láng, phơi phới Tôi liền tà tà đi ra gần chỗ nhà bếp, dang háng lấy giọng mà thưa với bạn ta rằng:

"Tương phùng được buổi hôm nay.. Trùng phùng lại nhớ giờ này hôm sau".

Tôi nghe thấy tiếng cười rinh rích rồi Vũ Xuân Th. vừa cười, vừa nói vọng ra:

- Được rồi, hiểu rồi.. ông nội ... Cứ khoảng giờ này ngày mai ông lại tới đây.. Nhưng mà khéo léo đấy nhá.

Thế là cứ vào khoảng nửa buổi, 9 giờ rưỡi mười giờ sáng những ngày sau đó, mỗi khi thấy bạn tôi "chảo trường" ra cơm, tiếng xèng khua xuống chảo gang kêu xoèn xoẹt, là tôi lại lững thững giả vờ bắt sâu bọ, bên bụi ruồi.. rồi lĩnh từ tay bạn ta một gói cháo vừa chín tới mang về...

Nhưng cái thời gian "bồi dưỡng" này không được bao lâu. Chừng hơn nửa tháng sau, bạn tôi Vũ Xuân Th. đã rời khỏi nhà bếp, ra làm công việc khác. Nguồn tiếp tế của tụi tôi bị cắt. "Phúc bất trùng lai họa vô đơn chí", bạn Thiết Giáp NVP của tụi tôi cũng điều sang đội chăn nuôi. Cái khu rau này, thượng úy "không no" tuyên bố: "Chỉ cần 2 người cũng đủ. Các anh khắc phục". Công việc 3 người làm trước đây đã "bá thổ" bây giờ còn lại có 2 người Ông cụ gần như bao quát hết công việc cũ của NVP nhưng tôi vẫn phải làm thêm. Nhưng điều đáng phàn nàn là trong thời gian bồi dưỡng vừa qua cái bao tử của tôi nó bắt đầu quen ăn "bữa lờ" hồi 9, 10 giờ sáng rồi. Bây giờ "ăn quen nhịn không quen" cứ nửa buổi là tôi phờ phạc, đói mịt mờ, cát chân, cát không muốn nổi. Thấy tôi rũ rượi như "gà chết" ông cụ một bữa nhìn tôi rồi chắt lưỡi: "Đừng có lo..." Ông cụ cầm con dao, xách cái bị cói phăng phăng, chừng nửa giờ sau ông cụ về, đặt phịch cái bị vào trong bếp. Trong cái lều nhỏ của tụi tôi, lúc nào bếp cũng cháy lim dim, vừa để đun nước, hút thuốc vừa để sưởi những lúc nghỉ tay... Bây giờ ông cụ quạt lửa lên, lấy mấy củ sắn ở trong bị ra bỏ vào bếp nướng. Ông cụ bảo tôi ra ngoài coi "động tĩnh". Tôi lại bắt đầu mừng vì có đồ ăn, nhưng lại ghê vì tôi biết ông cụ vừa lên trên đồi lấy sắn của trại. Ở các trại tù hoặc các nơi động quân của Vi Xi, ở chung quanh thế nào cũng có một số đất đai thống thuộc. Ở vùng đồng bằng hoặc trung du thì trồng lúa, trồng ngô khoai trồng trà, trên thượng du như Sơn La này thì trồng sắn, trồng ngô, trồng mía. Thứ sắn lưu niên để từ năm này sang năm khác, coi như là nguồn lương thực dự trữ. Đây là thứ cây lương thực dễ trồng nhất trong thiên hạ. Nhổ cây sắn lên lấy một chùm củ. Xong rồi cứ cây sắn ấy lấy dao chặt một gang tay, phải có ít nhất là 3 mắt. Cuốc một nhát cuốc hay lấy dao đào lên, nhét một cái hom lên trên mặt đất. Cứ thế là chừng năm sau, mỗi cái hom lại thành một cây sắn, lại cho một chùm củ. Đất tốt thì củ lớn, đất xấu thì củ nhỏ. Trong những thứ lương thực ở trại tù miền Bắc, sắn được xếp vào hạng bét. Chỉ tiêu, cân đo, đong, đếm của lương thực là 1 gạo ăn 2 ngô, hay là 3 khoai, hay là 4 sắn. Dù là hạng bét nhưng đối với tù đói nhằn rãnh, nó vẫn là rất quý. Tù mà động đến sắn, ngô, khoai của trại.. là xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa". Nhất là trong khi thượng úy "Không no" cứ như cái bóng ma, lúc ẩn lúc hiện, chuyên môn rình rập theo dõi anh em. Đó là nghề của hắn.

Tôi có một anh bạn cùng khóa, NKB xưa nay tính tình "nhà binh" cho đến tận kẻ răng. "Reglo" số 1, việc làm răng rắc quần áo là ủi thẳng tắp, giầy bottle de saut bóng láng, huy chương đeo một dề, xe díp bóng ngời nệm trắng tinh tươm. Đi cải tạo ra Bắc bây giờ bạn tôi, không biết vì không hợp thủy thổ hoặc đói khát ra sao mà răng rụng hết, thành một ông già móm xòm.

Nhưng bạn tôi lại thèm đường thềm mật quá. Ở gần khu trại mọc của đội anh có một khu trồng mía. Mía cứ bị bẻ trộm hoài, thượng úy "không no" rình rập mãi mà không bắt được ai. Một bữa, thượng úy thấy thấp thoáng bóng người trong ruộng mía liền nhảy ra bắt giữ. Gặp ông bạn móm xòm của tôi.

- Anh vào đây nắm gì? Ăn trộm mía phải không?

- Tôi đi kiếm rau "tàu bay", tôi đâu có ăn trộm mía.

- Không ăn trộm mía vào đây để làm gì?

Anh bạn tôi liền há mồm ra, chỉ vào hai hàng lợi không răng mà phều phào nói:

- Tôi đâu còn răng mà ăn mía.

Thượng úy "không no" thấy vậy, không còn bắt bẻ vào đâu được nữa nên vùng vằng bỏ đi. Nhưng y ta nhất quyết bắt cho bằng được người ăn cắp mía. Một bữa không biết y ta đến từ bao giờ, cải trang ẩn dạng ra sao mà ông bạn móm của tôi vào chặt một cây mía là bị y ta bắt được ngay tại trận. Y rất bằng lòng về chiến công "bắt trộm" của mình. Bạn tôi quá thiếu chất đường (cũng như hầu hết các tù cải tạo thêm chất ngọt và thêm mỡ) nên thường lén vô ruộng mía, đem dao chặt vôi một vài đảnh, nhét vào người mang về. Lấy dao dóc mía, chẻ mía ra từng miếng nhỏ đưa vào miệng không răng mà nhằn, mà ngậm. Nó cũng khỏe lên được phần nào. Còn vỏ mía thì phải chôn xuống đất ngoài vườn.

Ngay bữa bắt được kẻ trộm mía, thượng úy "không no" liền biểu diễn quyền uy của mình bằng cách khác; không có giam tội nhân vào cái cũi dây kẽm gai mà y bắt ông bạn không răng của tôi cầm nguyên một cây mía đứng riêng ở ngoài cổng trại Y ta nói: "Hãy nhìn cho kỹ đi, thượng cấp của các anh đấy". Anh em đi làm về đều thấy ông bạn tù gì, cầm cây mía đứng lom khom, cúi mặt không dám nhìn ai. Ai cũng thương anh.... đồng cảm với anh vì đi tù cải tạo trăm người như một đều phải "cải thiện" cách này, cách khác. Con người "một động vật xã hội", nên "đói là đầu gối phải bò". Thế thôi, chả ai coi thường, chả ai bỉ thử anh đâu. Nhưng tôi biết, bạn tôi vốn trọng phép tắc lễ nghi nên bạn tôi đau lắm.

Do vậy nên bây giờ thấy ông bạn già Thượng tọa đi lấy trộm sắn về cho tôi ăn vì tôi thèm quá, đói quá, tôi vẫn cứ ghê ghê trong bụng. Thượng úy "không no" mà bắt được, không biết y ta sẽ hành hạ mình cách nào đây? Nhưng sợ bị bắt là cái lo xa. Còn đói cồn cào ruột gan là cái lo gần. Thế thì ta hãy cứ ăn cái đã. Đang đói bụng mà lại có sắn lùi bấp than thì nhất thế giới rồi. Tôi cứ chập thẳng cánh. Ông cụ đi lấy sắn, nướng sắn mà ông cụ có ăn bao nhiêu đâu. Tôi ăn phần lớn. Và sau đó cứ vào khoảng 9, 10 giờ sáng, tưới bón xong là ông cụ xách cái bị đi ra. Lúc thì sắn lúc thì khoai, lúc thì củ giồng... Tôi cứ có ăn đều đặn.

Bạn "Tây con" Thiết Giáp NVP phải đổi sang đội chăn nuôi, trong cái rũi lại có cái may. Bên ấy có công tác lên rừng dẫn cây chuối hột về cho heo ăn. Được ra ngoài thuộc "diện rộng" đi xa xa, gặp được 'đồng bào' nên mới có cơ hội kiếm ăn, đổi chác. Vắng mặt tên quản giáo, len lén đem được một cái quần tây, một cái áo pull, một cái kính, một cái bật lửa... đem "quy ra thóc" lấy xôi, lấy cơm mắm... hoặc 'quy ra thuốc' lấy thuốc Lào... đều được cả, thành ra tụi tôi dạo này có vẻ "phong lưu" hơn trước.

Một bữa lấy sắn về ông cụ đang ngồi trong lều, quạt đang đều tay, sắn đã bắt đầu chín bốc mùi thơm ngậy, tôi đã chực sẵn đến giờ ăn, thì bỗng có tiếng động nhẹ đằng sau. Tôi quay lại thì thấy đôi ủng màu đen đã đứng sau lưng tự lúc nào rồi. Tôi chết sững. Thượng úy "không no" đã tới.

- Biết ngay mà, cứ vào khoảng 10 giờ nà cái nều này có khói - Thượng úy "không no" đặc chí. Tôi cứng họng không biết nói năng gì, tâm thần hoảng hốt. Ông già thượng tọa của tôi, khề ngược lên, nhìn thượng úy "không no" rồi điềm đạm nói:

- Cán bộ thứ cho. Anh em chúng tội.. đói quá...

Giọng nói ông bình tĩnh, người ông vẫn ngồi vững vàng, cái tay quạt sắn vẫn đều đặn không thay đổi, không cuống quýt, mà cũng không ngừng nghỉ.

_ Như thế này là nầu rồi đấy nhá. Không phải chỉ một hôm nay mà thôi đâu?

Thượng úy "không no" vừa nói vừa quay ra xem xét, kiểm soát căn lều. Chợt y thấy hai cái mộ bia mà ông già Thượng tọa của tôi mới đục xong còn để đó. "Vũ Văn Sâm mất ngày..", "Ngô Quý Thuyết mất ngày..." Y đọc mộ bia xong nhìn chúng tôi, một anh tù già tóc bạc phơ, một anh tù trung niên xác xơ ốm đói. Hình như có một suy nghĩ gì đó thoáng qua, nên nét mặt y có vẻ đắn đo, xong rồi y lững thững đi ra mà nói:

- Sau không được thế nữa nhá. Ninh tình.

...Cho đến bây giờ không biết vì lý do nào mà tên thượng úy hàm hừ ấy đã bỏ qua cho chúng tôi. Có thể vì những tấm mộ bia, nghĩ đến những người anh em xấu số của chúng tôi đã chết vì đói lạnh... hoặc là phong thái "đại hùng, đại lực, đại từ bi" của con nhà Phật trong phút giây nào đó đã khơi dậy được "chút tính người còn sót lại" trong y ?

Nhật báo Tiền Tuyến và, ký giả Lô Răng/Phan Lạc Phúc Du Tử Lê

Đầu thiên niên kỷ 2000, nhiều độc giả người Việt ở hải ngoại đã tỏ ra thích thú với cuốn bút ký nhan đề “Bạn bè gần xa” của nhà báo Phan Lạc Phúc, do nhà xuất bản Văn Nghệ ở miền Nam Califonira, ấn hành. Ba năm sau, những người yêu lối viết nhẹ nhàng, dí dỏm, và chân tình của tác giả này, lại được nhà Văn Nghệ gửi cuốn thứ hai vào tủ sách gia đình của họ, đó là cuốn “Tuyển tập tạp ghi.”

Sự thực tất cả những bài viết của hai tác phẩm vừa kể, đều là những bài đã được nhà báo Phan Lạc Phúc cho đăng tải từng kỳ trên bán nguyệt san Ngày Nay, ở Houston, Texas; và một số tuần báo xuất bản ở thành phố Sydney, Úc Châu. Nhiều người lần đầu tiên bước vào thế giới văn chương của họ Phan, đã bị hấp lực của những bài “tạp ghi” Phan Lạc Phúc thu hút một cách mạnh mẽ.

Đối với giới làm văn nghệ trước tháng 4, năm 1975 ở quê nhà, ký giả Lô Răng/Phan Lạc...

... Phúc là một nhà báo khá đặc biệt. Tên tuổi của ông...
... gắn liền với nhật báo Tiền Tuyến.

Nếu hành trình của một ký giả nhật báo, thường phải đi qua từng giai đoạn; như từ một phóng viên, người làm tin, hay dịch tin, đi lần tới vai trò thư ký tòa soạn “trang trong,” rồi phụ trách “trang ngoài” trước khi có thể trở thành tổng thư ký rồi, chủ bút, chủ nhiệm... Nhà báo Phan Lạc Phúc khi được mời về cộng tác với nhật báo Tiền Tuyến, nếu tôi nhớ không lầm thì ông không phải đi qua “đoạn đường chiến binh” mà một ký giả thường phải trải qua, như đã lược ghi ở trên.

Ngày xưa, thời VNCH nhiều chục năm trước đây, với giới làm nhật báo thì, danh từ “trang trong” là tiếng chỉ những người trách nhiệm sắp xếp, dàn dựng phần bài vở không bị chi phối bởi yếu tố thời gian. Nó có thể vẫn là tin tức, nhưng nhiều phần là ký sự, phóng sự, sưu tầm; hoặc những sáng tác như truyện ngắn, truyện dài... tùy theo quan niệm thiết kế nội dung của chủ nhiệm hay chủ bút mỗi nhật báo.

Người ta cũng dùng thuật ngữ “bài nằm,” để chỉ những bài được sắp chữ sớm, làm đầy những trang trong đó.

Nói “trang trong” một nhật báo, đương nhiên mọi người hiểu tương phản với nó là “trang ngoài.”

“Trang ngoài” là trang được hoàn tất sau cùng, với phần tin tức chính trị, thời sự, xã hội quan trọng nhất, nóng bỏng nhất. Hoặc là những điều tra phóng sự mà chỉ riêng tờ báo đó có. Người phụ trách trang ngoài, cũng được gọi chung là thư ký tòa soạn “trang ngoài.” Nó là gương mặt, “thể diện” của tờ báo, nên việc phụ trách “trang ngoài” thường được giao cho một Tổng Thư Ký Tòa Soạn.

Ký giả này phải làm việc trực tiếp với chủ bút hay chủ nhiệm, gần như từng giờ, cho tới khi tờ báo được chuyển qua giai đoạn ấn loát.

Thời trước tháng 4, 1975, ở Saigon, giới làm báo cũng như xuất bản còn phải sắp chữ bài vở bằng tay, do nhóm thợ sắp chữ bốc từng mẫu tự để ráp thành 1 chữ. Cho nên một bài báo được xé thành nhiều miếng, chia cho từng người thợ. Nếu không sắp chữ sớm, tới phút chót sẽ không đủ thợ lo cho việc sắp chữ những trang còn lại, tức trang ngoài...

Một nhật báo ở miền Nam Việt Nam xưa, trung bình có 8 trang (cũng có tờ chỉ có 4 trang,) nên thường được chia đôi, đồng đều cho trong và ngoài.

Vì sự nghiệp báo chí của nhà báo Phan Lạc Phúc gắn liền với tờ Tiền Tuyến, nên xin bạn đọc cho phép tôi được ghi lại một cách vắn tắt sự hình thành của tờ báo này; trước khi chúng ta trở lại với ký giả Lô Răng, bút hiệu chính của nhà báo Phan Lạc Phúc, một nhà báo mà theo tôi, là một trong những nhà báo thuộc loại... “ngoại khổ.”

Theo ghi nhận của một nhân vật có thẩm quyền về những biến cố lớn của cả hai nền Đệ Nhất và Đệ Nhị Cộng Hòa miền Nam Việt Nam thì, ngày 19 tháng 6, năm 1965, Quân Đội VNCH chính thức đứng ra nhận lãnh trách nhiệm lịch sử, điều hành đất nước, thay thế chính phủ dân sự, khi đó đang gặp nhiều khó khăn.

Trung Tướng Nguyễn Văn Thiệu được bầu vào vai trò chủ tịch Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia, tương đương chức vụ Tổng Thống. Thiếu tướng Nguyễn Cao Kỳ là chủ tịch Ủy Ban Hành Pháp Trung Ương, tương đương chức vụ Thủ Tướng.

Năm ngày sau khi thành lập chính phủ, Thủ Tướng Nguyễn Cao Kỳ mở cuộc họp báo, công bố quyết định tạm thời đình bản 36 nhật báo, để tân chính quyền duyệt xét lại quy chế báo chí hầu thích ứng với tình hình mới của đất nước.

Trong thời gian không có báo cho dân chúng đọc, chính phủ của Tướng Kỳ cho xuất bản khẩn cấp 2 tờ nhật báo. Tờ thứ nhất tên là “Hậu Phương,” do bộ Thông Tin phụ trách. Tờ thứ hai tên là “Tiền Tuyến,” do Cục Tâm Lý Chiến đảm nhiệm.

Tòa soạn nhật báo Tiền Tuyến được đặt trong vòng rào doanh trại cục Tâm Lý Chiến ở đầu đường Hồng Thập Tự, gần cầu Thị Nghè, Saigon.

Vì tính chất giai đoạn, cấp thời, lại do cục Tâm Lý Chiến đảm trách, nên nhật báo Tiền Tuyến những ngày đầu do Trung Tá ông Vũ Quang (hiện cư ngụ tại thành phố Minnesota,) cục trưởng Cục Tâm Lý Chiến, kiêm giám đốc Nha Tác Động Tâm Lý Chiến thời đó, là người trách nhiệm việc điều hành.

Một tuần sau cuộc họp báo vừa kể, khi các nhật báo được ra lại, tờ Hậu Phương của Bộ Thông Tin, chấm dứt nhiệm vụ. Tờ Tiền Tuyến được duy trì. Trở thành nhật báo chuyên nghiệp của tập thể quân đội.

Sau khi tờ Tiền Tuyến trở thành chính thức, Đại Úy Phan Lạc Phúc, khi đó đang phục vụ tại trường Huấn Luyện Căn Bản Chiến Tranh Chính Trị ở đường Lê Thánh Tôn, Saigon, được điều về làm Tiền Tuyến, trong vai trò tổng thư ký tòa soạn với chủ nhiệm là Thiếu Tá Lê Đình Thạch, tức Thạch Lê, chủ bút là Thiếu Tá Phạm Xuân Ninh, tức nhà thơ Hà Thượng Nhân và, thư ký tòa soạn là nhà thơ Hoàng Anh Tuấn.

Năm 1967, khi Thiếu Tá Lê Đình Thạch (1) được cử đi học lớp Chỉ Huy Tham Mưu ở trường Đại Học Quân Sự Đà Lạt (sau cải danh thành Trường Chỉ Huy Tham Mưu) cũng là lúc nhật báo Tiền Tuyến có nhu cầu sắp xếp lại nhân sự, để thích ứng với sự phát triển của tờ báo, thì nhà thơ Hà Thượng Nhân (2) giữ vai trò chủ nhiệm, nhà báo Phan Lạc Phúc, chủ bút, nhà văn Huy Văn (từ phòng Thông Tin Báo Chí đưa qua,) giữ vai trò thư ký tòa soạn thay thế nhà thơ Hoàng Anh Tuấn. Lý do, họ Hoàng được bổ nhiệm làm quản đốc đài phát thanh Đà Lạt. (3)

Vẫn theo ghi nhận của nhân vật thẩm quyền kể trên thì, năm 1969, tòa soạn nhật báo Tiền Tuyến lại trải qua một giai đoạn khác. Tờ báo không còn thuộc cục Tâm Lý Chiến nữa; mà nó

được đặt trực thuộc Tổng Cục Chiến Tranh Chính Trị; tuy tòa soạn vẫn nằm trong hàng rào danh trại của cục TLC.

Cũng kể từ thay đổi vừa kể mà, năm 1974 khi Trung Tá Phạm Xuân Ninh (tức nhà thơ Hà Thượng Nhân) về hưu, vai trò chủ nhiệm của ông, được chuyển giao cho Đại Tá Nguyễn Huy Hùng, phụ tá tổng cục trưởng Tổng Cục Chiến Tranh Chính Trị.

Với hơn chín năm liên tục trực tiếp trách nhiệm nội dung nhật báo Tiền Tuyến, từ vai trò tổng thư ký tòa soạn, tới chủ bút, nhà báo Phan Lạc Phúc được coi là người có công đầu trong nỗ lực đưa tờ báo vốn bị nhìn là báo của... quân đội lên ngang tầm với những nhật báo dân sự chuyên nghiệp khác.

Bằng vào uy tín của mình, họ Phan đã thuyết phục được thượng cấp của ông, cho phép ông được vượt ra ngoài “hàng rào kẽm gai,” để đi tới những chân trời khác, hầu có thể cạnh tranh với những cao thủ đồng nghiệp ngoài dân sự.

“Ấn chứng võ công” đầu tiên cho sự nghiệp cuộc đời ký giả của họ Phan là mục “Tạp ghi” xuất hiện lần đầu tiên trên Tiền Tuyến, gần như cùng lúc với sự có mặt của ông, ở tờ báo này.

Phan Lạc Phúc, từ “tạp ghi” tới những dấu ấn khác trong sự nghiệp báo chí

Mục “Tạp Ghi” Ký giả Lô Răng, bút hiệu của nhà báo Phan Lạc Phúc, theo tôi một dạng tản văn tổng hợp nhiều thể loại văn xuôi khác nhau.

Nó có thể là dạng tùy bút mà không quá nặng văn chương. Nó có thể là dạng ký sự mà không quá nhiều dữ kiện. Nó cũng có thể được viết dưới dạng kể chuyện, hồi ký. Thậm chí nhận định hay phê bình từ lãnh vực văn chương qua tới chính trị, xã hội,...

Trong một bài tạp ghi, tác giả cũng có thể sử dụng nhiều dạng văn chương cùng một lúc mà, không phải bận tâm về kỹ thuật hoặc trầm trọng hơn, vấn đề tu từ pháp. Điều này tạo sự dễ dàng, thoải mái cho người viết...

Một bài tạp ghi của ký giả Lô Răng/Phan Lạc Phúc, thời nhật báo Tiền Tuyến, theo ghi nhận của tôi, trung bình chứa từ 700 tới 1,000 chữ.

Nó không quá dài để trở thành một bài nghị luận. Nhưng nó cũng không quá ngắn để trở thành một đoạn văn. Và, sau cùng, cốt lõi của một bài “Tạp Ghi” bao giờ cũng chứa đựng một... chủ điểm hay một thông điệp nào đó mà, tác giả muốn gửi tới người đọc.

Một người bạn kể với tôi rằng, tới hôm nay, anh vẫn còn cảm thích thích thú với nội dung một tạp ghi của ký giả Lô Răng. Đó là bài viết về ông Đại Sứ Mỹ Bunker (?) ở Saigon, một buổi chiều mưa ra phi trường Tân Sơn Nhất, đón vợ, cũng là một đại sứ Mỹ ở một quốc gia vùng Đông Nam Á. Ông đại sứ che dù, kiên nhẫn đợi vợ trong nhiều giờ vì máy bay tới trễ do thời tiết xấu.

Từ hình ảnh này, ký giả Lô Răng đã dẫn người đọc trở lại với ca khúc “Em Đến Thăm Anh Một Chiều Mưa” của Tô Vũ, một nhạc sĩ nổi tiếng thời tiền chiến.

Và tác giả kết luận bài tạp ghi của mình rằng, về phương diện tình cảm, nếu đó là một tình yêu chân thành thì dù Đông hay Tây, người ta đều có những cảm thức và hành vi lãng mạn giống nhau, dù ở tuổi nào.

Mục Tạp Ghi của ký giả Lô Răng cũng được rất nhiều độc giả yêu thích qua những bài viết của ông về những trận tấc cầu lớn, diễn ra ở miền Nam hay một nơi nào đó, trên thế giới.

Sự kiện này cho thấy, ký giả Lô Răng không chỉ là một nhà báo có công lực thâm hậu về phương diện văn học, nghệ thuật mà ông còn được đánh giá cao về bộ môn túc cầu. Một bộ môn thể thao mà ông từng thú nhận rằng ông đã hâm mộ từ khi còn trẻ.

Bởi vì mục tạp ghi của họ Phan, giống như một sân chơi chung hay, “vùng oanh kích tự do” nên nó đã có được sự tham gia của rất nhiều cây bút. Từ chuyên nghiệp tới... xuân thu nhị kỳ. Từ nhà văn tới ký giả. Từ nhà thơ tới những học giả, trí thức, độc giả, lâu lâu cao hứng, đóng góp một vài cảm nhận bất chợt của họ...

Vẫn theo ghi nhận của tôi, những năm trông nom nhật báo Tiền Tuyến và phụ trách mục Tạp Ghi, người đóng góp nhiều “Tạp Ghi” nhất, cho ký giả Lô Răng, là nhà văn Thanh Tâm Tuyền. Ông là một trong những người bạn văn chương thân thiết của Phan Lạc Phúc. Người thứ hai, cũng thuộc loại sót sáng góp tạp ghi cho họ Phan, là nhà văn Thảo Trường.

Đặc biệt, một người bạn văn chương cũng thân thiết với họ Phan không kém, là nhà văn Mai Thảo, thì dường như ông không có một “tạp ghi” nào cho bạn. (Hay có mà tôi không được đọc?)

Ở mặt khác, vẫn ghi nhận của tôi thì, người nhỏ tuổi nhất, nhưng lại được ký giả Lô Răng thường xuyên “nhường đất” của ông cho anh, chính là nhà báo Nguyễn Chí Khả.

Như tôi biết, chỉ với tác giả Nguyễn Chí Khả (nhiều lắm, thêm là một hai cây bút khác), ngay khi bài tạp ghi của họ được in ra, thay vì phải làm phiếu, đợi giữa hoặc cuối tháng lãnh tiền nhuận bút từ quản lý của ty trị sự thì, Chủ bút Phan Lạc Phúc ưu ái dùng tiền túi của mình, ứng trước nhuận bút cho họ Nguyễn. Phần ông phải đợi tới cuối tháng mới lấy lại được tiền từ quản lý của tờ báo.

Nhuận bút tạp ghi thống nhất, đồng đều cho mọi tác giả, khi ấy là 300\$. Số tiền này tương đương với 6 bữa ăn trưa đủ “chất lượng” cho một người, ở Saigon thời đó.

Nguyễn Chí Khả cũng là ký giả trẻ tuổi nhất được nghe họ Phan đọc, phân tích về thơ của những tác giả nổi tiếng từ thời tiền chiến hoặc trong kháng chiến, như Vũ Hoàng Chương, Xuân Diệu, Hồ Dzếnh, Huy Cận, Hoàng Cầm, Hữu Loan,...

Nhưng theo nhà báo Nguyễn Chí Khả thì ký giả Lô Răng tỏ ra xúc động hơn cả là, những lúc ông đọc thơ Quang Dũng, người cùng quê Sơn Tây với ông.

Nguyễn Chí Khả nói,

“Tôi có cảm tưởng như những lúc đọc thơ Quang Dũng, ông được sống lại, đắm mình trong không gian Sơn Tây của ông. Hay, những lời thơ kia đã mang ông trở lại quê nhà chỉ còn trong ký ức...”

Vẫn theo nhà báo Nguyễn Chí Khả thì, họ Phan thường đọc thơ vào những lúc rảnh rỗi, hoặc cần nghỉ xả hơi sau nhiều giờ làm việc căng thẳng,

“Nhưng, nếu lúc ông đọc thơ mà bên ngoài trời đang mưa thì theo tôi, không còn một khung cảnh nào hợp hơn, thích thú hơn đối với người nghe. Những lúc đó chỉ còn ông với bài thơ. Không còn người nghe. Không còn điều gì khác...”

Tôi không biết sau khi Nguyễn Chí Khả tình nguyện ra Sư Đoàn 2, đóng ở Đà Nẵng để được gần gia đình, anh có còn thì giờ viết “tạp ghi” cho họ Phan nữa hay không? Tôi chỉ nhớ, anh có một thời gian khá dài là quân số của Cục Tâm Lý Chiến.

Thoạt đầu, Nguyễn Chí Khả phục vụ tại phòng Điện Ảnh và Truyền Hình Quân Đội, trong vai trò tương đương với một đạo diễn quân đội. Tới khi xin chuyển qua phòng Thông Tin Báo Chí (gọi tắt là phòng Báo Chí,) anh trở thành một phóng viên chiến trường thuộc loại “mũi nhọn.” Hiểu theo nghĩa anh rất xông xáo và nhạy bén.

Vì phóng viên chạy ngoài của nhật báo Tiền Tuyến rất ít, chỉ đủ cho những sự kiện quan trọng trong phạm vi đô thành Saigon. Nên phần tin tức, phóng sự thuộc 4 vùng chiến thuật, báo Tiền Tuyến trông cậy vào lực lượng phóng viên chiến trường, của phòng Báo Chí.

Trước khi có nhật báo Tiền Tuyến, các phóng viên chiến trường đi công tác về, phải viết bài cho một trong hai tờ báo của quân đội là bán nguyệt san Chiến Sĩ Cộng Hòa, hoặc nguyệt san Tiền Phong. Nhưng từ khi có Tiền Tuyến, họ được lệnh nộp bài báo Tiền Tuyến trước nhất vì yếu tố thời gian tính.

Thoạt đầu những phóng sự, bút ký hoặc những tiết mục liên quan tới quân đội gói gọn trong một phụ trang, gọi là “Trang Quân Đội” xuất hiện hàng ngày, trên Tiền Tuyến. Sau đó, do cái nhìn hay do nhu cầu đổi mới (?) của chủ bút Phan Lạc Phúc (hoặc do lệnh từ đầu, tôi không biết), “Trang Quân Đội” được hủy bỏ. Phóng sự, ký sự của các phóng viên chiến trường thuộc phòng tâm lý chiến, cùng tất cả những tin tức liên quan tới chiến sự được “hòa lẫn” cùng những bài vở khác của tờ Tiền Tuyến. Nó không còn là những ốc đảo giữ biển Tiền Tuyến nữa.

Tùy theo mức độ quan trọng hay “ăn khách” mà phóng sự, ký sự chiến trường được “đi” trang nhất hay vào trang 3.

Và, Nguyễn Chí Khả cũng lại là người có nhiều phóng sự chiến trường được ký giả Lô Răng chọn đưa ra trang ngoài, hơn bất cứ một phóng viên nào khác.

Tuy không có nhiều cơ hội tiếp xúc với đồng nghiệp, những người làm nhật báo cùng thời với mình, nhưng họ Phan được nhiều đồng nghiệp với ông, nể trọng.

Họ nể trọng họ Phan xuyên qua những chuyến công du nước ngoài. Đó là những lần ông có chân trong phái đoàn báo chí, đại diện làng báo miền Nam Việt Nam, viếng thăm hay, tham dự những buổi họp báo chung, sau những cuộc họp thượng đỉnh đây đó.

Trong những sinh hoạt như thế, họ Phan luôn là người nêu những câu hỏi sâu sắc, chứng tỏ sự hiểu biết thấu đáo về những sự kiện lớn của chính trường.

Một nhà báo từng đi chung với ký giả Lô Răng/Phan Lạc Phúc trong những chuyến xuất ngoại cho rằng, sở dĩ họ Phan có được những câu hỏi khiến người được hỏi phải ngạc nhiên, phải cân nhắc trước khi trả lời, vì căn bản ông có một kiến thức sâu rộng, tích lũy từ những năm tháng đọc và nghiên cứu sách vở ở nhiều lãnh vực khác nhau. Ông cũng lại là người có khả năng ngoại ngữ vững vàng, nên cập nhật được một cách nhanh chóng và chính xác những diễn biến vừa mới xảy ra, thông qua hai nguồn tài liệu Anh và Pháp ngữ.

Vấn theo nhân vật vừa kể thì, Lô Răng/Phan Lạc Phúc (4) là một trong những nhà báo đáng trân trọng của sinh hoạt làng báo miền Nam Việt Nam, 20 năm.

Riêng tôi, tôi không biết nhật báo Tiền Tuyến nên cảm ơn phần đóng góp đáng kể của họ Phan? Hay, họ Phan nên cảm ơn báo Tiền Tuyến?

Vì, nhờ nhật báo này, mà ông có cơ hội “lùng lũng” bước vào nghề báo. Để bây giờ, nhìn lại, như một kỷ niệm. Một kỷ niệm thân yêu và cũng buồn bã, theo tôi.

Chú thích:

(1) Theo tổ chức thời đó, cục Tâm Lý Chiến (thuộc Tổng Cục Chiến Tranh Chính Trị) có nhiều khối. Trong số này, có Khối Kỹ Thuật. Khối Kỹ Thuật gồm nhiều phòng: Phòng Thông Tín Báo Chí, Phòng Điện Ảnh và Truyền Hình Quân Đội, đài phát Quân Đội, và nhật báo Tiền Tuyến... Khi ấy, Thiếu Tá Lê Đình Thạch, bút hiệu Thạch Lê, là trưởng khối Kỹ Thuật. Vì thế, ông được giao trách nhiệm làm chủ nhiệm đầu tiên của báo này.

(2) Nhà thơ Hà Thượng Nhân sinh năm 1920 tại làng Hà Thượng, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Vì lòng yêu nơi chốn ra đời nên ông đã chọn cho mình bút hiệu Hà Thượng Nhân. Ngoài bút hiệu này, ông còn bút hiệu thứ hai, Hoàng Trinh, dùng cho những bài thơ tình. Trước khi bị động viên vào quân đội, ông từng là giáo sư của một số trường trung học tại Saigon. Ông cũng có thời gian giữ chức vụ giám đốc đài phát thanh Quốc Gia. Sau biến cố 30 tháng 4, 1975, ông bị tù cải tạo tới năm 1979 mới được thả. Sau đó, ông cùng gia đình định cư tại Mỹ. Nhà thơ Hà Thượng Nhân hiện cư ngụ tại thành phố San Jose, miền Bắc tiểu bang California.

(3) Nhà thơ Hoàng Anh Tuấn sinh ngày 7 tháng 5, năm 1932, du học ngành điện ảnh tại Pháp. Khởi viết từ những năm đầu thập niên 1950. Ngoài thơ, họ Hoàng còn cộng tác với nhiều nhật báo, tuần báo ở Saigon trong nhiều vai trò khác nhau. Về lãnh vực điện ảnh, trước tháng 4, 1975, Hoàng Anh Tuấn đạo diễn khá nhiều phim. Trong số này, cuốn phim "Xa Lộ Không Đèn" được nhiều người biết đến nhất. Sau thời gian đi tù vì bị khép tội hoạt động chính trị chống nhà nước CSVN, ông cùng gia đình định cư tại Hoa Kỳ năm 1981. Đầu năm 2006, một số thân hữu đã xuất bản thi phẩm "Yêu em Hà Nội và những bài thơ khác" của ông. Nhà thơ Hoàng Anh Tuấn từ trần ngày 1 tháng 9, năm 2006, tại San Jose. Được biết, nhà văn Thu Thuyền, là ái nữ của ông.

(4) Theo tiểu sử được ghi nhận bởi trang mạng bách khoa toàn thư mở Wikipedia thì nhà báo Phan Lạc Phúc sinh năm 1928 tại làng Hữu Bằng, huyện Thạch Thất, phủ Quốc Oai, tỉnh Sơn Tây. Cựu sĩ quan Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Bị tù cải tạo cộng sản từ 1975 đến 1985, ông hiện định cư tại Sydney, Australia từ năm 1991. Ngoài bút hiệu Lô Răng, ông còn các bút hiệu khác như: Thiên Khải, Tường Huân, Huy Quân, Thiên Chương,... Ông có hai tác phẩm được xuất bản trong vòng 10 năm qua là: "Bạn Bè Gần Xa", bút ký, Văn Nghệ, Hoa Kỳ, Xb năm 2000. (Tái bản tại Úc Châu năm 2001.) Và "Tập Tập Tập Ghi", Văn Nghệ, Hoa Kỳ (Xb năm 2003).

Kỷ vật cho em

Lời thưa: Dù rằng anh em bạn tù thường nhắc nhở 'đừng mang những dụng cụ thường dùng trong tù về nhà, nó sui lắm, hãm lắm', khi được 'ra trại' năm 1985, tôi vẫn không thể không mang một vài kỷ vật về nhà. Đó là những kỷ niệm in hằn trong tâm trí liên hệ đến 'những con vật xã hội' sống mò mẫm với bản năng sinh tồn trong một cảnh đời mông muội. 'Objets inanimés avez-vous donc une âme...' (Hỡi các đồ vật im lìm, các người có tâm hồn không? [Lamartine]) đó là những cái điều cây nõ đá, cái lược bằng nhôm từ cánh máy bay, cái vòng bằng đá đỏ, cái ghế xếp bằng gỗ trắc v.v... Những kỷ vật ấy chúng không biết nói nhưng nhiều khi chúng là 'tâm sự' của tù. Xin ghi lại đây một, vài để nhớ những bạn tù năm cũ, người còn sống, người đã chết.

Trần Trọng. PLP.

... "Ồ e con ma đánh đu" người tù sắp chết vẫn còn đùa rỡn ấy khi cáng lên 'tuyến trên', tay chân phủ thũng, bụng đã chướng lên, anh chỉ còn sống được chừng nửa tháng ở bệnh viện

Như Xuân rồi là “đi thẳng”. Không ai còn nhớ bạn tù cựu trung tá Lê Văn Hóa được chôn ở đâu trong chốn rừng sâu nước độc. Từ lâu anh không nhận được thư nhà, quà cáp lại càng khan hiếm, nghe nói anh không có con nên thực sự anh là một hồn ma “vô thừa nhận”. Cái ghế xếp bằng gỗ trúc anh gửi cho tôi phải chăng là tất cả những gì anh để lại trên cõi đời này. Đây là một trong những 'sáng tạo' của tù. Cái ghế nhỏ làm bằng những thanh gỗ đen, bền chắc, xếp lại được, diện tích chỉ bằng cuốn vở, bỏ vào túi xách mang theo, lúc nào cần ngồi là 'có ngay', rất tiện. Ở trại tù, sáng ra, trước khi đi lao động phải ngồi đợi xuất trại khá lâu ở sân 'tập kết'; ở hiện trường, khi kèng giải lao, có cái mà ngồi nghỉ. Nếu không phải ngự trên cán cuốc hay ngồi tạm trên cái lon guigoz, vừa bất tiện vừa rất đau cái 'chỗ để ngồi'.

Khi tôi được về, đầu năm 1985, tôi cùng đi ra ngã ba Ông Đồn với một anh em bạn tù còn trẻ, đại úy phi công trực thăng Quý 'bụng'. Gọi là Quý 'bụng' vì anh ta bị thương nơi bụng ở An Lộc, vén áo lên nhằng nhịt vết khâu. Gọi 'Quý bụng' cũng là để phân biệt với Quý 'thầy chùa'. Ra tới nơi anh em chúng tôi đều bán cho bằng hết mọi thứ chần màn, quần áo vì 'đem đồ tù về nhà nó sui lắm' mà cũng để có thêm chút tiền 'ăn đường'. Không ngờ cái ghế xếp tôi không muốn bán lại được các 'con phe' nài nỉ, muốn mua đến thế. Cái áo veston cũ của tôi được trả 20 đồng, chiếc ghế xếp này được nâng lên tới 25 đồng. Nhưng những thứ này đều là kỹ vật, làm sao mà bán đi cho được.

Ở trại Xuân Lộc này tôi khá thân với Quý 'bụng', cùng đội, cùng ăn, chia sẻ với nhau từ cơm hầm, cá khô trại phát cho đến quà cáp gia đình tiếp tế hay rau cỏ linh tinh cải thiện. Một bữa Quý hí hửng khoe 'vợ, con em ở Cần Thơ lên thăm nuôi' sau đó y ta đem vào nào bánh chưng, lạp sừng, trứng muối. Tuần sau, lại có tên Quý trên bảng thăm nuôi. Tôi mới hỏi ai thăm? Quý 'bụng' nửa cười nửa khóc mà nói rằng 'con bồ em ở Sài Gòn nó lên từ biệt em, cho nó đem con đi lấy chồng, sau lần này là nó không bao giờ lên nữa'. Tôi mới nói với Quý 'bụng' rằng: 'Chú mày khéo không vợ mày nó biết là lắm mối tối nằm không đấy'. Miệng 'ăn mắm ăn muối' làm sao mà sự việc nó diễn tiến y như thế thật. Hàng nửa năm, Quý 'bụng' không ai thăm, bụng đói như cáo. Không riêng gì Quý 'bụng' mà nhiều anh em bạn tù bỗng chốc thấy mình là 'con bà phước'.

Ở ngã ba Ông Đồn trước khi chia tay tôi cố ý nhét vào tay bạn tù một khoản tiền nhỏ nhưng Quý 'bụng' từ chối thẳng tay mà nói: 'Anh già hơn em, anh cần khoản này hơn em'. Tôi hỏi thêm: 'Thế chú mày về đâu? Cần Thơ hay Sài Gòn?'. Quý nhún vai không trả lời mà bước lên xe, vẫy tay từ biệt.

Cái áo veston rách con phe trả 20 đồng, như đã nói ở trên, nếu trả 50 đồng tôi cũng không bán. Qua bao nhiêu trại tù, từ Nam ra Bắc, rồi từ Bắc vào Nam tôi vẫn mang theo cái áo này. Nó là chứng tích của một thời kỳ không thể nào quên, thời kỳ tôi bước chân vào làng báo. Năm 1959, sau một kỳ thi, tôi được đề cử sang Hoa Kỳ học về truyền thông. Trước khi lên đường, Mai Thảo, Phạm đình Chương, những tay ăn diện của Sài Gòn đã đưa tôi tới nhà may nổi tiếng Tân Tân đường Catinat may một chiếc veston hàng Dormeuil, nền xanh điểm chấm trắng (pied de poule) kiểu thể thao cho nó có vẻ kỹ giả (như áo của Gregory Peck trong vai nhà báo phim Vacances Romaines, một thần tượng của tôi trên màn ảnh cũng như cuộc đời).

Với chiếc áo này, tôi đã đi học ở Mỹ, đã tập sự ở một số tòa báo và sau này đi cover nhiều hội nghị trong nước cũng như ngoài nước. Tôi chỉ là kỹ giả một nước nhược tiểu nhưng ít hay nhiều chiếc áo này cũng gọi ra cho tôi nhiều kỷ niệm vui tươi cũng như cay đắng của nghề làm báo. Nó kể lại cho tôi dĩ vãng của một đoạn đời. Phải nhận là hàng Dormeuil thật bền; mặc tà tà như vậy trên 20 năm mà đầu thập niên 80 mới rách một chỗ ở khuỷu tay. Mùa lạnh ở trại Tân Kỳ (Nghệ Tĩnh), Thiếu tá Đỗ Hùng thấy vậy bảo rằng: 'Áo anh rách rồi, anh lấy cái blouson nhà binh của em mặc tạm'. Tôi cảm ơn bạn mà rằng: 'Áo này phải giữ vì có người 'command'rồi. Thái tử Charles hỏi mượn mặc ngày nhĩ hỉ với công nương Diana'. Tôi chỉ bỏ chiếc áo này năm 1991, trước khi tôi ODP đi Úc.

Tôi về, nín thờ qua sông ở vùng quê Hóc Môn từ đầu 1985 tới giữa năm 1991. Chuyện không ngờ là vật bất ly thân đối với tôi là cái ghế xếp của bạn tù đã mất Lê Văn Hóa để lại. Lúc đó tôi mới lờ mờ hiểu được tại sao ngày trước 'con phe' ở ngã ba Ông Đồn lại nài nỉ mua chiếc ghế này. Cái niêm hiệu Xã hội Chủ nghĩa được diễn dịch, được phóng tác thành nhiều nghĩa bi, hài cười ra nước mắt. Nhưng đối với tôi, sự diễn dịch gần gũi nhất của Xã hội Chủ nghĩa là Xếp hàng Cả ngày. Thời buổi bao cấp, tương quan xã hội là tương quan 'xin, cho', Đảng, cán bộ đứng ở trên luật pháp, là ông chủ tuyệt đối của nhân dân, từ công sở cho tới chợ búa, cho cái gì là nhân dân 'nhờ ơn Đảng cái nấy' nên phải xếp hàng, phải chờ đợi là nếp sống tất nhiên của xã hội. Trong cái phần số xếp hàng, chờ đợi 'miên miên vô tuyệt kỳ' như vậy mà anh có bên mình một cái ghế xếp thật nhỏ, gấp lại chỉ bằng cuốn sách, cần ngồi là giở ra ngay thì cuộc đời anh 'đỡ khổ' biết chừng nào. Trong những ngày nín thờ như thế tôi luôn luôn mang bên mình một cái túi vải trong đó có chai nước lọc, một nắm xôi hay khá hơn, một khúc bánh mì và tất nhiên, không thể thiếu được là chiếc ghế xếp. Như vậy là tôi đủ điều kiện để 'trường kỳ kháng chiến'.

Như đã nhiều lần thưa cùng quý bạn đọc, tôi vốn là một tên 'ghiền' xem đá banh. Ngày xưa, làm báo, tôi có thể thường trực trên khán đài A, sân Cộng Hòa (tôi muốn luôn luôn gọi như vậy, không phải là sân Thống Nhất) chỗ giành riêng cho báo chí. Bây giờ đi cải tạo về, muốn mua một vé khán đài bình dân những trận lớn, nhiều khi cũng bỏ hơi tai. Ở xa, đi chậm, nhiều lúc khán đài hết chỗ phải bám hành lang mà xem như một chú khỉ già. Do vậy muốn có chỗ ngồi xem phải đi thật sớm. 3 giờ mới đá, 1 giờ đã phải có mặt rồi. Những ngày nắng lớn, khán đài bình dân nó nóng cách gì. Ngồi xuống nhiều khi muốn bồng 'con chim'. Nhưng nhờ có chiếc ghế xếp của bạn tù để lại tôi ngồi phây phây, vừa uống ly nước mía vừa chờ đợi trận banh hứa hẹn.

Ông Lê Văn Hóa ôi, ông sống khôn chết thiêng, cái kỷ vật ông để lại đã giúp anh em nhiều lắm...

Ở cùng lán với đội rau kiêm văn nghệ nghiệp dư tụi tôi là đội già yếu, chuyên ở nhà làm nghề đan lát, đan cọt, thúng, mủng, rổ rá... mùa hè còn đan quạt. Đan bằng nửa do đội 'diện rộng' đi rừng mang về cùng với ống giang làm lạt, và mây để làm 'đồ đặc sản'! Đồ đặc sản là những chiếc ghế mây 'quí phái' kiểu Rocking Chair, vừa ngồi vừa đu đưa, vừa nhún nhảy. Không biết 'tù ngục' học ở đâu mà vào trong trại này làm đủ thứ nghề. Bên đội mộc có anh em làm những chiếc valise bằng tole, cái xách tay, cái khóa, cũng như bốn góc đều được gia công tỉ mỉ, chạm trổ ly kỳ, trông phẳng phất như những đồ trân quý còn để lại từ thời trung cổ.

Những đồ 'đặc sản' này là để cho K Trưởng Vũ B. đi 'ngoại giao' với trại trưởng Thùy 'mồi'. Khi được thưởng thức những đặc sản này rồi, trại trưởng Thùy 'mồi' lại đặt hàng thêm nữa. 'Nước sông công tù' tại sao không lợi dụng. Người Cộng sản bây giờ biết ăn chơi đú đờn nên hàng 'đặc sản' của tù làm ra rất được hoan nghênh. Còn nhiều thứ khác nữa. Từ những miếng nhôm phế thải, tù làm thành những chiếc lược chải đầu, lược cài tóc kiểu dáng rất thanh kỳ, chạm 'mai, lan, cúc, trúc' hoặc 'loan, phượng, yến, oanh'... Tù còn kiếm đá marbre làm thành vòng, nhẫn... có khắc tên, khắc tuổi, hoa lá, chim muông. Nhưng mà đặc biệt nhất là điêu cày, nờ điêu bằng đá kêu hết cỡ, thêm vào cái thân điêu cày cũng là một kỳ công. Phải đi kiếm một ống nứa vừa độ, không già quá mà cũng không non quá, đủ dày để không óp không vỡ, rồi khắc lên đó hình vẽ mà mình muốn.

'Rồng mây gặp hội, Anh hùng độc lập' (con chim điêu đứng một mình trên cành thông), 'Ngư, tiều, canh, mục' hay là 'Bát tiên quá hải'. Vẽ xong rồi là đem đốt. Phải bó rơm chung quanh điệu nghệ cách nào mà khi đốt xong, lảy lá chuối khô đánh lên, ống điêu lên nước vàng óng, những chỗ đen, chỗ cháy trở thành mây, thành núi hay là cây cối xa xăm. Vừa phải có nghề, cũng vừa phải 'may tay có lời' mới được. Có thể nói tù cải tạo là nghèo mạt rệp, nhưng kể riêng về điêu cày thì không ở đâu có được những chiếc điêu cày vừa kêu thánh thót vừa đẹp ly kỳ rừng rợn như trong tù cải tạo.

Những cái điều, cái lược, cái vòng, cái nhẫn... ấy là 'gia tài' của tù. Có còn gì khác nữa. Công danh, sự nghiệp, hiện tại, tương lai, ngay cả đời sống này cũng không còn là của mình nữa. Vợ con cũng vậy. May mắn lắm mới còn. Biết bao nhiêu anh em xung quanh bỗng chốc trở thành 'con bà phước'. Của riêng còn lại chút này. Nó là gia tài, là của cải đôi khi còn là kỷ vật của anh em để lại. Có một anh bạn tù, đối quá, ăn bậy uống bậy nên cứ phù lên xẹp xuống hoài hoài, lần này không những cái chân phù thũng mà cái bụng cũng chướng lên. Phải đưa lên 'tuyến' trên. Trước khi ra đi anh ta nói với người bạn thân 'Cái điều Ròng Mây Gặp Hội của tao, nếu tao còn về được thì mày đưa lại cho tao. Nếu tao đi luôn thì mày giữ lấy mà dùng'. Anh bạn này đi luôn thật. Cái điều của anh là 'Ròng Mây Gặp Hội' nhưng bản thân anh, anh gặp được những gì?

Tôi có một anh bạn đồng binh chủng, Trung tá Chiến tranh Chính trị Lê Văn Hóa. Anh là một người 'vui' nhất đội. Lúc nào cũng thấy anh cười, rộn. Bài tù của anh là 'Ngộ pên Tàu à ngộ mới sang. Sang Nam Việt pán puôn làm giàu'. Kịch lịch sử 'Lửa Kinh Thành' Lê Văn Hóa đóng tướng Tàu Mãn Thanh là vô địch. Thể thao môn gì cũng biết, cái gì cũng chơi. Bóng chuyền, bóng đá, bóng bàn, còn đánh cờ nữa. Cuộc vui chơi nào cũng đều có mặt Lê Văn Hóa. Anh là 'tay chơi' thứ thiệt, chơi hết mình; đặc biệt không thấy anh thở than kể lể điều gì bao giờ. Theo như tôi hiểu anh có lập gia đình, nhưng không có con. Quà cáp của anh cũng thuộc loại 'bà phước', đơn sơ lắm, 'năm thì mười họa'. Tại sao bạn tôi vui cười hoài được nhỉ? Anh là người tự trọng, không vay mượn, xin xỏ ai. Nhưng bạn tôi là người 'xấu đời'. Cái bao tử nó hành là không chịu nổi. Anh là vua cải thiện linh tinh. Mẩu sắn, đọt khoai, đồ sống sít thế nào, Lê Văn Hóa đều 'chạp' hết. Có lúc không xoay xỏa, cải thiện vào đâu được, Lê Văn Hóa liền vợ mấy chùm cỏ tóc tiên trồng ở trước nhà tù, rửa sơ sịa rồi ăn luôn.

Nhà tù bên trong thì chật hẹp, hôi hám nhưng ngoài sân trước lán tù thì lại có vườn hoa cây cảnh, có hồ bán nguyệt (không biết có cô nàng nào quá bộ đến đây rửa chân, rửa cằm hay không). Cứ đứng ngoài cửa mà nhìn (đừng có vô, đừng có sống ở trong đó) thì nhà tù trông khang trang, như nhà một vị hưu quan về ở ẩn. 'Hoa chăm, cỏ xén, lối phẳng, cây trồng'. Một số anh em già yếu và những anh được nghỉ 'làm việc nhẹ' hằng ngày phải lo về sạch sẽ, sửa sang vườn hoa cây cảnh, đường đi lối lại. Bây giờ vì đối quá nên Lê Văn Hóa chạp gần hết bồn cỏ tóc tiên trước nhà. Ăn uống bậy bạ, lảng nhãng nên Lê Văn Hóa hư mất bộ tiêu hóa. Cái trực tràng của anh bây giờ nó đóng mở tự do, không còn tùy thuộc ý định của chủ nhân nữa 'ra vô thông thả'. Người đã như vậy mà một hôm trại thành lập đội đá banh đá giao hữu với K3 ở bên, Lê Văn Hóa còn nhất định ghi tên 'cho tôi đá đỡ mi'. Vừa vừa phải phải thôi chớ. Người đi không muốn nổi mà còn đá đấm nổi gì!!!

Càng đối, càng ăn bậy cho đầy bao tử thì bộ tiêu hóa của bạn tôi càng hư hoại. Sau này bạn đâu có mặc quần được nữa. Quán quanh người một cái khăn rách kiểu xà rồng, để nhờ có đi ngoài thì cứ vậy mà ngồi xuống. Người trông không còn ra người. Như một cái xác biết đi, vàng vọt và hôi thối. Lại phải cáng anh đi lên tuyến trên. Tôi và vài người bạn nữa dìu anh lên brancard. Anh quay lại, đưa cho tôi một cái ghế xếp, cái ghế làm rất công phu, xếp lại chỉ bằng cuốn sách, giờ ra là ghế chéo ngồi rất tiện. Lê Văn Hóa nói: 'Tôi thấy cái chân anh bết lắm, giữ lấy cái ghế này mà ngồi đi...'

Mọi người khiêng brancard đi ra cổng trại. Tôi giờ tay vấy vấy. Lê Văn Hóa nằm mà giờ tay vấy lại, miệng còn hát 'Ồ e, con ma đánh đu, thằng Tây nhảy dù, Zorro bắn súng'. Người tù cải tạo ấy cho đến khi sắp chết vẫn còn đùa rồn.

Sau này được tha về, mỗi khi ngồi cái ghế xếp, kỷ vật của bạn tù Lê Văn Hóa tôi lại nghe văng vẳng 'Ồ e con ma đánh đu...', không biết hồn ma của bạn có được ngậm cười nơi chín suối?

Mục Tạt Ghi và ký giả Lô Răng
Viên Linh

Cuốn Sổ Sinh Tử của tôi khoảng hai tuần trước có ghi:

"Phan Lạc Phúc, bút hiệu Thiên Khải, Ký giả Lô Răng, người khai sinh mục Tạt Ghi trên nhật báo Tiền Tuyến, sinh 1928 Sơn Tây, khóa 2 Sĩ quan Trừ bị, mất 25.4.2016."

Sydney ngày 27 tháng
O. Viên Linh thân
Thư nhân được báo KH gửi cho tôi. Thư
là để 2 ký hiệu liên tục cho tờ Tạt Ghi của tôi.
Vấn đề là biết, tôi là người khai sinh ra cái
mục Tạt Ghi lâu năm này trên báo hàng ngày. Người
tôi có mối quan (Kính Phan) là viết phim như
tôi gọi là "film" (film du jour) hay là potin.
Nhưng tôi vẫn ký như vậy. Tạt Ghi theo tôi là
một thứ column như báo chí kiểu Mỹ trước năm
mà tôi cũng ký viết là một thứ columnist là gì
không. Thấy báo chí (cả nhân Việt Nam) thì bài này
tên một columnist là ký mục giả.

Thân
Phúc

Ông Viên Linh thân
Cả ba đều viết gửi cho Kiều Huệ. Tôi cũng nhận được mấy
lời "nhân gửi" của ông. Tôi chết nhỏ ngày trước (lời đầu tiên viết 7)
khi chúng ta còn người Chung ở Hoa Kỳ, ông viết trên Văn Trung
có một bài dài nhất ăn cơm (đầu tiên, trên quốc dân) sau đó thì ông
với tôi các bài trên Kỳ Kiều Huệ có từ ngày tôi viết "Tạt Ghi" cho Kiều
Huệ. Sau biết ông còn trở lại như một loại ~~trở lại~~ (gấp 3) cho tôi.
Ông gọi ghi lại chúng tôi, tôi xin gửi theo đây mấy bài.

Phóng ảnh hai đoạn thư Phan Lạc Phúc (ký giả Lô Răng) gửi Viên Linh trong thế kỷ trước, nói về mục Tạp Ghi ông khai sinh ra trên nhật báo Tiền Tuyến. (Hình: Viên Linh cung cấp)

1 - Với cuốn sổ ghi chép hàng ngày, tôi căn cứ vào đó như dấu mốc đi đường, con đường thời gian dẫn người ta ngược xuôi lên xuống kinh thành quá khứ, nơi trùng phùng tái ngộ của riêng người viết này với thế giới những vong hồn, lịch sử các triều đại, với các vương tôn công tử giai nhân mặc khách của quê hương, vào đúng ngày hẹn của họ với định mệnh. Quê hương của riêng tôi là ở đó, còn giải non sông gấm vóc nào nữa khi mà kẻ lãng tử chỉ thấy nơi xa xăm ngút ngàn kia ở ven biển Thái Bình, bập bênh mặt nước là ngư dân chết đuối, từ chồn giải tới con tôm cái tép; đắp nền cấm cọc dưới biển sâu là thủy mộ quan, đầu lâu xương cốt của hàng nửa triệu người gửi lại trên đường thoát mị, lánh Tần, chạy giặc (người chết thành ma, ma chết thành mị) vì nhà xưa phố cũ đã là nơi chiếm ngụ hôi thối nồng nặc bốc lên từ những hoàng thân quý thích của tân triều, nghe nói lại là giọng dõng của những phù thủy nơi đầm lầy hẻm độc, những Kém Trống chôn một lúc hàng trăm thương-khách gần Phá Tam Giang, những Quĩ môn quan chìm sâu hàng triệu kẻ thất-thổ lên đêngh qua đó, không để làm gì ngoài việc chiếm đoạt vài đồng kẽm trong túi thư sinh, nửa chỉ vàng trên ngón tay người nữ lưu khăn thắm áo hồng. Chúng giết người chỉ vì những cái chúng không có, chúng còn có cái gì để làm của, ngoài chính của cải của người khác? Thiên đường của thế giới đại đồng, quảng trường của xã hội không giai cấp đó.

Có phải đó là thơ? Có phải đó là tản văn? Có phải đó là hồi tưởng? Hay đó chỉ là mấy chữ xuôi dòng nhân một ánh sáng lóe lên trong tâm tưởng?

Vâng đúng thế. Cái tên Phan Lạc Phúc làm tôi cùng một lúc nhớ đến những cái tên khác, của những người đã cùng tôi ngồi chung một phòng, trong sáu năm, tại tòa soạn Nhật Báo Tiền Tuyến của Quân Đội. Nhật báo Tiền Tuyến tuy là do các quân nhân làm nhưng để phục vụ đại chúng, không chỉ phục vụ người lính. Báo nổi tiếng trong thị trường nhật báo miền Nam trong nhiều năm, với các nhà văn nhà báo cơ hữu, làm việc ăn lương quân nhân: Hà Thượng Nhân, Phan Lạc Phúc, Huy Văn, Viên Linh, Tri Vũ Phan Ngọc Khuê, Thanh Tâm Tuyền, Hoài Điệp Tử, Nguyễn Khắc Nhân, Hải Bằng, Nhất Giang,...nhiều người đã ra người thiên cổ: gần nhất là Phan Lạc Phúc, chủ bút, Hà Thượng Nhân, chủ nhiệm, Thanh Tâm Tuyền, phụ trách trang Văn học, Hoài Điệp Tử, phụ tá TKTS, Thảo Trường, Mai Thảo, hai nhà văn viết truyện dài từng kỳ trên Tiền Tuyến và Vũ Quang, Cao Tiêu, hai vị đại tá Cục Trưởng Cục Tâm Lý Chiến nơi đặt tòa soạn tờ báo... Nhiều người đã ra đi, hầu hết đã ở các trại tù Cộng Sản trừ hai vị cục trưởng, còn nhà văn Hoài Điệp Tử và một số ra khỏi nước trước ngày 30 Tháng Tư và Mai Thảo đã không ra trình diện và thoát vây an toàn. Hoài bị thiêu sống trong tòa soạn tuần báo Mai cách đây hơn 20 năm tại Westminster. Còn lại đâu đó tại hải ngoại các nhân viên của tờ báo, các anh Nguyễn Khắc Nhân, Đinh Hiền, Hải Bằng, Chu Sơn, Nhất Giang, và anh Tri Vũ Phan Ngọc Khuê biên tập viên dịch Pháp văn, dịch tin bài mỗi ngày, ...

2 - Ký giả Lô Răng. Đó là tên ký dưới mục Tạp Ghi của tờ Tiền Tuyến, một trong mấy bút hiệu của cố trung tá Phan Lạc Phúc.

Mục Tạp Ghi xuất hiện lần đầu trong làng báo là trên tờ Tiền Tuyến, nơi trang 2, chạy 2 cột báo (column) sắp chữ nghiêng (Italique) từ trên xuống dưới. Nó xuất hiện mỗi ngày, người khai sinh ra nó là chủ bút Phan Lạc Phúc. Thời gian ở Việt Nam ông không bao giờ nhận mình là nhà văn, chỉ tự gọi mình là ký-mục-gia (columnist), chữ này phát sinh ra từ cột báo mà ông phụ trách. Tạp Ghi Lô Răng chỉ Lô Răng viết được. Nó ăn khách đến nỗi nhiều độc giả gọi điện thoại vào sau mỗi ngày báo ra. Người ta bàn tán với nhau sau mỗi bài, và người ta chờ đọc mục ấy ngày hôm sau. Ngồi bàn bên cạnh bàn ông, tôi thấy rõ ông viết như thế nào. Ông viết trước hết như một nhà văn, một mục chỉ hai cột báo, ông viết từ khoảng gần trưa, viết qua bữa ăn trưa, thường là khi sang cũng chỉ có cái croissant, ly cà phê sữa, hay trà sữa, những thức

ăn gọn nhẹ, cầm lên tay được. Những cái croissant này có lẽ được mua từ nhà hàng Pagode mang vào. Thường gọi là Quán Cái Chùa. Đó là tiệm cà phê giới nhà văn ngồi mỗi sáng, gọi là cà phê nhưng món trà sữa ở tiệm này lại rất đắt khách. Đây là sữa tươi, không phải thứ sữa đặc có đường của cà phê sữa. Thời đó ở Sài Gòn, sữa tươi là của hiếm. Lô Răng không ngồi ngay gần sau bàn mà ngồi ngả lưng trong chiếc ghế có lưng dựa, vừa viết vừa thỉnh thoảng lơ đãng ngó ra khoảng sân nắng, tay nhắc chiếc kính gọng vàng ra, khi lau khi không, đeo vào, rồi lại viết. Anh ít khi viết viết xóa xóa, mà khi đặt bút, là viết cả câu văn.

Tôi thường nghe anh đọc thơ xuôi, đọc rất hay, có cung bậc nhất định từ đầu đến cuối bài, tôi nghĩ câu văn anh viết, anh đã đọc nhẩm trong miệng, trong đầu, câu văn tạp ghi có một thứ âm điệu mềm mại, đọc không trúc trắc bao giờ. Có lẽ anh đã đọc thử xong rồi mới viết nó xuống. Trong một âm điệu kiến trúc riêng. Một bài Tạp Ghi Lô Răng thường có 4 hay 5 đoạn, giữa hai đoạn phải bỏ trắng khoảng hai hàng chữ. Mỗi đoạn như thế là chuyển ý, ở trước chữ đầu tiên của mỗi đoạn phải có một chấm vuông lớn, nếu tôi nhớ không lầm. Tiền Tuyển mỗi ngày ra 8 trang, anh Huy Vân trình bày 4 trang 1-8, 4 và 1 trang quảng cáo, tôi trình bày 4 trang, 2-3,5, và trang kia quảng cáo. Trang 2 có mục Tạp Ghi và một bài tham luận chính, trang 5 là tiểu thuyết, truyện dài từng kỳ. Nhuận bút một bài Tạp Ghi Lô Răng là 500 đồng Việt Nam Cộng Hòa. Mục này ăn khách như đã nói, Khởi Hành cũng có Tạp Ghi của Lô Răng, riêng nhuận bút tại Khởi Hành lãi trả gấp 3 lần Tiền Tuyển, thành 1.500 đồng một kỳ.

Khi ra hải ngoại, nhà văn Phan Lạc Phúc viết thư trao đổi với tôi, tiếp tục mục Tạp Ghi trên Khởi Hành hải ngoại, trong hai ba lá thư anh viết rằng trên các mục gọi là Tạp Ghi của báo chí hải ngoại, người ta viết linh tinh, kể cả chữi nhau, lại chữi nhau kịch liệt. Nghĩa là thất truyền, nghĩa là không phải thế. Sau đây và vài đoạn thư trao đổi về Tạp Ghi trong thư Phan Lạc Phúc viết cho Viên Linh:

Sydney ngày ...
Ông Viên Linh thân

Cảm ơn ông vừa gửi cho Khởi Hành. Và cũng nhận được mấy lời “nhắn gửi” của ông. Tôi chợt nhớ những ngày trước (hồi đầu thập niên 70) khi chúng ta còn ngồi chung 1 tòa soạn, ông Anh Việt Trần Văn Trọng có bữa mời đến nhà ăn cơm (đầu đường Trần Quốc Toản). Sau đó thì ông với tính cách tổng thư ký Khởi Hành có đề nghị tôi viết Tạp Ghi cho Khởi Hành. Đặc biệt ông còn trả nhuận bút (gấp 3) cho tôi. Bây giờ nghĩ lại chuyện xưa, tôi xin gửi theo đây mấy bài... Bài “Chiêu niệm Hoàng Phạm Trân” hy vọng sẽ được vào mục Chiêu Niệm Văn Chương. Còn 3 bài Ngày Giỗ - Hoàn toàn là sự thật - và Chuyện tàu định mệnh thì tùy nghi.

Sydney ngày ...
Ô. Viên Linh thân

...Như ông đã biết, tôi là người khai sinh ra cái mục Tạp Ghi lảm cẩm này trên báo hàng ngày. Người ta cứ có thói quen (kiểu Pháp) là viết phiếm như vậy gọi là “phim” (film du jour) hay là potin. Nhưng tôi nghĩ không phải vậy. Tạp Ghi theo tôi là một Column - như báo chí kiểu Mỹ thường làm - mà tôi cũng không biết ta dịch chữ Columnist là gì nữa. Thầy Khóa Tư (cử nhân Việt Hán) thì bảo rằng tạm dịch Columnist là Ký mục gia. Sau khi đi tù về và đầu thập niên 90 ra được nước ngoài, có sang Mỹ (1992) tôi thấy báo chí hải ngoại thường có mục Tạp Ghi - nhưng ở đó viết đủ loại, đủ chuyện - như bút ký, như chuyện ngắn, như bút chiến (chửi nhau kịch liệt). Tôi cũng không ngờ cái mục lảm cẩm hồi xưa (một anh hề phụ nằm ở trang trong khiêm nhường) bây giờ nó lại hoa lá cành như thế.

Thân
Phan Lạc Phúc

3 - Nhiều người thắc mắc sao Phan Lạc Phúc lại lấy bút hiệu Lô Răng? Hay ông ấy có tên Tây là Laurent như một nhà thiết kế thời trang ở Pháp? Tôi nghe nói ngay từ thập niên 60, 70 là không phải thế, có kẻ nói ông ấy tự đùa mình, thấy hàm răng có hơi nhô ra, rồi từ nhô răng theo lối biến âm lời nói ra nhời nói, và ngược lại, từ nhời nói thành Lô Răng. Ấy, cái lối đùa vui trong chốn chữ nghĩa nhiều khi hơi nhảm, hàm răng ông bình thường, cười tươi, vầng trán rộng, cái nhìn sắc, nói chuyện ý nhị và hát rất hay, đúng ký âm và giữ cung rất vững. Đi đâu ông cũng mang theo một xấp báo trên tay, thường là L'Express, Nouvel Observateur, và cuốn sách của tác giả ông thích, hay nói đến: Raymond Aaron, nếu tôi nhớ không lầm.

Qua cơn mê

..."Bạn ơi nếu tôi có một điều ước, tôi ước mong cho ngày nào trời đất phong quang, chúng ta được trở về đất nước Việt Nam yêu dấu, muốn đi đâu thì đi. Tôi sẽ đi tới những trại tù năm cũ, thăm lại người xưa, thăm lại các bạn tù chúng ta còn nằm lại. Tôi sẽ tới trại Yên Hạ, tới quận Phú Yên hỏi xem ông cụ Việt trại trưởng năm xưa còn sống hay không? Nếu gặp được ông cụ tôi sẽ nắm lấy tay mà nói "Tôi là là cựu tù nhân Yên Hạ đây, cụ còn nhớ tôi không, thưa cụ?"...

Một mai qua cơn mê, xa cuộc đời bèo bọt, tôi lại về bên em...
Trần Trịnh- Nhật Ngân.



Tôi vừa nhận thư từ Seattle, Mỹ gửi sang. Không phải những người bạn thân quen của tôi mà nhìn tên người gửi thấy đề T. Nguyen lạ hoắc. Sang xứ sở văn minh thực dụng này, tên tuổi lộn đầu lộn đuôi mà chữ viết cũng ít khi dùng đến nên tôi cầm lá thư mà chưa nhớ ra ai. Mỗi người sinh ra trên trái đất này đều có một nhân dáng riêng, cũng như có một nét chữ riêng, có ai giống ai đâu? Bây giờ bỏ cái riêng tư ấy đi, dùng toàn chữ in sẵn trong computer – tiện lợi thì có tiện lợi thật nhưng cầm cái thư tôi thấy nó lạnh lùng, khô khốc... Bề ngoài bao thơ không cho tôi một tí hiệu tình cảm nào, tôi hồ hững mở thư. Nhưng vừa đọc, tôi đã vô vàn cảm xúc: "Anh P. ơi, chắc anh không nhớ được em đâu, nhưng em nhớ anh hoài, em nhớ "ông già chẵn ngựa". Em là "La Sơn Phu Tử" đây." Những cụm từ "ông già chẵn ngựa" và "La Sơn Phu Tử" đã như chiếc chìa khóa mở ra một quãng đời tù tưởng đã nhạt nhòa trong ký ức...

Đạo ấy là cuối năm 1977, chúng tôi vừa từ già trại tù quân quản Liên trại 2 để đến một nhà tù chính thức Yên Hạ – Sơn La thuộc Công an – Bộ Nội vụ. Cùng là đi cải tạo nhưng bên trong có

chia ra nhiều loại. Loại cải tạo trong Nam tương đối nhẹ nhàng hơn, ngắn hạn hơn. Tù nặng, tù lâu là ra Bắc. Những năm đầu ra Bắc, tù đặt dưới quyền quân quản, tức là do bộ đội quản lý. Sau chừng từ 2 đến 3 năm tù được chuyển dần từ trại “trâu xanh” (bộ đội) sang trại “bò vàng” (công an). Ở trại tù chính thức của Bộ Nội vụ như trại Yên Hạ này chúng tôi được gặp những bạn tù anh em ta bị bắt từ hồi Mậu Thân (1968) cũng như một số anh em khác, tù binh từ trận Hạ Lào (1971). Những trại tù này thường là trại hỗn hợp vừa có tù chính trị (như tụi tôi) vừa có tù hình sự. Bên hình sự có thiếu gì những người tù bị hình án nặng nề từ 20 năm đến chung thân ở đây.

Đến trại Yên Hạ này, tôi được gặp Trung tá Kh., dân Tiếp vận bị bắt hồi Mậu Thân khi về Huế ăn Tết thăm gia đình. Anh còn sống sót không nằm trong nắm mồ tập thể mấy nghìn người, kể ra cũng phải tạ ơn Trời Phật. Cho đến lúc này thì Kh. đã có thâm niên 9 năm tù, kinh nghiệm hơn tụi tôi nhiều lắm (mới có trên 2 năm). Khi được hỏi về sự khác nhau, giống nhau giữa 2 trại trâu xanh và bò vàng Kh. nói: “Một bên là dao găm, một bên là thuốc độc, không biết bên nào êm ái hơn bên nào”. Ngừng một lát Kh. Nói tiếp: “Tuy nhiên, qua các trại miền Bắc tôi thấy cuộc sống tù đầy tùy thuộc khá nhiều vào trại trưởng. Mới chuyển sang trại bò vàng Công an mà các bạn được về đây là khá đấy. Ông cụ Việt, trại trưởng trại này là một biệt lệ trong các cai tù... Rồi các bạn sẽ thấy”.

Chúng tôi nhận ra biệt lệ này ngay trong lần đầu tiên lên hội trường nghe “huấn thị”. Trại trưởng trại Yên Hạ, cấp bậc Trung tá Công an, thường được gọi thân mật là cụ Việt, là một ông già tóc bạc, tuổi trên dưới 60, dáng vẻ trầm tư, phát ngôn mực thước. Ông nói “Chúng tôi được trên giao nhiệm vụ quản lý các ông, cải tạo viên chính trị. Phạm nhân chính trị có quy chế riêng. Trại sẽ áp dụng đúng quy chế ấy đối với các ông. Tôi mong các ông chấp hành nội qui nghiêm chỉnh để trại chúng tôi thực hiện tốt mục đích trên giao mà các ông cũng tạo được kết quả bước đầu trong học tập cải tạo”.

Khác với cán bộ CS thường thay, trại trưởng Yên Hạ nói ngay vào vấn đề, ngắn gọn, cụ thể – không lèm bèm chửi mắng mà cũng không lý thuyết chính trị rề rề. Nhưng điều đặc biệt là tù nhân chúng tôi chưa bao giờ nghe thấy ở đâu là ông cụ Việt này gọi chúng tôi là “các ông”. Sau tháng 4 đen 75, chúng tôi tự biết mình đang đi xuống nấc thang thứ bét của xã hội, thuộc vào giai cấp bị triệt tiêu, chưa bị hành hạ, bắn giết lúc nào là may lúc ấy. Có bao giờ chúng tôi nghĩ rằng mình lại được gọi là “các ông” như thế. Tìm hiểu về người trại trưởng, tôi lại phải hỏi Kh., người tù thâm niên ở đây. Được tiếp xúc với trại trưởng nhiều lần, nên Kh. dường như hiểu biết khá rõ về ông cụ Việt. Kh. nói: ông ta là người có văn hóa, nói tiếng Pháp khá hay, nguyên là trưởng xa (chef train) của Sở Hỏa xa thời Pháp. Ông ta hình như có tham gia hội kín, hội hồ trước 1940 và sau mới chuyển theo Cách mạng. Vì “quá trình” như thế nên bây giờ gần tuổi về hưu rồi mà cấp bậc vẫn lẹt đẹt trung tá. Xem như tên trại phó Đặng U. dân răng đen mã tấu chính tông mới chưa đến 40 mà đã thiếu tá Công an rồi. Nó bóp còi qua mặt ông ta mấy hồi...” Đây là trại tù chính thức của Công an miền Bắc, và tôi nhận ra rằng những trại tù sau này mà tôi sẽ đi qua đều có một kiến trúc tương tự. Tường đá bao quanh cao chừng 4m (ở đây Sơn La “lưới núi” nên xây tường bằng đá hộc), ở trên có chằng thêm 3 tầng dây thép gai chằng chặt. 4 góc có 4 chòi canh, công an bò vàng gác suốt ngày đêm, đầu giờ, cuối giờ keng đánh lia chia, gát gong. Ngay bên cạnh cổng giữa đi vào là văn phòng trực trại, nhìn vào một cái sân rộng gọi là sân “tập kết” nơi tù các đội tập họp đợi giờ xuất trại đi làm. Cuối sân tập kết là Nhà Văn Hóa hay Hội trường, vừa là nơi hội họp, học tập toàn trại vừa là nơi trình diễn văn nghệ. Dọc hai bên sân tập kết là 2 khu nhà. Gọi là khu A và khu B. Mỗi khu lại chia ra nhiều lô nhỏ có tường bao quanh. Mỗi lô có một nhà tù dài chia ra làm 2 lán. Mỗi lán chứa 2 đội tù, từ 70 đến 100 người, tùy theo nhân số lúc vắng lúc đông. Chúng tôi đến trại Yên Hạ này đầu mùa rét tháng 11 năm 1977 lúc tù rậm rộ kéo về mỗi người tù chỉ có được chừng 50cm vừa ăn vừa nằm chặt cứng. Khu A là khu dành cho chúng tôi, tù chính trị, khu B đối diện là khu hình sự. Theo quy định nhà tù, lô này không được sang lô kia, nếu không có phép của trực trại, và khu này với khu kia thì tuyệt đối cấm không được lai vãng.



Một buổi trưa, chúng tôi vừa tạm thu xếp chỗ nằm xong chợt có tiếng la giạt giọng từ bên khu B đối diện vọng sang: “Chết tôi rồi, cứu tôi với. ôi cụ Việt ơi!” Từ một lô nhà khu hình sự một người tù đang cố sức chạy ra sân tập kết. Nhưng anh ta chạy không được vì một cán bộ Công an bò vàng đang nắm tóc người tù kéo giật xuống mà lên gối. Tiếng kêu cứu của người tù tắc nghẽn giữa những tiếng hự hự liên tiếp. Người cán bộ này ra đòn rất gọn rõ ra có nghề. Người tù rũ xuống như một đồng giẻ rách mà cán bộ chưa tha. Còn “sút” thêm mấy quả vào lưng vào bụng. Chợt có tiếng ông cụ Việt từ một căn nhà gác ở bên ngoài cổng trại (ở dưới là văn phòng trại trưởng, ở trên là nơi ở) nói vọng vào: “Cái gì thế?” Có tiếng trại trưởng là cán bộ mới từ tù bỏ đi... Tù bên khu B mới ra cổng người tù hình sự vào nhà, hình như đã ngất đi, trào máu họng. Vừa mới sang nhà tù Công an mà chúng tôi đã được “dàn chào” như vậy nên rét quá. Lại phải đi hỏi Kh. bạn tù thâm niên. Kh. nói “Tù hình sự ở đây nó khiếp lắm. “Đầu gấu” cả đấy. Hờ ra là nó giết nhau ngay. Cho nên cán bộ an ninh kiêm chấp pháp chuẩn úy Trần M. mới dữ như vậy. Nhưng trại trưởng ông cụ Việt thì ông ta không cho phép đánh tù. Có mặt ông là không được phép. Nhưng mà sau lưng ông là nó đánh ra gì. Đánh chết bỏ. Vài bữa nữa đi làm các bạn đi về phía Mường Thái, thấy có cái nghĩa địa mà cũ mà mới lộ nhô, đó là chỗ tù theo nhau ra nằm ở đấy” – “Tù chính trị cũng vậy à”. – “Cũng nằm một chỗ nhưng có khác. Mả tù chính trị thì hơn được cái bia, hoặc là bằng đá hoặc là bằng gỗ. Còn mả hình sự thì vùi nông một nắm, coi như xong.”

Sau vụ dàn chào ghê rợn, một số anh em tù cải tạo thăm thì to nhỏ với nhau rằng: “Trại trưởng ông cụ Việt đóng vai ông Thiện, phó trưởng trại Đặng U. với cán bộ giáo dục (tức chính trị viên của trại) Nguyễn Hồng L., và cán bộ an ninh kiêm chấp pháp Trần M. đóng vai ông Ác. Đó là trò vừa đả vừa xoa thường thấy.” Nhưng ở lâu hơn, tôi thấy hai khuynh hướng này đối chọi nhau rõ rệt, không phải chỉ là sách lược đối phó nhất thời.

Đã gần hết năm, một buổi họp bàn về tổ chức vui Tết năm Ngọ (1978) được cán bộ giáo dục Nguyễn Hồng L. chủ trì. Anh cán bộ mặt gà mái này tuyên bố: “Các anh sống một cuộc sống tay sai, trước là cho Pháp sau là cho Mỹ nên các anh thiếu văn hóa, hay là không có văn hóa. Bây giờ đi cải tạo, Cách mạng phải hướng dẫn các anh, dạy dỗ các anh sống có văn hóa. Trong dịp Tết này, trại dành cho các anh một nửa chương trình, một nửa cho khu A, một nửa cho khu B. Các anh hãy rón theo đường lối của Cách mạng mà sửa soạn một chương trình văn nghệ, để xem các anh có mở mắt ra được chút nào không?”

Còn ông trại trưởng ông cụ Việt, khi gặp ban Văn nghệ chúng tôi được triệu tập lo chương trình Tết thì ông cụ lại nhỏ nhẹ nói rằng: “Tết là một ngày lễ truyền thống của dân tộc. Các ông là người có học. Tôi hi vọng các ông sẽ đóng góp được một chương trình văn nghệ có ý nghĩa”. Cách ăn nói, thái độ khi tiếp xúc với chúng tôi của ông cụ Việt trại trưởng nó ôn tồn, thoải mái, không có vẻ ngiễn răng căm thù như thường thấy nơi cán bộ CS. Phải chăng nguồn gốc xuất thân của ông đã khiến ông có một niềm thông cảm tự nhiên đối với chúng tôi, những người tiểu

tư sản thua quân mất đất. Năm ấy chủ trương đấu tranh giai cấp còn rất mạnh; ở miền Nam đang vào cao điểm đánh tư sản, mại bản nên dân “Ngụy” chúng tôi từ trong tù cho đến ngoài xã hội được coi như một lũ “cùi” không ai dám đến gần. Đúng theo quy luật, chúng tôi là giai cấp bị triệt tiêu. Có những người bạn tù, có anh em ruột thịt làm lớn ở ngoài Bắc; Những nhà CM ấy đã vào Nam nhận họ, nhận “hàng”, nhận tiền, nhận bạc để khi ra Bắc, nhờ mang một số quà đi thăm người thân cải tạo. Nhưng dù là anh em ruột thịt, cùng mẹ cùng cha nhưng phần lớn các nhà CM ấy quên luôn, không dám đi thăm. Dính líu với ngục quân ngục quyền là phản động. “Thời kỳ phát động chiến dịch, bố tôi bị đi cải tạo là tôi cũng phải quên bố tôi luôn nếu tôi muốn có sổ gạo, có bát cơm mà ăn, hưởng hồ là anh em họ hàng”, một người tù hình sự đã nói với tôi như vậy. Thế mà ở đây đang mùa đánh tư sản mại bản, ông cụ Việt chánh giám thị trại tù lại gọi chúng tôi là “các ông”. Tôi chưa gặp ở đâu, cai tù CS lại gọi đối xử với tù nhân như vậy... Trại triệu tập ban Văn nghệ tù chính trị bằng hai cách. Theo nghề nghiệp trước đây ghi trong hồ sơ và tin tức nhận được về những người tù có khả năng văn nghệ. Một người bạn của tôi được gọi ra thành lập ban kịch. Đó là bạn Nguyễn Văn Th. nguyên đạo diễn điện ảnh và sân khấu. Anh cũng là người được giải thưởng văn chương toàn quốc thời Đệ nhất Cộng hòa... cùng với nhà văn Nguyễn Mạnh Côn. Th. già là bạn cùng khóa 2 Thủ Đức và cùng ngành Chiến tranh Chính trị với tôi nên một bữa Th. tìm gặp tôi và nói: “Cán bộ chính trị nó chửi mình nặng như thế thì dù là tù đi nữa, mình cũng phải làm cái gì chứ ông”. Nể lời bạn nên tôi cũng vào ban văn nghệ với một nhiệm vụ khiêm nhường “phụ tá khói lửa”. Ở miền Bắc, kịch cũng như điện ảnh bao nhiêu năm qua đều sống với đề tài chiến tranh nên tổ chức nào cũng phải có người lo về khói lửa tức là vấn đề kỹ xảo về súng bắn, mìn nổ, lửa cháy, v.v... Nhưng nhiệm vụ khởi đầu của tôi chỉ là đem đến ban kịch một cái nùi rơm và cái điều cày để anh em giải lao hút thuốc. Ngắm ra rất đúng với nhiệm vụ được giao: có khói và có lửa.

Nguyễn Văn Th. được lệnh viết một cái kịch ngắn cho anh em trình diễn. Nhưng mà bạn tôi kẹt, viết mãi không ra. Một bữa tôi mới nói với Th.: “Mình “sức voi” mà đi viết kịch. Tư tưởng mình khác, tư tưởng của họ khác. Đầu óc họ luôn luôn cắm thù, nghi kỵ, không khéo rồi bút sa gà chết. Tại sao mình không lấy kịch của họ mà “chơi?” – “Nhưng mà kịch của họ, nó chỉ chửi bố mình không làm sao mà diễn”, Th. dửng dưng trả lời như vậy.

Khi mới về trại, tôi có thời gian lo liên lạc mượn một số sách, báo cho anh em, nên tôi biết thư viện trại có một số kịch bản. Trong trường kịch Quang Trung của Trúc Đường có một màn có thể tách ra diễn được. Tôi ngó ý với Th. già: “Màn Lửa Kinh Thành trong kịch Quang Trung này viết khá. Nếu chơi màn kịch này, mình có 2 điều lợi. Thứ nhất mình không mất công viết, kịch của họ, tác giả của họ mình khỏi lo về phần tư tưởng. Thứ hai kịch lịch sử nên anh em ta không có mặc cảm khi tập và khi diễn. Như thế may ra mới có “chút lửa” cho anh em”. Tôi đưa kịch bản Lửa Kinh Thành cho Th. đọc và bạn tôi đồng ý; sau đó kịch được đưa lên ban Giáo dục duyệt. Trong khi đó bộ phận nhạc do một số anh em ngành Tâm lý chiến đảm trách lo hát đồng ca, tốp ca, đơn ca và độc tấu tây ban cầm. Anh em bên nhạc cũng đồng ý chọn trình bày những bài ca ít sắt máu, ít cắm thù mà vẫn bằng bạc một tấm lòng yêu quê hương xứ sở. Chương trình tổng quát được chuẩn y, gồm 30 phút ca nhạc, một giờ kịch, anh em bắt đầu vào tập dượt. Chúng tôi tập ở trên Hội trường, anh em hình sự tập trong một căn nhà khu B. Chúng tôi được biết anh em hình sự được nghỉ lao động ăn tập trước chúng tôi 2 tuần theo một chương trình đã được công diễn từ những năm trước, nay chỉ ôn luyện lại cho thuần thục. Vừa buổi, khi chúng tôi đang uống nước cầm hơi thì anh em văn nghệ hình sự xuống nhà bếp đem về một ổ khoai lang “bồi dưỡng”. Theo như chúng tôi cảm nhận, ban Giáo dục trại đang dốc hết tâm lực để phần trình diễn của anh em hình sự nhuần nhuyễn, vượt trội hơn phần văn nghệ của tù chính trị, nhằm “dạy cho tội ngục một bài học về văn hóa”.

Anh em trong ban Văn nghệ khu A tuy không nói ra nhưng cảm thấy có trách nhiệm trong trò chơi văn nghệ của mình. Đói thì đói nhưng anh em tập dượt hết mình.

Còn gần một tháng nữa mới đến Tết nhưng không khí thi đua văn nghệ giữa 2 khu A, B đã lan truyền khắp trại. Anh em khu A đi làm ngoài, có bữa kiếm được củ khoai, miếng sắn lại dầm dúi đem cho. Chúng tôi hiểu được sự chăm lo, kỳ vọng của anh em. Cuộc chiến tranh quân sự tàn ròi, cuộc chiến tranh văn hóa còn đang tiếp diễn.

Một hôm đang nửa buổi, trại trưởng ông cụ Việt vào hội trường dự khán anh em chúng tôi tập dượt. Thấy gần trưa rồi mà ban Văn nghệ khu A vẫn xuống tinh, ông cụ hỏi: “Anh em không nghĩ ăn bồi dưỡng hay sao?” Mấy người có trách nhiệm mới trình bày với trại trưởng là chúng tôi vẫn tập “xuông” không có “bồi dưỡng”. Ông cụ Việt liền cho gọi thi đua (mấy anh tù được cất nhắc lên làm chân chạy việc cho ban giám thị) lên chỉ thị: “Cung cấp ngay chế độ bồi dưỡng hằng ngày cho đội văn nghệ khu A”. Ông cụ còn dặn thêm: “lệnh trại trưởng cấp thêm cho mỗi đội văn nghệ của A lẫn B mỗi ngày một gói trà. Anh em tập dượt ca, kịch cần thấm giọng”. Thế là hàng ngày, “phụ tá khói lửa” là tôi lại thêm việc đun nước pha trà cho anh em nhấm nháp. Đi vào thực hiện kịch lịch sử đối với chúng tôi, nó có ưu điểm nhưng cùng một lúc nó kéo theo nhiều điều phức tạp. Thứ nhất tập dượt cầu kỳ. Người “ngày xưa” ăn nói cử chỉ khác người ngày nay. Một ông quan văn với một ông quan võ chào hỏi, vuốt râu nó khác nhau, không giống nhau. Cách phát âm hay nói theo giọng nhà nghề “đài từ” của kịch lịch sử khác với kịch thời đại. Hơn nữa trang trí sân khấu, cách phục sức cho nhân vật kịch “ngày xưa” nó đòi hỏi nhiều nghiên cứu, nhiều phụ tùng hơn kịch “bây giờ”, cái kho đạo cụ của trại không thỏa mãn được. Vào việc đạo diễn Th. già bán xúc xích về việc dàn cảnh, về đạo cụ nên bạn già yêu cầu tôi lo giúp về phần tập luyện.

Bạn Th. già biết đạo xưa tôi có sinh hoạt trong Sông Hồng Kịch Xã ở Hà Nội trước khi động viên vào quân đội, trong khi đó Th. già viết cho báo Giang Sơn. Chúng tôi biết nhau từ ngày ấy. Vả chăng tôi vốn sinh trưởng ở nhà quê mà làng tôi vốn là đất chèo, có một phường chèo thường trực ở trong làng nên tự nhiên tôi quen thuộc với một số ước lệ của tuồng, chèo cổ. Những năm đi kháng chiến ngoài bưng, tôi đi theo một đoàn Tuyên truyền xung phong nên tôi cũng tạm tạm có một số kinh nghiệm về sân khấu. Cho nên nhận lời bạn già, tôi đang là “phụ tá khói lửa” lại thêm một chức vụ nữa “phụ tá đạo diễn”.

Không gian kịch là tư dinh Đình Đề Lĩnh, viên quan trấn thủ kinh thành Đông Đô (Thăng Long – Hà Nội). Thời gian là đêm mùng 4 tháng Giêng năm Kỷ Dậu đêm trước của toàn quân vua Quang Trung đại phá quân Thanh. vở kịch đòi hỏi 5 vai quan trọng: Đình Đề Lĩnh, trấn thủ Thăng Long; thất vọng trước sự yếu hèn của hôn quân Lê Chiêu Thống, cảm hận trước sự tham tàn bạo ngược của quân tướng nhà Thanh nên phút cuối cùng Đình Đề Lĩnh nghe theo lời khuyên dụ của La Sơn Phu Tử, đặc sứ của vua Quang Trung Nguyễn Huệ, mở cửa thành, đốt kho lương thảo khi nghĩa quân tấn công. Vai chính Đình Đề Lĩnh do Nguyễn Huy T., đại úy đài Tự Do cục Tâm lý chiến đảm trách. T. là một con người tài hoa, hát hay, nháy giỏi, dáng người cao mà thanh, vừa văn vừa võ, đã nhập vai Đình Đề Lĩnh rất đẹp. Anh chơi kịch từ thời sinh viên nên có đủ bản lĩnh trên sân khấu vừa say mê vừa tỉnh táo.

Vai La Sơn Phu Tử do Nguyễn T. cũng đại úy bên Tổng cục Chiến tranh Chính trị (người ở Seattle vừa viết thư cho tôi) nhận lãnh. Nguyễn T. vốn là em một người bạn tôi, nên tôi biết T. từ khi chưa bị động viên vào quân đội. T. đi Hướng đạo nên quen thuộc với sân khấu. T. không dám tin ở tài sức của mình nhưng tôi khuyến khích T. nhận vai La Sơn Phu Tử. T. vốn người Thanh Hóa, nói được giọng già, dáng người văn nhã mà cứng cỏi, lại chuyển sang giọng Nghệ An – Hà Tĩnh rất ngọt nên có đầy đủ dáng vẻ của một mưu sĩ “đàng trong”. Một vai phản diện rất gay là vai tướng nhà Thanh, nói tiếng Việt ngọt lịu ngọt lo mà tham dâm hiếu sắc do Trung tá Lê Văn Hóa, Tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn văn nghệ Quân đoàn 4 phụ trách. Anh là người tràn đầy kinh nghiệm sân khấu lại thêm là “vua cười” của đội, luôn mồm hát, no cũng hát, đói cũng hát “Ngộ bên Tàu à... ngộ mới sang – sang Nam Việt bán buôn làm giàu...” nên vai tướng Tàu như là vai viết riêng cho anh vậy.

Người nữ độc nhất, cô chủ quán mê hoặc tướng Tàu do đại úy Tôn Thất L. thủ vai. Anh đi tù cục khổ, đói khát như vậy mà vẫn da trắng tóc dài, mắt sắc như dao làm gái Thăng long rất

đẹp. Riêng có một vai quê mùa, vai ông già chần chừ thọt chân, luôn luôn say xỉn do một đại úy Cảnh sát đảm nhận vai mà tập mãi chưa vô. Anh có nhân dáng quê mùa, cục mịch, say mê vai diễn nhưng tiếng cười, giọng nói của anh nó vẫn minh quá, thành thị quá thiếu mất chất nhà quê. Mà đây là vai quần chúng vai đại diện cho nhân dân phản kháng nên trại để ý lắm. Thiếu úy Công an Q. đại diện cho phòng Giáo dục, hằng ngày theo dõi chúng tôi tập dượt, lắc đầu trước vai ông già chần chừ mà phê bình đùng đĩnh “chưa được”. Sau rồi, đạo diễn Th. già mới tham khảo ý kiến anh em mà bảo tôi rằng: “Ông khỏi mất công dượt cho anh ấy nữa. Ông thì vừa già, vừa chân tập tễnh, lại vừa có chất quê... thế thì ông chơi ngay cái vai ấy đi cho nó tiện việc sổ sách.” Anh em cũng ồn ào đề nghị nên tôi lại kiêm luôn vai cụ Triệu ông già chần chừ. Sở dĩ đạo diễn Th. già và tôi chú ý đến giọng nói là vì khi diễn kịch ở đây, chúng tôi diễn “chạy” không có ban nhạc làm nền (background music). Vì vậy phải đặt trọng tâm vào giọng “thoại”, đưa vào đó nhiều màu sắc để phần nào quên đi cái thiếu vắng nhạc nền kia.

Có giọng Bắc trầm hùng cứng cỏi của Đinh Đề Lĩnh, giọng miền Trung uyển chuyển, sâu sắc của La Sơn Phu Tử, giọng ngọng nghịu của tướng Tàu, giọng Bắc pha Huế đài các của cô chủ quán, giọng quê mùa bạo liệt của ông già chần chừ. Nút kịch được thắt khi La Sơn Phu Tử đang đem được ông già chần chừ nhà ở gần bên đưa vào gặp Đinh Đề Lĩnh ở tư dinh, thuyết điều hơn, lẽ thiệt. Kịch được thắt thêm 1 nút khi tướng Tàu sục sạo đi tìm cô chủ quán xinh đẹp bất ngờ xộc vào tư dinh Đinh Đề Lĩnh khi La Sơn Phu Tử còn đang hiện diện. Để tránh cho cơ mưu của “đàng trong” đừng bại lộ, cũng là cời nút cho vở kịch... ông già chần chừ liền dưng cảm nhảy vào đâm chết tướng Tàu rồi cùng chết. Cái chết bất ngờ của ông già chần chừ như một giọt nước làm tràn ly khiến Đinh Đề Lĩnh còn đang do dự, chuyển hẳn sang thế nghĩa quân... mở cửa thành, đốt kho lương thảo khi đại quân vua Quang Trung tràn tới. Sau đó, bình minh ngày 5 tháng 1 năm Kỷ Dậu cũng vừa hiển hiện.

Để lo việc trang trí sân khấu và phục sức cho nhân vật kịch, trung tá Quân cụ Tr., nguyên sinh viên Mỹ Thuật ngày nào bây giờ là trưởng ban đạo cụ liền đem cái tài hoa còn lại của mình sửa chữa mấy đôi bột hù của cán bộ thành hia cho văn quan, võ tướng nhà Lê, cải biến mấy cái mền dạ cũ màu đỏ, màu xám thành nhung y cho Đinh Đề Lĩnh, cho tướng nhà Thanh. Mấy cái đường kẻ đen trên tấm mền đỏ ngày nào bây giờ dưới bàn tay thần tình của Tr. đã biến thành hoa văn “thủy ba sóng rợn”. Tướng nhà Thanh thì nhung y lấm liệt, hia mào đàng hoàng. Nhưng khi Đinh Đề Lĩnh, võ quan nhị phẩm triều đình đội mào theo đúng nghi thức thì tôi có ý kiến là Đinh Đề Lĩnh không nên đội mào chỉ nên đội khăn. Đội mào xem ra nó “cải lương” hơn, không truyền thống bằng cái khăn lượt Việt Nam. Đạo diễn Th. già đồng ý. Anh Tr. cũng đồng ý tuy rằng anh rất tiếc chiếc mào “võ quan nhị phẩm” rất công phu của anh.



Trong thành tích trang trí tư dinh của Đinh Đề Lĩnh ngày Tết, anh Tr. đặc ý nhất là 3 chữ đại tự anh viết trên bức hoành phi (bằng giấy): Huyết do hồng. Tr. vừa là nghệ sĩ vừa là trí thức. Th. già và tôi hiểu ý anh, nắm tay anh thông cảm. Thiếu úy Công an Q. người thường xuyên sinh hoạt với chúng tôi một bữa mới hỏi Th. già về ý nghĩa mấy chữ nho này. Th. già thích: đây là 3 chữ cuối trong vế đối, nhắc lại chiến công chống xâm lược phương Bắc của tiền nhân “Đàng Giang tự cổ Huyết do hồng” (Nước sông Bạch Đằng từ xưa đến nay vẫn còn đỏ máu). Tôi thấy Thiếu úy Q gật gù, ngẫm nghĩ, và từ đó thái độ đối với chúng tôi có khác. Anh em chúng tôi dù sống kiếp tội đồ khổ sở, đói khát nhưng trong công tác văn nghệ này ai cũng cố gắng đóng góp một chút gì, để hi vọng nói

lên rằng: chúng tôi thua trận, bị cầm tù, bị lăng mạ nhưng chúng tôi có văn hóa theo cách riêng của chúng tôi.

Đã đến ngày 30 Tết, năm Tỵ sắp sang năm Ngọ (1977-1978). Nghe anh em lưu cữu ở đây 1 lâu nói rằng chưa có bao giờ trại ăn Tết to như thế. Có lệnh của trại trưởng là bao nhiêu tiền quỹ của năm cũ chi cho bằng hết nên Tết đến thịt trên 10 con heo, 1 con bò; tát ao lấy cá chằm, cá chép lên ăn Tết. Mấy vườn su hào cũng nhỏ “đại trà” làm dưa. Toàn là món “cao cấp” cho toàn trại, toàn thể tù nhân ăn Tết. Trong 10 năm đi tù cải tạo, tôi ngẫm lại chưa có năm nào, ở đâu được ăn một cái Tết tù như vậy. Ngoài các món ăn, anh em tù nhân còn được lĩnh mỗi người hai bánh chưng, thuốc lá, thuốc Lào, và đêm 30 đi xem kịch tất niên về toàn trại còn có cháo lòng bò bồi dưỡng. Nghe phong thanh là sau Tết trại trưởng trung tá Trần Việt sẽ nghỉ hưu nên ông xã cảng “cái gì của tù là trả hết cho tù”.

Vài ngôi mộ của những người tù cải tạo



Bữa tổng duyệt có mặt đủ ban Giám thị trại, chương trình của khu A chúng tôi được cán bộ giáo dục Nguyễn Hồng L. chăm chút rất kỹ. Y ta để ý rất nhiều đến những sự “đóng góp” của chúng tôi vào vở kịch, hỏi khá kỹ về câu đối “Đằng Giang tự cổ huyết do hồng “. Vốn bản tính đa nghi nên y không muốn đưa vào bất cứ điều gì không có trong kịch bản. Ông cụ Việt, có lẽ ông ta là người rộng rãi kiến văn nên ông cụ nói: “Tư dinh một viên võ tướng có tâm hồn với đất nước mà treo bức hoành Đằng Giang tự cổ huyết do hồng thì được lắm. Để đối phó với cường lân phương Bắc lại càng hay nữa .” Nhưng cán bộ giáo dục tỏ ý ngần ngại, khi chúng tôi định hát đoạn đầu của bài Thăng Long Hành Khúc của Văn Cao vào đoạn kết của vở kịch. Nguyên văn trong kịch bản chỉ có “tiếng hô sát của đại quân ta nhỏ dần rồi màn hạ”. Ở đây chúng tôi trong hậu trường sẽ hô “sát, sát” đồng loạt rồi hát từ từ nhỏ đến to dần lên “Cùng ngược mắt về phương Thăng Long thành cao đứng, trông khói sương chiều ám trên dòng sông. Nhị Hà còn kia Nhị Hà còn đó, lũ quân giặc Tôn sập cầu trôi đầy sông.” Màn từ từ khép và đến đó là dứt kịch. Chúng tôi muốn cho cái “coup de rideau” nó thêm sức thuyết phục. Đã thử lại lúc màn hạ này mà không có tiếng đồng ca Thăng Long Hành Khúc ở bên trong. Nó nguội đi nhiều lắm. Cán bộ giáo dục cuối cùng chấp nhận “cách đạo diễn” của chúng tôi nhưng nhất quyết không bằng lòng 2 chữ “giặc Tôn” mà phải đổi ra là nhà Thanh “cho nó rõ nghĩa” (chữ của y ta, bởi vì giặc Tôn có thể liên tưởng đến Tôn Đức Thắng chăng?).

Tối 30 Tết, trại Yên Hạ nồn nả hẳn lên. Mới 7 giờ đêm, mà hội trường đã chật cứng. Phạm nhân khu A ngồi bên phải. Khu B bên trái. Những dãy ghế phía trên là dành cho quan khách, gồm cán bộ khung xã sở tại, huyện ủy Phù Yên, cán bộ Công an và gia đình. Cứ như ý kiến bữa tổng duyệt thì đêm 30 Tết, ban Văn nghệ sẽ diễn trong trại. Mùng 4 Tết chúng tôi sẽ ra huyện lỵ Phù Yên diễn cho dân chúng tới xem. Cho nên buổi diễn hôm nay là buổi diễn trong

chương trình vui Tết đón Giao thừa, vừa là buổi phúc khảo trước khi ban Văn nghệ “đem chuông đi đấm xứ người”.

Chương trình khu B, bên hình sự được diễn đầu tiên. Cũng đồng ca, đơn ca, một màn kịch ngắn “đánh Mỹ” và kết bằng màn dân ca Quan họ Bắc Ninh. Anh em hình sự chơi chương trình này đã “thuộc” nên đối đáp, tung hứng rất là nhuần nhuyễn. Nhưng vì “bổn cũ soạn lại” nên nó làm cho tù chính trị chúng tôi chăm chú hơn là khán giả sở tại.

Bên hình sự có một ca sĩ tên Ng. hát rất hay, rất kỹ thuật; nghe nói anh ta đã tốt nghiệp thanh nhạc nên hát đâu có thua gì ca sĩ trên đài phát thanh. Ca sĩ bị tù mút mùa vì nghe nói anh mắc tội làm tem, phiếu giả. Kịch “đánh Mỹ” thì không có gì mới. Vẫn theo công thức cũ. “Mỹ cút, ngụy nhào, quân ta kẻ thù nào cũng đánh thắng, khó khăn nào cũng vượt qua”. Nhưng phải công nhận anh em hình sự chơi nhạc cảnh Quan họ “Mời trầu, giã bạn” rất đậm thắm, ý nhị và duyên dáng. Đây là một tiết mục hay. Khi anh em cúi đầu chào khán giả, chúng tôi dù ở trên sân khấu, đang sửa soạn “ra trò” mà chúng tôi cũng không ngừng vỗ tay tán thưởng. Đoàn trưởng đoàn kịch khu B. Quách H., đứng ở cánh gà phía bên kia, đứng nghiêm, để tay lên ngực cúi đầu chào lại chúng tôi như một sự cảm thông cái tình tri âm, tri kỷ.

Có lẽ “cái đỉnh” của đêm văn nghệ hôm nay đối với khán giả địa phương là Văn nghệ khu A, tù chính trị. Họ chưa bao giờ được biết miền Nam thật sự như thế nào? Miền Nam đã thua, đã tan nát nhưng những tàn dư của miền Nam, lũ tù chính trị chúng tôi, vẫn còn đây. Họ đã được nghe “nhà nước ta” nói rất nhiều về miền Nam, nhưng “trăm nghe sao bằng một thấy”. Văn nghệ, là một thái độ sống. Họ muốn biết thái độ sống của miền Nam thế nào qua những đại diện khốn khổ nhưng trung thực là chúng tôi Chúng tôi cũng cảm nhận được điều đó nhưng trong tình trạng tù đầy, bó buộc như thế này, biết ăn, biết nói làm sao? Thôi thì “sức người có hạn, được đến đâu hay đến đó”.

Qua mấy màn ca nhạc, đồng ca, đơn ca, tôi nghiệm ra là về kỹ thuật, chúng tôi không sánh bằng anh em hình sự. Điều dễ dàng nhận thấy là tù chính trị già hơn, nên hơi hám kém hơn. Nhưng hiệu quả sân khấu thì chưa chắc ai hơn ai. Lấy ví dụ như ca sĩ Văn B. của chúng tôi hát làm sao tốt bằng, khỏe bằng Ng. bên khu B, nhưng khi anh hát xong tiếng vỗ tay có lẽ nhiều hơn, nồng ấm hơn. Ng. hát giọng ngực, lớn, vang nhưng anh hát theo lẽ lối thường thấy ở ngoài Bắc, không rõ lời. Nhiều khi không biết anh hát cái gì nữa chỉ thấy trước sau giọng ngân vang rền rĩ mà thôi. Còn Văn B. anh là ca sĩ tài tử (ngoài Bắc kêu bằng nghiệp dư, thích thì hát chơi không phải nhà nghề) nên hát bài nào anh phổ tâm tình vào bài hát đó. Anh không trưng bày giọng hát mà như văn nghệ thường thấy ở miền Nam, anh có một tâm sự để mà kể lại. Anh thuộc loại ca sĩ trữ tình (chanteur de charme) không phải ca sĩ Opera như khuynh hướng ngoài Bắc. Cho nên nghe Văn B. ca sĩ miền Nam, hát không giỏi bằng, không khỏe bằng nhưng nó dễ nghe hơn, nó thắm thía hơn, nó con người hơn. Mà cũng có thể vì cách hát của anh khác lạ hơn nên anh được chú ý và tán thưởng.

Tiết mục gây được nhiều tiếng cười sảng khoái là màn tốp ca. Anh em chúng tôi dựng tiết mục này theo lối AVT, nhằm kiếm được nụ cười trong tình trạng tối ám của nhà tù. Mà điều này cũng là một thực tế. Chúng tôi là phạm nhân nhưng trong đời sống chúng tôi vui cười nhiều hơn cán bộ coi tù. Ở ngoài Bắc, hoặc là người ta sống căng thẳng quá hoặc là người ta phải nguy trang lối sống cho nên phần đông mọi người mặt khó đăm đăm. Đây là bệnh táo bón tinh thần thường thấy nơi xã hội thiếu tự do. Ba bạn Đỗ H., Văn B., Trịnh P. hát hò, đối đáp với nhau thoải mái. “Cái gì nhúc nhích là ta chén liền”. Tiếng cười đồng cảm vang lên. Từ cánh gà nhìn xuống, tiếng cười lan tỏa chỉ có người cau mặt là cán bộ giáo dục...

Màn gây ấn tượng sâu sắc là độc tấu Tây ban cầm. Đây là loại đàn nhiều người chơi. Nhưng tập tành đến nơi đến chốn chơi được nhạc cổ điển hay bán cổ điển thì có rất ít người. Người anh em chơi Tây ban cầm của chúng tôi đã có trên 10 năm cầm đàn. Anh bữa ấy độc tấu một bản bán cổ điển. Một cây đàn Tây ban cầm mà như một dàn nhạc. Có lúc réo rất như violon, lúc nhẩy nhót như mandoline, khi rộn rã như piano, khi trầm hùng như một đoàn quân nhạc đón đoàn chiến binh chiến thắng trở về. Tôi nghĩ đám đông khán giả kia chưa chắc đã hiểu hết ý

nghĩa của bài vừa diễn tấu nhưng nhìn bàn tay buông bắt đầy kỹ xảo, nghe âm thanh tiết tấu phong phú, họ hiểu rằng chơi đàn như vậy là một kỳ công. Kỳ công ấy là văn hóa.

Bây giờ bắt đầu tiết mục cuối cùng, tiết mục chủ yếu chấm dứt đêm văn nghệ, kịch Lửa Kinh Thành, trung tâm đầu tư công sức của chúng tôi. Tôi nhìn suốt một lượt. Sân khấu đã trang trí chỉnh tề. Diễn viên đã sẵn sàng, đạo cụ đầy đủ. Th. già nhìn tôi. Tôi giơ tay ra dấu sẵn sàng. Trưởng ban đạo cụ kiêm trang trí sân khấu, họa sĩ Tr. đưa cho Th. một thanh gỗ. Rất trịnh trọng Th., nhà đạo diễn giơ cao thanh gỗ nện 3 lần xuống sàn sân khấu. 3 tiếng gõ truyền thống của sân khấu kịch bắt đầu. Màn từ từ mở. Tư dinh quan Đề Lĩnh với hoành phi, câu đối, lộ bộ, cờ hiệu trên án thư, kiếm treo trên tường đã phứt chốc đưa người xem về không khí trang trọng và sừng sững của thế kỷ 18. Một tràng pháo mừng của đêm mùng 4 Tết từ đâu vẳng lại. Đinh Đề Lĩnh, võ phục uy nghiêm, lưng mang đoản kiếm tiến lại gần án thư, cúi mặt thờ dài. Chợt lính hầu khép nép hiện ra chấp tay thưa:

- Bẩm quan, người vừa đi chầu về.

- Có chầu chực gì được đâu. Hoàng thượng còn bận sang hầu Tôn Tổng đốc... Ở nhà có chuyện gì không ?

- Bẩm quan, có ông cụ Triệu mấy lần sang kêu về cõ ngựa. (Có tiếng ỉ ới bên ngoài vang lên: Quan lớn về chưa ?) Đấy lại có tiếng ông cụ...

- Ra mời ông cụ Triệu vào đây.

(Ông cụ Triệu, ông già chần chừ, tập tễnh vì thọt chân, lão đảo vì say rượu, chậm chậm bước vào).

- Xin kính chào quan lớn.

- À cụ Triệu (giọng độ lượng), Thế nào ? Cụ đã làm lễ tạ ông vài chưa?

- Bẩm quan, các cụ nhà tôi có về đâu mà tiễn. Con cháu còn không đủ ăn lấy gì mà thỉnh các cụ. Bẩm quan, từ ngày Hoàng thượng hỏi loan đến giờ, nhờ ơn Hoàng thượng mà cả nước này đói xanh xao cả người ra đấy quan lớn ạ.

Vừa nghe đến đó, cả khối B hình sự như chạm phải một luồng điện, vùng lên vừa vỗ tay vừa cười la ầm ĩ. Qua nửa chương trình, tôi nghiệm ra khán giả khu B thường thức văn nghệ rất nhạy bén. Không thích là ồ, là suýt, là thờ dài ào ào, mà thích là vỗ tay là cười la thoải mái. Ở đây kịch vừa mới bắt đầu, động tác chưa “chuyển”, tại sao anh em lại hoan nghênh như vậy? Sau hỏi ra mới biết là chưa có ở đâu dám động đến cái đôi thâm căn cố đế của miền Bắc như vậy. Cả nước đói “xanh xao” mà vẫn phải luôn miệng “ơn đảng ơn người”. Đến những cảnh sau, khi động đến sự thối nát của đương triều, sự bạo ngược của đoàn quân họ Tôn là anh em hình sự lại vỗ tay rôm rả. “Cái quân họ Tôn này là nó vừa trí trá vừa ngông cuồng” (vỗ tay). “Tại sao nhà Lê lại có một ông vua ươn hèn như vậy, công rấn cắn gà nhà (vỗ tay rất lâu). Người miền Bắc sống dưới một chế độ chuyên chính lâu ngày, đã trở thành một vương quốc nói dối. Không ai dám công khai nói thực ý kiến của mình. Có nói là phải nói gần nói xa, nói cạnh nói khóe. Đói phải nói là no, khổ phải nói là sướng. Đang trong tình trạng ám ức như thế, ơn đảng ơn người như thế mà bây giờ có người dám nói thẳng ra giữa chốn trù nhân quảng tọa “là từ ngày Hoàng thượng hỏi loan đến giờ nhờ ơn Hoàng thượng mà cả nước đói xanh xao cả người” thì dân hình sự nghe nó sướng quá, nó thỏa mãn quá. Nói đến quân họ Tôn thì họ không nghĩ đến Tôn Sĩ Nghị mà nghĩ đến Tôn Đức Thắng”. Ông vua nhà Lê ươn hèn thối nát họ không nghĩ đến vua Lê Chiêu Thống mà lại nghĩ đến ông “vua” Lê Duẩn đương thời.

Thực tình khi trình diễn chúng tôi không hề có hậu ý đó. Chỉ cốt tìm một kịch lịch sử để cho anh em có chỗ diễn mà thôi, những sự kiện trên hoàn toàn là sự ttùng hợp tình cờ. Nhưng anh em hình sự lại nghĩ chúng tôi cố ý nên khi vở kịch kết thúc là anh em hình sự đứng dậy vỗ tay như pháo nổ, nôi niêu xoong chảo gõ loạn lên, hoan hô kịch liệt. Đội trưởng đội văn nghệ khu B, Quách H. chạy lại nói với Th. và tôi: “Các đàn anh chơi kịch đâu ra đấy”. Mấy chú hình sự “đồng nghiệp văn nghệ” thì chạy lại cõng Đinh Đề Lĩnh, La Sơn Phu Tử mà quay mòng mòng.

Điều làm trại phó Đặng U., cán bộ giáo dục Nguyễn Hồng L. và cán bộ an ninh kiêm chấp pháp Trần M. khó chịu hơn hết là họ muốn qua văn nghệ khu B dạy cho chúng tôi một bài học về văn hóa thì bây giờ chính anh em hình sự sau buổi trình diễn lại càng gần gũi thân thiết với chúng tôi hơn.

Cái vui của đêm văn nghệ không kéo dài được bao lâu. Ngay mùng 2 Tết, còn đang ngày nghỉ, Th. và tôi cùng mấy anh em bên ca nhạc có lệnh đi họp với cán bộ giáo dục, đã nhận được một tin choáng váng “buổi diễn hôm mùng 4 Tết ngoài huyện Phù Yên được hủy bỏ. Đội văn nghệ nghiệp dư giải tán ngay sau kỳ nghỉ Tết”. Chúng tôi phải về làm kiểm điểm về “những sai phạm trong công tác văn nghệ”. Ngày mùng 4 Tết trước khi nộp kiểm điểm, Th. và tôi được thiếu úy Q. phụ tá giáo dục, gọi ra nói khẽ: “Trước sau như một, phải cam kết là diễn y như kịch bản, không thay đổi một chữ”. Không hiểu bạn tôi Th., làm kiểm điểm ra sao, riêng tôi cứ y thế thì hành. Có lẽ thiếu úy Q., người đi sát chúng tôi khi tập dượt, phần nào thông cảm chúng tôi sau hơn một tháng trời sát cánh nên chút thiên lương còn lại đã khiến y chỉ cho chúng tôi cái cam bẫy mà chúng tôi cần tránh. Nếu chúng tôi, trong khả năng thường thấy của đạo diễn, có sửa đổi kịch bản cho nó thêm phần sống động, là chúng tôi có thể bị ghép vào tôi “bồi xấu chế độ có hệ thống” một trọng tội thuộc hàng quan điểm. Thực ra chúng tôi chỉ linh động phân trang trí mà không hề đổi thay kịch bản một chữ nào. Đương sự, phó trại trưởng Đặng U. đã chính thức lên trại trưởng khi Tết ra, cán bộ giáo dục Nguyễn Hồng L., cán bộ an ninh kiêm chấp pháp Trần M. khi đọc lại nguyên văn kịch bản của Trúc Đường chắc cũng nhận ra điều đó. Nhưng người CS vốn luôn luôn cảnh giác, cảnh giác nhiều quá thành đa nghi nên mới “có tật giật mình” như thế. Sau một tuần lễ kiểm điểm đi kiểm điểm lại, người chịu tội thay cho toàn thể ban văn nghệ khu A là bạn trẻ Đỗ H. bên phần nhạc. Thật ra khi sáng tác ra bản nhạc vui kiểu AVT, nhiều anh em xúm lại cùng làm, trong đó có tôi. Nhưng khi bị cán bộ giáo dục quy tội “bồi bác chế độ” trong câu “cái gì nhúc nhích là ta chén liền” Đỗ H. một mình nhận hết cho anh em. Trong 3 người ca hát AVT, Đỗ H. cũng là người hát duyên dáng nhất, nên bị cán bộ gà mái Nguyễn Hồng L. cho rằng “nhảy dậm giựt phát huy văn hóa đồi trụy”. Tôi thường ngày rất gần gũi Đỗ H., bởi vì H. ngoài việc tính tình khảng khái, hát giỏi, thơ hay, anh còn là một người “biết sống”. Nửa đùa nửa thật nhiều lúc anh gọi tôi là “ông thầy”. Có miếng khoai củ sắn anh thường chiếu cố đến tôi.

Một hôm trời mưa không đi ra ngoài làm được anh cũng “bồi dưỡng” tôi miếng sắn. Tôi thấy rõ ràng sắn khẩu phần của trại đầu phải sắn cải thiện bên ngoài. Cho nên dù luôn luôn đói, tôi không nhận củ sắn H. cho. “Anh cứ ăn đi mà” – “Chú mày coi tao ra làm sao mà lại đi ăn sắn khẩu phần của chú mày cho được”. Đỗ H. đứng đĩnh “Nói thật với anh, H. chỉ ăn một nửa số sắn trại phát là đủ rồi. Tập cho cái bao tử nó quen đi. Chế độ này nó chỉ giới nắm cái bao tử của mình. Mình tập cho bao tử nó teo lại thì dù có bị nắm, nó cũng không ảnh hưởng bao nhiêu. Em thấy ngoài hiện trường anh cuộc hăng quá. Cuộc chút chút thôi chớ”. Nghe xong tôi mới tỉnh ra mà nói: “Thôi chú mày đừng có gọi tao là ông thầy nữa, chú mày mới đúng là ông thầy của tụi tao”. Người anh em của tôi, Đỗ H. bị lên làm việc trên phòng an ninh chấp pháp liên miên. Đỗ H. có nhắc một người bạn Nguyễn T. La Sơn Phu Tử nói với tôi là bất cứ ở đâu, trong trại ngoài hiện trường đừng gặp Đỗ H., coi như không quen biết. Một buổi sớm mai, Đỗ H. được đi làm trở lại. Đỗ H. gầy rộc, mặt mũi vêu vao, thâm tím. Sau này tôi mới biết, đối với tù chính trị, cán bộ khi cần không có đánh công khai. Gọi lên “làm việc”, đánh kín trong phòng chấp pháp.

Từ ngày trại phó Đặng U. lên làm trại trưởng, lũ tù cải tạo chúng tôi gieo neo vất vả hơn nhiều. Khẩu phần ít đi, làm việc nhiều hơn. Làm quần quật ban ngày, đêm còn “ngồi đồng” bình bầu, tự phê, tự kiểm... Trời đã sang tháng 3, hoa gạo đã bắt đầu nở đỏ, chim “bắt cô trói cột” mà cán bộ bắt chúng tôi gọi là chim “khó khăn khắc phục” đã ra rả ở đầu rừng. Từ khi trại phó Đặng U. lên, tôi được thăng chức làm “phân cục trưởng” chuyên môn đi gánh c... Mỗi buổi sáng, gánh từ trại ra đội rau 3 chuyến là xong. Chuyến cuối cùng, tắm rửa xong ra về anh em chúng tôi bắt

ngờ gặp ông cụ Việt, nguyên trại trưởng đang ngồi trên chiếc xe đạp gần nhà kho của trại. “Thưa cụ, cụ từ trên huyện về thăm trại”. – “Vâng, các ông đi làm; tôi về lĩnh chút tem, phiếu”. Ngày ấy chế độ bao cấp còn thịnh hành, người ta sống bằng phiếu gạo, phiếu đường, phiếu sữa, phiếu bột ngọt, phiếu thuốc lá, thuốc lào, v.v... ông cụ Việt chắc chưa chuyển hộ khẩu về huyện Phù Yên nên hàng tháng vẫn phải lên trại lĩnh chút nhu yếu phẩm. Tôi nghĩ vậy.

Nhưng buổi chiều đi làm tôi vẫn gặp ông cụ ngồi trên chiếc xe đạp cũ bên cạnh cửa kho. Chưa ai phát nhu yếu phẩm cho ông cụ, mà cũng không ai mời ông cụ vào nghỉ chân qua lúc ban trưa. Tôi tự nghĩ tại sao cùng là cán bộ với nhau, người ta lại phũ phàng với ông già như vậy? Tôi chợt nhớ đến câu nói của người tù hình sự khi mới về đây “Đang phát động chiến dịch đánh tư sản mại bản nếu bố tôi có bị đi cải tạo tôi cũng phải quên bố tôi luôn, nếu tôi muốn có bát cơm mà ăn “. Sự nghĩ hưu bất ngờ và vội vã của ông cụ Việt có liên hệ gì đến việc ông cụ đối xử tử tế với tù nhân, đến việc ông gọi chúng tôi là “các ông”. Câu hỏi này cứ làm tôi băn khoăn thắc mắc mãi. Bất giác, một người tù khổ sai biệt xứ là tôi lại thấy cảm thương một người cai tù già “cùng một lứa bên trời lận đận “.

Bạn T. “La Sơn Phu Tử” cái thư của bạn làm tôi bồi hồi nao nức về chuyện văn nghệ trong tù 19 năm xưa. Bạn nói là có lúc nào chúng ta gặp lại nhau “chơi” lại cái màn kịch “Lửa Kinh Thành” không nhỉ? Khó lắm bạn ơi. Làm sao người ở lục địa này, người lục địa kia hội họp bên nhau cho được. Lại còn chuyện người còn kẻ mất. “Tướng nhà Thanh”, người bạn Lê Văn Hóa của chúng ta đã đi rồi. Anh mất ở trại Thanh Phong rừng sâu Hạ Lào. Anh cứ phù lên xẹp xuống như “thủy triều”. Hôm sáng anh lên tuyến trên rồi nghe tin anh mất ở đó, nằm trên cáng mà anh vẫn hát “ò e con ma đánh đu, thằng Tây nhảy dù, Zoro bắn súng”. Người đầu mà lạ. Cười ngoài đời, cười trong tù, cười luôn khi sắp chết.

Bạn nói trong thư “ước gì chúng ta...” Bạn ơi nếu tôi có một điều ước, tôi ước mong cho ngày nào trời đất phong quang, chúng ta được trở về đất nước Việt Nam yêu dấu, muốn đi đâu thì đi. Tôi sẽ đi tới những trại tù năm cũ, thăm lại người xưa, thăm lại các bạn tù chúng ta còn nằm lại. Tôi sẽ tới trại Yên Hạ, tới quận Phù Yên hỏi xem ông cụ Việt trại trưởng năm xưa còn sống hay không? Nếu gặp được ông cụ tôi sẽ nằm lấy tay mà nói:

“Tôi là là cụ tù nhân Yên Hạ đây, cụ còn nhớ tôi không, thưa cụ?”

Nhớ Phan Lạc Phúc và những chuyện xưa

Văn Quang – Viết từ Sài Gòn

Tôi quen biết với anh Phan Lạc Phúc từ những năm 1956 từ khi còn làm chung trong Phòng 5 Bộ Tổng Tham Mưu QLVNCH. Hồi đó anh đã là đại úy và có thời làm Trưởng Ban Báo Chí, tôi làm dưới quyền anh nhưng anh vẫn xem tôi là bạn dù tôi ít tuổi hơn anh và mới chỉ là anh Trung Úy trẻ. Nhà anh ở ngay trong chợ An Đông, bà vợ là con một ông chủ tiệm vàng ở Quy Nhơn nên vào Sài Gòn nhà anh cũng mở tiệm vàng.

Tôi mới từ Nha Trang đổi vào Sài Gòn, ở nhờ nhà bà dì em của mẹ tôi. Anh đã có chiếc xe Fiat thường đến đón tôi cùng đi làm. Mỗi buổi chiều chúng tôi thường chơi bóng chuyền ngay trước cửa Phòng 5. Anh Phúc cao ráo bảnh trai, đứng trên lưới đập bóng khá hay. Tôi là người nâng bóng. Tuy chân anh bị thương hơi tập tễnh, nếu không chú ý thường không thấy. Sau này có lúc anh làm Trưởng Phòng 5 Bộ TTM một thời gian.

Tôi nhớ mãi hôm vào nhà Đại tá Vũ Quang anh được tặng một trái đào. Anh để dành mang về tặng cho mẹ tôi, anh nói nhìn bà cụ nhà ông tôi nhớ hình ảnh bà mẹ tôi. Thịnh thoảng nhà tôi có

tổ chức vài món ăn đặc biệt truyền thống miền Bắc xưa mà ngày nay hầu như “mất tích”, không có bất cứ cửa hàng nào bán và cũng rất ít nhà nào làm được vì sự nhiều khê của nó và những công thức gia truyền như phải chon con cá chép hay cá mè như thế nào mới làm được món gỏi cá hoặc phải chọn thứ rau muống nào, nhúng nước sôi bao lâu mới làm được món nộm rau muống. Chưa kể cá món phụ gia rất lũng củng như giềng mẻ, muối mè, bảy loại rau đi kèm. Lần nào thường cũng có những người bạn của gia đình tôi như các anh Mặc Đổ, Vũ Khắc Khoan, Mai Thảo, Phạm Đình Chương, Phan Lạc Phúc, Thanh Nam.

Sau đó anh làm Trưởng Phòng Chiến Tranh Chính Trị Quân Đoàn 3 đóng tại Biên Hòa rồi về Trường Cao Đẳng Quốc Phòng.

Có một thời vào khoảng năm 1969 tôi về phụ trách Đài Phát Thanh Quận Đội, anh về làm chủ bút nhật báo Tiền Tuyến của Tổng Cục CTCT. Chủ nhiệm lúc đó là anh Phạm Xuân Ninh tức Hà Thượng Nhân. Anh thường viết bài hàng ngày và cái tên anh đặt cho mục đó là “Tạp Ghi” ký tên “Ký Giả Lô Răng” được rất nhiều độc giả yêu thích. Từ đó chúng tôi gọi anh là ông Lô Răng.

Khi tôi lập gia đình, cần sang một cái nhà với giá 80 triệu đồng. Tôi không đủ tiền, xoay xở mãi cũng chỉ được một nửa. Ngồi nói chuyện ở Point de Blagueur tục gọi là “Mòm Đẩu Láo” bên bờ sông Sài Gòn, anh nói cho tôi mượn một nửa số tiền sang nhà. Nhờ thế tôi mới có cái nhà ở cư xá Chu Mạnh Trinh gần nhà ông Phạm Duy cùng nữ ca sĩ Thái Hằng.

Những ngày ở tù nghe Phan Lạc Phúc nói chuyện Kim Dung

Sau tháng Tư, 1975, anh cũng kẹt lại như tôi và cùng vào trại tù Long Giao rồi cùng đi chuyển tàu thủy “lịch sử” từ Nam ra Bắc, suốt 3 ngày đêm nằm dưới hầm tàu nơi dành để chuyên chở súc vật, đúng là cảnh “cơm đưa xuống phân đưa lên” nói trắng ra là khi đến giờ cơm, bọn cai tù móc rổ cơm vào chiếc dây thừng thông xuống, chúng tôi đại tiểu tiện ngay tại chỗ nên lại phải thu gom phân vào bao đưa lên cho chúng mang đi đổ. Ra đến Vĩnh Phú, anh Phan Lạc Phúc nằm cùng phòng với tôi, cùng đi “nao động” phờ phạc và cùng ăn bo bo thay cơm. Những ngày Chủ Nhật nghỉ không được ăn sáng, chúng tôi đói meo, ngồi thù nhìn nhau mãi cũng chán nên làm những quân bài mạt chược bằng gỗ đánh với nhau cho quên đói. Ông Lô Răng cũng là tay mạt chược khá cao.

Tôi nhớ có lần một anh bạn nhắc về kỷ niệm ngày xưa khi còn tung hoành trong quân đội, anh Phan Lạc Phúc hét lên: “Thôi xin ông đừng bao giờ nhắc lại chuyện xưa nữa, buồn lắm rồi.” Từ đó chúng tôi rất thận trọng khi nhắc chuyện xưa với ông. Có những đêm buồn và lạnh, chúng tôi nằm xúm lại bên nhau nghe kể chuyện cổ tích hoặc chuyện Tây chuyện Tàu. Ông Phúc có tài kể chuyện kiếm hiệp, những bộ truyện của Kim Dung ông nhớ rất rõ, một trí nhớ có thể gọi là siêu phàm. Ông Nhớ từng thế võ của từng nhân vật, những cuộc giao đấu “thần sầu” của “võ lâm ngũ bá”. Anh em nằm nghe hết đêm này qua đêm khác vẫn chưa hết pho truyện Kim Dung – Phan Lạc Phúc.

Sau đó chúng tôi bị đày lên Sơn La cùng Vũ Văn Sâm tức nhạc sĩ Thục Vũ và Thục Vũ chết ở Bệnh xá này, chính anh Phan Lạc Phúc báo tin đó cho tôi khi cùng làm ở vườn rau sát bên bệnh xá.

Đám tang nhạc sĩ Thục Vũ

Một buổi chiều khi hoàng hôn gần xuống, đồi núi Sơn La bắt đầu có sương mù, chúng tôi cùng đứng lặng nhìn sang bên kia bờ ao có mấy anh lính vác súng AK đi đầu, theo sau là mấy anh tù khiêng chiếc quan tài đi trên con đường mòn vòng theo dãy núi cao rồi mất hút sau khúc quanh con đường mòn nhỏ xíu. Đó là đám ma nhạc sĩ Thục Vũ. Nước mắt chảy dài, anh Phan Lạc

Phúc quay mặt vào trong lấy tay áo sờn rách che giấu nỗi đau buồn tức tưởi. Hôm sau chúng tôi mới biết phần mộ Thục Vũ nằm trên sườn đồi cô quạnh lối đi vào thị xã Sơn La.

Sau đó anh Phan Lạc Phúc chuyển vào trại tù Thanh Hóa, tôi không còn gặp anh nữa. Hơn mười hai năm sau, từ nhà tù cải tạo được tha về, tôi cũng chẳng biết anh ở đâu. Sau cùng tôi được tin anh đi định cư ở Úc. Khi tôi cộng tác với nhật báo Chiêu Dương và tuần báo Văn Nghệ Úc của anh Nhất Giang và Vi Túy, thỉnh thoảng anh Phúc đến tòa soạn thăm anh em. Anh Nhất Giang thường móc điện thoại gọi cho tôi ở Sài Gòn nói chuyện với anh Phan Lạc Phúc. Lúc đó chúng tôi mới biết về cuộc sống hiện tại của nhau. Anh cho tôi số điện thoại ở nhà nhưng anh nói hàng ngày phải vào bệnh viện thăm bà xã nên khó gặp anh ở nhà.

Tôi không còn nhớ rõ từng chi tiết và ngày tháng ở đây, có thể có sai sót. Nhưng cuối cùng tôi cần phải nói rõ lúc nào tôi cũng coi anh như đàn anh tôi về mọi mặt.

Ký Giả Lô Răng trên giường bệnh

Cho đến hôm nay, chiều ngày 17 tháng 4, 2016, Sài Gòn nóng như cái chảo lửa. Rất bất ngờ tôi nhận được thư anh Huy Phương từ Mỹ. Anh viết có gọi điện thoại cho tôi nhưng không gặp, anh gửi cho tôi cái tin buồn về anh Phan Lạc Phúc đang hôn mê trên giường bệnh. Anh Vi Túy từ Úc cũng gửi cho tôi tin này.

Xin chuyển đến các bạn đọc của tôi tin buồn này, tôi chắc trong số bạn đọc cũng có rất nhiều vị biết đến tên ký giả Lô Răng – Phan Lạc Phúc và cầu nguyện cho ông. (vq)

Đi tảo mộ



Tùy bút

Sau một cơn khô hạn “ai xui con cuốc gọi vào hè, cái nóng nung người nóng nóng ghê” vài tuần nay Sydney vào mùa mưa. Ôi mưa Trời mưa Phật, mưa như một điều cứu rỗi, mưa như một sự hồi sinh. Những cánh đồng tròng mì, tròng lúa nứt nẻ của nông dân đang há miệng chờ mưa, những cánh rừng vàng vố, xám đen vì nắng lửa, vì cháy rừng đang chờ một phép lạ từ trên trời rơi xuống. Chưa bao giờ tôi thấm thía bài thơ đầu tiên được học trong đời như vậy: “Lấy trời mưa xuống, Lấy nước tôi uống, Lấy ruộng tôi cày, Lấy đầy bát cơm, Lấy rơm đun bếp” (Quốc văn giáo khoa thư lớp đồng ấu).

Không biết mưa thế này đã đầy đủ chưa? Nhà nông, nhà chăn nuôi đã vừa ý chưa? Chắc là chưa đủ vì lệnh hạn chế dùng nước của NSW vẫn còn siết chặt. Nhưng nhìn cây cỏ trong vườn nhà tôi, vườn trước vườn sau đã thấy từ màu xám tro của tàn tạ đổi sang màu xanh non của sinh trưởng. Ban đêm trở lạnh, tôi thức giấc nghe tiếng mưa chìm chìm, rì rầm, tí tách tôi có cảm tưởng như nghe thấy một mầm sống từ dưới sâu lòng đất đang tách vỏ, cựa mình. Sáng

ra nhìn công viên cạnh nhà đã thấy màu cỏ phớt xanh. Cỏ xanh bao giờ cũng mời gọi bước chân mình đi lên trên đó để nghe một sự mát rượi của thiên nhiên hay cảm thấy một sự hòa đồng nào đó giữa ta và vạn vật. Cỏ nhân gọi những ngày vui đi trên cỏ là ngày hội “đạp thanh”, hội của những người” đạp lên màu xanh”. Động từ giẫm, đạp mới nghe có vẻ tàn nhẫn làm nhớ câu thơ của Arvers “Ngò đầu chân đạp lên trên khối tình” (Khái Hưng dịch) nhưng ở đây người Đông phương đi vào thiên nhiên để tìm một sự đồng cảm, không phải bước chân của người Tây phương chinh phục. “Thanh minh trong tiết tháng ba, Lễ là tảo mộ, hội là đạp thanh”, Nguyễn Du đã nói như thế. Tháng ba cỏ non xanh rợn “dập diu tài tử giai nhân” đi trên một miền phương thảo để thường xuân và thắm mộ những người đã khuất. Người Đông phương không tách rời cá nhân ra khỏi cái xung quanh; con người là điểm trung hòa giữa trời và đất nên đi chơi xuân cũng là dịp đi thăm “những người muôn năm cũ, hồn ở đâu bây giờ”.

Tôi đi trên thảm cỏ xanh ở đây, thành phố Sydney mà “tâm viên, ý mã” liên tưởng đến những cuộc đi thăm mộ bao nhiêu năm nay tôi mơ ước mà chưa một lần làm được. Tôi nhớ đến ngôi mộ của ông thân, bà thân tôi ở một chân ruộng mùa bên bờ. Cánh Ái quê tôi (Hữu Bằng, Quốc Oai, Sơn Tây). Mẹ tôi mất năm 1945 được an táng tại ruộng nhà di tôi bên bờ Cánh Ái. Bảy năm sau, ông thân tôi cũng đi theo bà thân tôi. Trước khi mất, chừng như nhìn thấy trước một điều gì thầy tôi dặn lại: “Sau này, các con sẽ đi xa lắm, chắc ít khi về làng. Để tiện cho việc thăm viếng, các con nên để thầy nằm bên cạnh mẹ, đắp chung một nấm”. Theo lời thầy tôi dặn lại, chúng tôi đã làm như thế. Mộ thầy mẹ tôi nằm bên cạnh nhau như vậy đã được trên nửa thế kỷ rồi mà tôi chưa có dịp nào về. Rồi mộ của bác tôi, người nuôi tôi ăn học ở Hà Nội ngày xưa, người đầu năm 1954 được du kích xã “mời cụ đi họp” rồi bác tôi chết dấp trên rừng, xác vùi nông một nấm. Mười năm trước, có ông anh họ cùng bị bắt với cụ, mới lên rừng chỉ chỗ đưa hài cốt cụ về nằm ở ruộng nhà cho “hương hồn” cụ đỡ lạnh. Rồi mộ của chú tôi, di tôi, cô tôi... mộ của bạn xưa Tào Mạt cùng làng (người làm thơ, viết kịch) người hẹn tôi “đợi anh về gác chân nhau nằm nói chuyện” mà anh không đợi được, đã đi vào cõi đất. Rồi mộ của biết bao anh em, bạn tù đồng đội của tôi đã nằm lại trên núi, trên rừng.

Dòng đời xô đẩy, những cuộc biến thiên lịch sử đã khiến tôi dời bỏ quê nhà mãi miết đi, đi mãi từ Bắc vào Nam, từ Nam ra Bắc, từ lục địa này tới lục địa kia. Bây giờ thất thập cổ lai hi đã lâu rồi, ở xứ tạm dung miền Nam bán cầu này, đi trên cỏ xanh mùa thanh minh, muốn thắp một nén hương lên mộ những người thân yêu nhất mà không thể nào làm được. “Quê nhà xa lác xa lơ đó, Ngoảnh lại tha hồ mây trắng bay”.

Do vậy tôi thường phải thắp một nén tâm hương viết về những người thân yêu, về những người bạn đã sống chết cùng tôi đi một đoạn đời. Tuần này, anh em khóa Cương Quyết (khóa 4 phụ Thủ Đức nhưng học trường Đà Lạt) có tổ chức họp khóa “ngậm ngùi” ngày 27 và 28 tháng 3 ở Orange County, CA, Mỹ. Ông Giao Chỉ Vũ văn Lộc, trưởng ban tổ chức (cứ coi như vậy đi) trong thiệp mời và thư hải ngoại gửi bè bạn xa gần đã rất cẩn thận lập chương trình chi tiết, giới thiệu tuyển tập của toàn khóa, triển lãm bảo tàng thuyền nhân và Việt Nam Cộng Hòa, đêm hội ngộ sau 50 năm lịch sử, và đáng lưu ý, lễ tưởng niệm những người đã ra đi, vinh danh tình yêu còn ở lại. Đây là tiết mục tôi nghĩ xúc động nhất, ý nghĩa nhất. Khóa của bạn mấy trăm người, bây giờ còn lại bao nhiêu người? Có những người chết rất trẻ, trung đội trưởng, đại đội trưởng “nằm chết như mơ”. Có những người bị chôn sống trong chiến dịch Mậu Thân Huế 1968 vì làm nội an, có người tự tử trong hầm, không chịu sa vào tay giặc trong chiến trường Hạ Lào, có đại tá trung đoàn trưởng dù chết trong “mùa hè đỏ lửa 1972”, có trung tá tự sát trong ngày 30/4/75. Có bao nhiêu người nữa chết trong trại cải tạo? Khi mới gặp nhau lúc mới vào trường thì tóc xanh mươn mướt, bây giờ gặp lại đã đầu bạc, răng long “Năm chục năm trời gặp lại nhau, Ngậm ngùi tóc bạc ngó lòng đau, Nụ cười bỗng chốc tan thành lệ, Khóc cho mộng cũ đã phai màu” (Thanh Nam). Nhưng còn nhìn lại được nhau là quý, bao nhiêu “bạn ta” đã nằm sâu lòng đất. Thay mặt bạn là những cụ bà 60, 70 tuổi, hiền nội của những chiến sĩ đã ra đi,

đến đây hôm nay là để chia sẻ cùng bạn hữu của chồng một chút kỷ niệm xưa, và chắc chắn cùng nhỏ xuống đôi hàng lệ nhớ.” Tình yêu còn ở lại”, có lẽ đây là chứng tích sinh động nhất.

Ông Giao Chỉ có gửi kèm theo danh sách “những người đã mất” trong khóa, dưới có ghi “xin vui lòng đọc kỹ, bổ túc và sửa chữa”. Tôi có một bạn đồng nghiệp, đồng tù rất gần gũi với tôi. Đó là trung tá Vũ Văn Sâm, tức người làm thơ, viết nhạc Thục Vũ vốn thuộc khóa Cường Quyết. Anh là tác giả bài thơ, bài hát Kiếp Lưu Đày. Bài thơ, bài hát này ngay từ Suối Máu, Biên Hòa (miền Nam 1975-76) đã được anh em đồng đội, đồng tù ghi vào bộ nhớ. Thục Vũ cùng đi chuyến ra Bắc đầu tiên với tôi và Văn Quang, Hoàng Ngọc Liên, Vũ Xuân Thông, thượng tọa Thích Thanh Long... trên một chuyến tàu. Chúng tôi cùng được di chuyển đến Sơn La, trại 1, liên trại 2, dưới quyền quân quản. Thục Vũ là người có bệnh gan mạn tính nên ra Bắc, gặp cơn gió mùa Đông Bắc đầu tiên là Vũ Văn Sâm gục ngã. Anh là người tù cải tạo đầu tiên chết trong trại cải tạo Sơn La nên chúng tôi nhớ rất rõ ngày anh mất. Không phải như ghi trong danh sách: 1977- Nghĩa Lộ mà đúng ra là ngày 17/11/1976, Sơn La. Anh ra Bắc được chừng 5 tháng là từ già cõi đời. Có một chuyện khiến cho tôi dễ nhớ ngày Thục Vũ mất vì chỉ ít ngày sau khi Thục Vũ ra đi là cụ Thích Thanh Long và tôi kỉ cạch khắc một tấm bia đá nhỏ ghi rõ tên, tuổi, ngày anh lìa bỏ chúng ta. Tôi đã từng viết về Thục Vũ Vũ Văn Sâm và bài hát Kiếp Lưu Đày trên báo chí Mỹ, Úc, Canada. Bài này, may mắn làm sao đến tay chị Vũ Văn Sâm ở Canada. Chị có viết thư đăng trên tờ đặc san Cường Quyết của các bạn: “Cám ơn ông PLP đã viết về người chồng tài hoa bạc mệnh của chị” và có cho hay gia đình ngoài Bắc tìm được mộ anh Thục Vũ, là nhờ vào tấm bia đá có ghi tên anh mà bạn tù đã dùng đinh đục trên bia ghi lại. Nếu không, trong cái nghĩa địa hoang tàn trên đèo Ban năm ấy, mà tù chính trị cùng tù hình sự nằm cạnh nhau san sát, lẫn lộn, biết mộ nào vào với mộ nào.



Vài ngôi mộ của những người tù cải tạo

Không biết kỳ họp mặt ngậm ngùi này chị Vũ Văn Sâm có sang CA tham dự hay không? Xin nhờ ông Giao Chỉ thưa với chị Sâm rằng chị không nên cảm ơn tôi. Tôi chỉ là “thợ vịn” trong câu chuyện này. Ở Sơn La, “lười núi” nhiều đá lắm, nhưng chúng tôi làm vườn rau nên không đi lấy đá được. Người tìm đá về làm bia là anh Vũ Xuân Thông, trung tá biệt kích dù kiêm họa sĩ, nhà điêu khắc. Người design cái bia cũng là anh Thông. Người lấy đinh đục tên tuổi, ngày mất của anh Thục Vũ là thượng tọa Thích Thanh Long, trung tá giám đốc nha tuyên úy Phật giáo. Tôi chỉ phụ ông cụ giới nước lên bia cho ông cụ dễ làm. Khi chúng tôi đem bia đi thăm mộ anh Thục Vũ (chừng 3 tuần sau khi anh mất) thì ở đó đã có một tấm bia bằng gỗ và còn một lọ thuốc Penicilline rỗng không, đóng kín trong có đựng một mẫu giấy ghi tên tuổi và ngày mất của anh Sâm. Nói để chị rõ là anh em bạn tù chúng tôi rất nhiều người nhớ thương anh Thục Vũ. Từ

chuyện tưởng niệm này chuyển sang việc viếng thăm kia, khởi đi và kết cục cũng từ hạp khóa ngậm ngùi mà ra. Nhân dịp đầu Xuân vào hội đạp thanh, xin cảm ơn ông Giao Chỉ Vũ văn Lộc cũng như toàn thể anh em khóa Cương Quyết đã cho phép tôi thực hiện một cuộc tảo mộ tâm linh mà bao nhiêu năm nay, tôi hết lòng mong đợi.

Phụ đính:



Nói về ông già gân

Ngồi nhìn lại

Hơn 35 năm sau (bài viết trên viết từ 1967), tôi mới đọc lại những giòng này; tôi thấy linh cảm của tôi năm xưa không đánh lừa tôi. Sự kính trọng tự nhiên của chúng tôi đối với vị đại nho của miền Nam cũng được đặt đúng chỗ. Đáng lẽ là tờ báo của Quân Đội chúng tôi phải tìm hết cách để làm giảm bớt uy thế của liên danh đối lập (liên danh cụ Hương) đề cao mọi mặt liên danh QĐ của các vị tướng lãnh (Nguyễn Văn Thiệu - Nguyễn Cao Kỳ) nhưng chúng tôi đã viết về liên danh cụ Hương một cách thẳng thắn và nghiêm chỉnh. Tiểu đề Veritas trong lớp báo chí ở Mỹ vẫn còn in trong trí óc tôi, nhưng yếu tố mạnh mẽ nhất khiến cho loạt bài về liên danh cụ Hương mang vẻ khách quan trung thực nó phát xuất từ thái độ vô cùng cao thượng của cụ: thành thật với mình, thành thật với người. Đức của người quân tử như gió, cụ đã hấp dẫn chúng tôi, đã cuốn hút chúng tôi ..

Cũng không ai ngờ VNCH cuối tháng 4-75 lại lâm vào cảnh khốn cùng như vậy. Đồng minh bán đứng, cô quân tuyệt viện, thế nước suy vi, nhân tâm ly tán. Bao nhiêu người có trách nhiệm bỏ chạy, vận nước trông vào đôi bàn tay run rẩy của một ông già trên 70 tuổi, cụ Hương. Trước tình thế vô phương cứu chữa, 5 ông tướng Nguyễn Khoa Nam, Lê Văn Hưng, Phạm Văn Phú, Trần Văn Hai, Lê Nguyên Vỹ và bao nhiêu tá, úy, binh sĩ khác đã tự sát để tạ lỗi với quốc dân khi sứ mạng cầm quân bảo vệ quê hương đã không được thi hành trọn vẹn. Nhà chính khách Trần Chánh Thành không muốn đóng vai "hàng thần lơ lảo" nên uống thuốc độc quyên sinh. Đại sứ Pháp Mérillon mời cụ Trần Văn Hương ra đi, cụ nói: Nếu trời hại nước tôi, tôi xin ở lại và mất theo nước này.

Cụ đã giữ đúng như lời. Cụ Hương mất rất âm thầm, lặng lẽ tại một ngôi biệt thự cũ nát trong hẻm Phan Thanh Giản, Saigon, ngày 27/01/1982 nhằm ngày mùng 3 Tết năm Nhâm Tuất. Ít ra cái chết của cụ Hương ngày ấy cũng là một điều thuận tiện cho người Việt hải ngoại. Hàng năm, Nhân ngày "tạ ông vải chúng ta cùng thắp nén hương kính nhớ cụ Trần Văn Hương, một bậc đại nho đã sống và đã chết cho dân tộc.

Có một sự kiện có vẻ nghịch thường nơi ông già gân Trần Văn Hương. Cụ Hương đã gân với thời cuộc, gân với số mệnh nhưng đối với người thân cụ không gân guốc chút nào. Cái lý do dễ nhận là cụ thường hay khóc. Ngọn trào tình cảm của cụ rất dễ tràn bờ.

Năm 1967 khi cụ Trần Văn Hương ra ứng cử tổng thống, kẻ viết bài này cùng anh em tòa soạn được phong vấn cụ tại một căn gác nhỏ trong một cư xá đường Nguyễn Du. Sau những chuyện kinh tế, chính trị... chuyện gia đình được đề cập đến. Chúng tôi có nhắc đến hiện tượng "không thấy cụ bà Trần Văn Hương xuất hiện bao giờ". Đang tuyên bố một cách cương quyết hùng hồn, giọng cụ bỗng trầm hẳn xuống: Thôi thôi xin đừng nhắc đến chuyện đó. Một vẻ đăm chiêu xa vắng hiện rõ trên khuôn mặt. Chắc hẳn vấn đề ấy đã là một mối ưu tư thường làm héo hắt tấm lòng già. Cụ không tiện nói ra nhưng đọc tập thơ Lao Trung Lãnh Vận của cụ, nhà chí sĩ đã gửi vào đây một chút dư âm. Một chút thôi nhưng "khúc đàn tâm sự riêng tây nghe nghẹn ngào, xúc động".

Vào khoảng năm 1934 vì có chuyện buồn nên tôi làm bài thơ ấy. Cũng muốn chôn luôn nó trong đáy lòng, nhưng thôi là có ý giữ lại một kỷ niệm, mặc dù là một kỷ niệm đau đớn.

Vừa mới ngày nào đã đủ năm
Bồi hồi chuyện cũ nghĩ còn căm
Dặc dài những tưởng bền tởn nhện
Tráo trác đâu xui đứt ruột tằm
Sao cội đa xưa chưa hết lá
Mà con đò cũ chẳng còn tằm
Ôm cầm gượng nổi dây uyên lại
Biết khúc đàn kia lựa có nhằm.

Trong câu chuyện gia đình trắc trở, cụ trầm giọng bảo đừng nhắc đến nữa, chúng tôi chuyển câu chuyện sang một câu hỏi khác về các anh các chị ở nhà. Bằng một giọng nghẹn ngào cụ nói: tôi có 2 thằng con. Một đứa ở với tôi tại đây. Một đứa theo tôi đi kháng chiến năm xưa. Khi tôi về nó còn ở lại. Bây giờ không biết nó ở đâu, còn sống hay đã chết. Chưa nói xong, một hàng lệ đã rưng rưng trên khóe mắt.

Cho đến nay hàng lệ ấy vẫn còn long lanh trong ký ức tôi như một viên ngọc. Chúng tôi một lũ ký giả hậu sinh, có nghĩa lý gì để một nhà chí sĩ phải tỏ bày tâm sự đến mức độ ấy? Phải chăng dù là sơ kiến nhưng cụ Trần Văn Hương đã coi chúng tôi là đồng thanh đồng khí hay ít ra cụ cũng cho chúng tôi đủ tư cách để cùng chia sẻ với cụ một câu chuyện tâm hồn

"Tuổi già hạt lệ như sương
Hơi đâu chuốc lấy hai hàng chứa chan".

Khi tôi kể chuyện này với một vài người quen biết có người đã nói: Dù sao cụ Hương cũng là một nhà chính trị. Nhà chính trị khôn ngoan là phải biết ân uy đủ mặt. Có nhớ tới tiếng khóc của Lưu Bị hay không? Trong thời buổi "kinh cung chi điệu" này nhận xét trên không phải là không hữu lý. Nhưng là người trong cuộc tôi linh cảm cụ Hương không phải là người cơ tâm xảo trí.

Cụ là người lớn, tin mình tin người, không tính đến những mưu mẹo vặt. Hơn nữa lũ nhà báo hậu sinh chúng tôi không đáng để cụ Hương thực hiện cái thủ đoạn ấy. Câu chuyện cụ nói với tôi nó không giúp gì cho việc tranh cử, có khi còn gây phản ứng ngược chiều. Chỉ có một tấm lòng cha thương con, chỉ có sự thành thật với mình, với người.

Cái việc bất chấp thủ đoạn ấy của cụ Hương có thể gây nguy hại nếu bị những người xung quanh lợi dụng. Nhưng đối với chúng tôi nó có sức hấp dẫn mãnh liệt bởi vì nó không xuất phát từ khối óc vụ lợi mà nó chính là bởi nói đích thực của con tim.

Con sói già cô đơn - 68

Cổ nhân có câu "Cái quan định luật", có nghĩa rằng hãy đậy nắp áo quan cho một người nào đó, rồi sau mới có thể nhận định rõ ráo về con người ấy được. Nhưng có trường hợp đậy nắp áo quan rồi mà dư luận vẫn phân chia, kẻ khen người chê, không biết nghiêng về bên nào cho phải. Đó là trường hợp nằm xuống của thiếu tướng Nguyễn Ngọc Loan, người vừa tạ thế trung tuần tháng bảy qua tại Mỹ.

Khi ông còn sinh tiền, nói về ông có vẻ như tiếng chê nhiều hơn lời khen. Ở trong nước giữa thập niên 60, đang là tư lệnh phó không quân, ông nhảy sang làm giám đốc Cảnh Sát Quốc Gia, Giám Đốc Nha An Ninh Quân Đội, kiêm Giám Đốc Trung Ương Tình Báo. Lúc đó làm Chủ Tịch Ủy Ban Hành Pháp Trung Ương (thủ tướng), còn ông Loan làm xếp chừa của ngành an ninh trật tự. Đây là thời kỳ rất nhiều biến động. Đệ Nhất Cộng Hòa vừa được xóa đi, thể chế mới chưa hình thành, tranh chấp được hiện ra ở mọi nơi, mọi lúc. Đây là thời gian kỷ lục về đảo chánh, về xuống đường, về bất ổn. Tướng này loại tướng kia, tôn giáo đụng chạm, sinh viên học sinh biểu tình đập phá, phật giáo đưa bàn thờ xuống đường.v.v... Chưa có lúc nào mà miền nam lại loạn như thế. Người mạnh tay dẹp những bất ổn ấy là ông Nguyễn Ngọc Loan. Sự mạnh tay của ông gồm có :cảnh sát dã chiến dàn chào,có hơi cay,có dùi cui,có việc giúp những phần tử trâu đánh, có đổ máu, có nhà tù. Ông Loan được gọi là độc tài, quân phiệt, phản cách mạng,là tay sai đế quốc... Nhưng ít có ai nghĩ ông Nguyễn Ngọc Loan đã đóng một vai trò tích cực trong việc ổn định tình thế, làm nền xây dựng cho một thể chế mới hợp hiến, hợp pháp Đệ Nhị Cộng Hoà.

Thời kỳ ấy ông được thăng Chuẩn Tướng. Nhưng người ta ít khi gọi theo cấp bậc, mà người ta quen gọi ông là Sáu Lèo. Sáu ở đây là quan sáu theo danh xưng bình dân thời Pháp gọi các quan võ, mỗi một vạch trên vai là một cấp bậc (thiếu úy vạch một vạch là ông một, trung úy vạch hai vạch là ông hai...). Chỉ có năm vạch là cũng (đại tá)tướng là đeo sao rồi. Nhưng dân gọi quan sáu là gọi theo hình tởngcung như dân ngoài bắc gọi dinh quan toàn quyền là dinh Ông Bẫy (còn trên ông sáu một bực). Nhưng sau chữ Sáu của ông Loan còn thêm tính từ Lèo. Không biết nó xuất xứ từ đâu, nhưng khi nó đi vào ngôn ngữ dân gian thì nó mang một ý niệm bỉ thử, dèm pha, tiêu cực. Tiền lèo là tiền vô giá trị, hay là tiền chỉ có trong tưởng tượng. Hứa lèo là hứa xuống, hứa hão,hứa mà không thực hiện bao giờ. Vậy Sáu Lèo có nghĩa là một ông quan vô giá trị hay là một ông tướng hữu danh vô thực hay sao ? Sở dĩ cái danh xưng này đứng vững một phần là vì cái bề ngoài luộm thuộm của ông Loan. Ông rất ít khi mặc quân phục, mũ măng cân đai, nghênh ngang giàng giá. Ông thường mặc quần Trây-di xộc xệch, không đeo lon lá gì, chân đi dép cao su lẹp xẹp. Ra ngoài thì ông ngồi xe jeep bình thường, không có mang cò quạt, mà cũng không có xe mở đường, mô tô bảo vệ. Ông nhiều khi còn cỡi xe mopedet lạch xạch đi làm. Có khi ông còn một tay cầm chai lade, vừa chửi thề loạn xạ. Bề ngoài của ông tướng Loan đúng là xập xệ,là lèo,nhưng việc làm của ông thì lại không lèo một chút nào.

Một anh em kỳ cựu ở Tổng Nha Cảnh Sát Quốc Gia có kể lại rằng :Thời ông Loan, không có câu nệ lễ nghi quân cách, không nề hà hệ thống quân giai, mà ông cũng không xía vào việc của các phòng, sở, nhưng giao việc gì là phải làm cho đúng, cho xong. Cảnh sát thời ông Loan

không đơn thuần làm công tác trị an, mà còn là một lực lượng xung kích hữu hiệu. Vấn đề nội an, phản gián cũng được nâng lên một mức vì ông nắm trong tay cùng một lúc Nha An Ninh Quân Đội và cơ Quan Trung Ương Tình Báo, nên công tác nó qui về một mối, nhịp nhàng hiệu quả hơn. Có bữa trực thăng đột ngột đậu xuống sân cò Tổng Nha. Một số cán bộ phản gián đi xuống cùng một người bị bịt mắt. Nghe anh em nói lại đó là một cán bộ Việt Cộng cao cấp, bị bắt trên đường đi và gặp một nhân viên xị gộc. Có lẽ ông Loan không muốn đồng minh lớn qua mặt mình trong địa hạt này, nên ông mới hốt tay trên, bắt cán bộ VC kia về Tổng Nha tra cứu. Ông sáu Lèo không được các đoàn thể Trâu Đánh, các nhà chính khách dân thân ủng hộ, mà đồng minh lớn Huê Kỳ cũng không có thiện cảm với ông.

Khi giải kết ở Việt Nam bắt đầu từ cuộc tấn công Mậu thân, người Mỹ qua các phương tiện truyền thông của họ đưa ra những lời lẽ, nhưng hình ảnh làm nản lòng chiến sĩ cũng như làm cho nhân dân Mỹ nghi ngờ, chán ghét chiến tranh Việt Nam. Một tờ báo Mỹ, tờ Newsweek gọi quân đội Miền Nam là thổ đế, quân đội Việt Cộng là sư tử. Trong cuộc tấn công Mậu Thân khi phóng viên Eddie Adams chụp được. Tấm hình ông Loan tự tay cầm súng lục bắn vào đầu một tù binh Việt Cộng bị trói, thì ông tướng Loan từ đó đã trở thành biểu tượng của sự dã man tàn bạo. Cuộc chiến của nhân dân miền nam, qua hình ảnh của ông Loan cũng trở nên phi nghĩa. Truyền thông Mỹ đã tóm được một cliché đặc ý. Nhà báo ảnh Eddie Adams cũng nhờ đó kiếm được một cái giải Pulitzer. Hình ảnh ấy cũng như cuốn phim ghi lại cuộc xử bắn tại chỗ này là sự thực, nhưng tiếc thay chỉ là sự thực một nửa. Người ta không ghi lại hay là không cho biết vì sao ông tướng Loan lại làm như thế.

Là một người chịu trách nhiệm về trị an thủ đô Sài Gòn, Ông Loan biết rằng chiến thuật Việt Cộng là tấn công và nổi dậy. Quân đội giải phóng đi tới đâu là cán bộ nằm vùng nổi lên, diệt ác ôn hướng dẫn quân đội chiếm đóng các vị trí hiểm yếu, tiếp tế lương thực và tiến hành tổ chức ủy ban. Đầu mối của cuộc tấn công này là cán bộ nằm vùng, vì không có lực lượng này, quân tấn công sẽ như rấn mất đầu. Cho nên việc chính của lực lượng cảnh sát Sài Gòn là diệt nằm vùng, lực lượng Cảnh sát Dã Chiến bắt được một cán bộ Việt Cộng. Tên này vừa diệt ác ôn, hạ sát cả một gia đình sỹ quan cảnh sát thì bị bắt. Y đang thay chiếc áo đẫm máu bằng chiếc áo sọc rằn. Ông Loan liền cho mời báo chí tới thực hiện vụ hành quyết cảnh cáo nằm vùng mà nổi lên là bị bắn không tha. Ông nghĩ rằng sát nhất nhân, vạn nhân cụ và cũng để trả thù cho thuộc cấp của ông cùng gia đình vừa bị giết thảm thương.

Chiến tranh là như vậy, máu lại gọi máu. Truyền thông Mỹ chỉ chụp lại cảnh ông tướng Loan giơ tay bắn một tù binh bị trói, mà không cho biết trước đó tù binh Việt cộng kia đã làm gì, và sau đó quân đội gọi là giải phóng kia đã hành xử như thế nào? Một số quân nhân giải phóng đã tàn sát cả nhà trung tá thiết giáp Nguyễn Tuấn, gồm tất cả 8 người trong đó có bà mẹ già đã 80 tuổi để hy vọng lấy được mật mã thiết giáp. Ở Huế, quân đội Việt Cộng không chỉ giết một người, một gia đình mà tàn sát hàng mấy nghìn người, lấp vôi vàng trong những hố chôn tập thể, mà truyền thông Hoa Kỳ sau đó có nói năng gì đâu. Truyền thông báo chí Mỹ đã không trung thực trong việc tường trình cuộc chiến Việt Nam. Họ chỉ nói ra sự thực một nửa, sự thực nào có lợi cho họ. Nửa cái bánh mì thì vẫn là nửa cái bánh mì nhưng một nửa sự thực thì không còn là sự thực, hay sự thực đã biến dạng đi.

Ông tướng Nguyễn Ngọc Loan là một người không giống ai. Ông hành động theo những điều mà riêng ông cho là phải. Ông là người bất qui tắc (non conformist) cho nên ông được gọi là Sáu Lèo. Cho nên ông mới cho mời báo chí đến để trưng trị một tên Việt Cộng nằm vùng gây tội ác. Ông tưởng như vậy là có lợi cho đại cuộc, nhưng không ngờ nó phản tác dụng khiến cho Miền Nam bị tổn thương mà ông cũng thân bại danh liệt. Ông là tướng Tổng Giám Đốc Cảnh Sát Quốc Gia, việc của ông ngồi mà ra lệnh, tại sao ông phải đích thân cầm quân đi dẹp loạn để đến nỗi ông bị mang tiếng xấu, bị bắn què chân phải mang nặng suốt đời.

Nghe nói sau tháng tư đen, phải vất vả lắm ông mới vào được Mỹ. Người ta không muốn tiếp nhận một mẫu người tàn bạo như ông. Làm tướng mà không có trương mục, tiền bạc nào đáng kể. Phải mở một quán ăn kiếm sống. Như vậy mà vẫn không yên, có người còn mang chuyện cũ của ông ra bới móc. Vào đầu khoảng thập niên 80, nhà văn Huy Quang, tức Trung Tá không quân Vũ Đức Vinh cùng với Mai Thảo, Thanh Nam và một số anh em ra tở đất mới ở Seattle. Sau khi tở báo đứng vững, đất mới có ra thêm phụ trương bằng tiếng Anh để hy vọng thăm thấu vào dư luận Mỹ. Nhân ngày kỷ niệm Mậu Thân, Huy Quang có phone đến tướng Nguyễn Ngọc Loan, để xem ông có cần phải điều trần điều chi với người đọc Hoa Kỳ. Tướng Loan trả lời, Cảm ơn, tôi không có điều gì phải giải thích cả. Ông sống trong im lặng. Ông tự tin trong niềm im lặng của ông.

Từ lâu ông tướng Loan mắc bệnh trầm kha, và ông từ giã cõi đời vào trung tuần tháng 7 năm 1998 vừa qua. Biền cố Mậu Thân và tên tuổi ông tướng Nguyễn Ngọc Loan bỗng nhiên sống lại trong ký ức mọi người. Cái quan định luật nên nghĩ thế nào về ông Loan? phóng viên ảnh Eddie Adams người chụp bức hình xử bắn được giải Pulitzer đã đến gia đình ông xin lỗi. Khi được tin ông mất Eddie đã đích thân đến dự đám tang và nói: Ông là một vị anh hùng. Cả nước Mỹ nên khóc thương ông mới phải, tôi không muốn nhìn thấy ông ra đi như thế này, người ta không hiểu gì về ông ấy. (The guy was a hero, America should be crying. I hate to see him go this way - Without people knowing anything about him).

Tại sao Eddie Adams bây giờ mới nói? Ông Loan đã chết rồi. Nói trước lúc khi ông mất có khi tên tuổi ông đỡ bị người đời đàm tiếu mà gia đình thân nhân cũng được ngẩng đầu. Nhưng giả sử ông tướng Loan còn sống không chắc ông đã cho Eddie Adams nói như thế đâu. Ông không cần giải thích với ai. Ông muốn nhắm nháp vết thương của ông trong im lặng. Ông là con sói già cô đơn và kiêu hãnh của A.de Vigny:

Gào khóc, kêu than đều hèn yếu - hãy dừng cảm làm cho xong công việc lâu dài và nặng nhọc của người, trên con đường mà số phận đã đặt định, rồi như ta, đau đớn, chết đi mà không nói một lời (Crier, pleurer, gémir c'est également lâche, fais énergiquement ta longue et loude tâche. Dans la voie où le sourt a voulu t'appeler Puis comme moi, souffre et meurt sans parler)

Một dịp nào nếu tôi có dịp may đến viếng ông tướng Nguyễn Ngọc Loan tôi sẽ thấp hương, cúi đầu và khấn: Hãy an nghỉ, con sói già cô đơn và kiêu hãnh. Những người lính thuần thành xin được nghiêng mình trước hương linh thiếu tướng Nguyễn Ngọc Loan.

Giọt lệ và nụ cười

Tuần qua được tin cựu Thiếu Tướng Lê Minh Đảo tới Úc Châu trong một chuyến viếng thăm vừa công tác vừa thân hữu. Xin "ông tướng" rộng lòng thứ lỗi, tôi dạo này già yếu, chậm chạp, 80 rồi còn gì nữa, ít dám đi ra ngoài nên không đến tham dự buổi nói chuyện của ông tướng được. Nhưng tôi lúc nào cũng hết sức trân trọng cái "tâm" của ông tướng đối với quân đội, đối với quê hương.

Riêng sự việc ông đem quân bản bộ Sư Đoàn 18 đánh trận tử thủ cuối cùng tại Xuân Lộc đã minh chứng cho điều ấy. Nước sắp mất, nhà sắp tan, ai cũng lo chạy lấy thân, tình hình đã ở thể "cô quân tuyệt viện", ông Tướng Lê Minh Đảo vẫn sẵn sàng đánh một trận "giải oan, rửa mặt" cho Quân Đội. Lịch sử sắp sang trang, thế trận đã tàn và ông Tướng Đảo vẫn có sẵn trực thăng C&C để dễ dàng bay ra hạm đội 7 ở biển Đông lánh nạn. Nhưng ông tướng đã tình nguyện không đi, anh em đã nghe lời mình tụ tập về đây đánh trận cuối cùng, bây giờ sao bỏ

anh em cho được, chúng ta cùng ở lại, cùng chia vinh nhục với anh em. Huynh đệ chi binh đâu chỉ những lúc quyền cao, chức trọng, phải huynh đệ chi binh ngay những phút khốn cùng.

Ở lại, để rồi như mọi "ngụy quân, ngụy quyền" khác, kéo nhau đi "cải tạo". Người ta đi cải tạo 5 năm, 10 năm, ông Tướng Đào 17 năm mới được về. Ông thuộc diện cuối cùng được tha. Có lẽ người CS muốn nói rằng "Ông đã đánh trận cuối cho QL/VNCH, ông cũng là lừa tù cuối cùng được tha ra khỏi nhà tù cải tạo". Khi về thì nước mắt đã đành, (xin lỗi đã động chạm đến chuyện riêng của ông) gia đình ông cũng tan tác mỗi người mỗi ngả. Ông không chỉ hơn chúng tôi về cấp bậc, ông hơn chúng tôi về sự khổ đau. Sự khổ đau làm lớn dậy con người.

Chúng tôi kính trọng ông vì lẽ đó. Ông Tướng Lê Minh Đảo sang thăm Úc Châu lần đầu năm 2000, tháng 10 thì phải. Trong một cuộc tọa đàm thân mật giữa anh em báo chí, truyền thông, chúng tôi có thưa với thiếu tướng là anh em Quân Đội nói riêng, người miền Nam nói chung, được rửa mặt qua trận tử thủ cuối cùng Xuân Lộc. Ông cười cười nhưng lắc đầu mà nói: "Tôi đâu dám nhận vinh dự đó. Tôi chỉ là một 'kẻ ăn theo. Người anh hùng thật sự là người chiến sĩ đã dám chết cho đất nước". Sáng Chủ Nhật 29.10.2000, theo lời yêu cầu của ông, chúng tôi có đưa ông đi thắp một tuần hương lễ tổ Hùng Vương ở Tập Hợp Đồng Tâm. Ông nói rằng không có quá khứ thì không có hiện tại mà cũng không có tương lai. Phải ghi ơn công đức tiền nhân cũng như những người đã chết để bảo vệ quê hương xứ sở. Trong tiếng trống, tiếng chiêng trầm hùng, bi tráng gọi hồn dân tộc, chúng tôi thành kính dâng hương trước bàn thờ quốc tổ. Niệm hương xong tôi thấy mắt ông hoe đỏ. Ông nắm chặt tay tôi hỏi trong xúc động: "Có chỗ nào tưởng niệm hương linh chiến sĩ mình không?".

Tôi nghĩ ông muốn nói đến các tử sĩ của miền Nam. Ông nói thêm:

"Tôi chỉ đóng góp được một phần nhỏ trong việc giải oan rửa mặt; đóng góp to lớn nhất trong việc này là sự tuân tiết của 5 vị tướng Nguyễn Khoa Nam, Phạm Văn Phú, Trần Văn Hai, Lê Nguyên Vĩ, Lê Văn Hưng và bao nhiêu tá, úy, hạ sĩ quan, binh sĩ của chúng ta. Những vị này đã khảng khái tự kết liễu đời mình để tạ lỗi với quốc dân khi sứ mạng bảo vệ quê hương đã không được thi hành trọn vẹn".

Có nhiều chính khách của miền Nam cũng nêu gương trung liệt. Ông cựu tổng trưởng Trần Chánh Thành uống thuốc độc chết. Cụ Trần Văn Hương đã nhất định từ chối lời mời của tòa đại sứ Pháp "Cho tôi ở lại để chết với quê hương khốn khổ này". Ông tướng họ Lê nói tiếp: "Trước, trong, sau cuộc chiến, đối phương và bọn chính khách đón gió, trở cờ đã ném bao nhiêu bùn nhơ lên mặt chúng ta. Nhưng nhờ những cái chết âm thầm mà liêm liệt ấy, những tâm hồn trung chính trên thế giới phải đặt ra câu hỏi 'phải có một chính nghĩa như thế nào, một niềm tin tưởng như thế nào mới có những sự hi sinh như thế?'".

Đấy mới chính là sự giải oan, rửa mặt thật sự cho miền Nam. Nhờ có bao nhiêu người dám chết vì nước, vì dân nên đồng bào ta di cư, tị nạn mới được mọi nơi mở rộng vòng tay thông cảm. Nhờ những sự quên mình vì nghĩa lớn nên anh em tù cải tạo chúng tôi như được tiếp thêm một nguồn sinh lực mới, dám ngẩng mặt nhìn lên và đỡ thấy mình thấp kém. Anh em chúng tôi thường tự hứa với nhau rằng sau này nếu may mắn tới được một bến bờ tự do, việc đầu tiên là phải thắp một tuần hương, cúi đầu trước anh linh của các vị đã dám chết cho mình được sống.

Tôi được tới Úc năm 1991, sang Mỹ năm 1992, đã đi tìm nhiều nơi để thắp một nén hương tưởng niệm mà chưa tìm thấy. Có thể tôi chưa được hướng dẫn đầy đủ chăng? Ngày trước 2 vị tướng Võ Tánh và Ngô Tùng Châu thành mất chết theo thành được thanh sử lưu danh, đời đời người sau hương khói. Bây giờ 5 vị tướng, bao nhiêu tá, úy, hạ sĩ quan, binh sĩ, bao nhiêu chính khách tự kết liễu đời mình vì chính nghĩa mà chúng ta không có một nơi nào để thắp một

nén hương tưởng niệm hay sao? Sống ở quê hương mới chúng ta thường hay nói đến uyển ngữ "4 ngàn năm văn hiến". Văn hiến là cái gì rất rõ mà cũng rất mờ. Có một điều thật rõ về văn hiến, đó là những cái chết vì nước quên mình của các chính khách, của các tướng lãnh và các quân nhân VNCH.

Tại sao chúng ta không đem những gương trung liệt đó làm một đóng góp về lối sống của người VN cho quê hương mới. Tại sao chúng ta không tạo cơ hội để những thế hệ trẻ sinh ra và lớn lên ở hải ngoại tìm hiểu về tiền nhân để họ có thêm tin tưởng và tự hào về khí phách VN. Một đền thờ trung liệt, những bức tượng các vị anh hùng hay ít ra những bài vị, những cuốn sách, những hồ sơ về các vị đã dám chết cho quê hương đất nước, đó là những công việc mà chúng ta nên làm, phải làm trước khi quá muộn. Thừa Thiếu Tướng Lê Minh Đảo, kỳ này thiếu tướng sang Sydney, tôi chưa kịp diện trình, một phần như đã nói ở trên già cả, chậm chạp, phần khác nếu thiếu tướng lại hỏi: "Có nơi nào tưởng niệm chiến sĩ của mình không?" thì tôi không biết trả lời sao.

Thương tiếc



Tôi được biết Nguyễn Thanh Thu do một sự tình cờ, rất tình cờ. Dạo ấy đầu vào khoảng 1960-1961, tôi đang làm việc tại một ngôi trường Quân Đội ở đầu đường Lê Thánh Tôn, gần bệnh viện Đồn Đất Sài Gòn.

Bạn đồng sự của tôi là Tạ Ty, một họa sĩ tên tuổi. Năm ấy có một cuộc triển lãm tranh, tượng rất lớn và Tạ Ty là tổng thư ký Ban Giám Khảo. Triển lãm xong rồi, tranh, tượng được đem về tạm xếp tại một phòng lớn của ngôi trường, chờ được trả về cho các họa sĩ, điêu khắc gia tham dự triển lãm. Do vậy sau những giờ làm việc mệt nhọc hoặc trong những lúc tâm hồn trống vắng, tôi thường đi vào phòng "triển lãm", lẩn la đến xem các tranh tượng, làm một cuộc "rong chơi nghệ thuật" một mình. Trong cái vắng lặng tuyệt đối của gian phòng rộng rãi, trước sự sắp xếp bừa bãi "như cuộc đời", các tranh, tượng lúc đó lại có khả năng trò chuyện với mình, nếu bằng tầng của mình tiếp thu được những thông điệp âm thầm ấy. Tôi còn nhớ tôi thường đứng rất lâu trước một pho tượng thạch cao nhỏ, chỉ cao chừng 60 cm, mang tên "Ngày Về". Ngày về vinh quang, ngày về chiến thắng của người lính chiến. Người lính chiến được cách điệu (stylisé) cao vượt lên (cao hơn con người thường lệ) mắt không nhìn vào vòng hoa chiến thắng treo trên cổ, mà ngửa mặt lên nhìn trời, nét mặt suy tư. Tay anh ôm lấy một người thiếu nữ, có thể là người yêu, có thể là người vợ. Người thiếu nữ nép rất sát vào người lính chiến, như một niềm son sắt, như một sự không đời, mắt cuối xuống vòng hoa chiến thắng mà nhỏ lệ. Giọt lệ bằng thạch cao mà long lanh, trong suốt trên cánh hoa chiến thắng... Bức tượng nhỏ nhưng làm tôi suy nghĩ rất nhiều. Chiến thắng dù vinh quang tới đâu, nhưng đằng sau chiến thắng, có

bao nhiêu giòng lệ chảy. Người lính chiến kia, ngày về chiến thắng mà ngựa mặt lên trời, nét mặt đăm chiêu. Phải chăng anh muốn hỏi rằng ở một khía cạnh sâu xa nhất, chiến tranh nào cũng là một sự chẳng đáng dừng, một nỗi đam mê vô ích.

Bức tượng "Ngày Về" ấy đã được giải nhì và người nghệ sĩ điêu khắc bức tượng ấy là Nguyễn Thanh Thu. Tôi hỏi Tạ Tỵ xem Nguyễn Thanh Thu là ai. *"Một người anh em trẻ mới tốt nghiệp Mỹ Thuật bây giờ đâu đang dạy hội họa ở trường Võ Trường Toản"*, Tạ Tỵ trả lời.

Năm 1962, tôi có may mắn đứng trong ban tổ chức dựng tượng Đức Trần Hưng Đạo ở bên Bạch Đằng. Tôi nghĩ ngay đến nhà điêu khắc trẻ Nguyễn Thanh Thu. Theo lời chỉ dẫn của Tạ Tỵ, tôi đánh xe đi tìm xưởng điêu khắc của nhà nghệ sĩ ở cuối đường Hoàng Hoa Thám bên Gia Định. Xe đi tuốt mãi vào phía trong "bao giờ thấy một vườn ổi có nhiều tượng bày la liệt ở ngoài vườn, ấy là nhà hắn". Lời chỉ đường, chỉ nhà của Tạ Tỵ quả nhiên là đúng; giữa một vườn ổi cỏ mọc um tùm, những bức tượng cái thì đã xong, cái thì đang làm dở, tượng cụt đầu, cụt tay... nằm xếp lổp. Một mái nhà cũ nằm giữa vườn. Một chiếc xe traction avant xập xệ. Một nhà nặn tượng, áo blouse trắng lem nhem bùn đất, tóc dài kiểu Trần Văn Trạch, mặt mũi "bất cần đời". Đó là Nguyễn Thanh Thu. Năm ấy Nguyễn Thanh Thu còn rất trẻ, chừng 26, 27 tuổi là cùng. Có lẽ ngoài nặn tượng, Nguyễn Thanh Thu không cần điều gì khác. Buổi sơ kiến mà Nguyễn Thanh Thu đi ra vườn, lật vôi mấy trái ổi xanh, đặt vào một cái đĩa lem nhem mà "mời, mời ổi vườn nhà ăn được lắm". Còn về việc dựng tượng Đức Trần Hưng Đạo, tôi đã cùng Nguyễn Thanh Thu đi trên chiếc traction avant xập xệ đến thăm nơi dự định đặt tượng Đức Thánh Trần... Nguyễn Thanh Thu cho rằng chỗ bên Bạch Đằng không xứng... Phải dựng tượng ở chỗ doi đất giữa sông Khánh Hội mới thích nghi với tầm vóc lịch sử của Người. Nhưng mà phần đất đề nghị ấy lại thuộc về cảng Sài Gòn nên không làm sao mà giải quyết được. Nguyễn Thanh Thu nói: *"Tượng chỉ là một phần thôi, cái chung quanh pho tượng, cái quần thể dựng tượng ấy là một phần nữa. Bây giờ không có được cái quần thể ấy thì... xin lỗi."* Sau đó Nguyễn Thanh Thu và tôi không còn được tham dự vào việc dựng tượng Đức Thánh Trần nữa.

Đầu thập niên 60, Nguyễn Thanh Thu còn ít người biết đến nhưng đến đầu thập niên 70 thì Nguyễn Thanh Thu đã là một nhà điêu khắc lừng danh. Tôi không lấy làm lạ vì đó chỉ là sự công nhận một tài năng đã chín. Ông đã đoạt nhiều huy chương, nhiều giải thưởng. Nhưng huy chương quý trọng nhất, giải thưởng giá trị nhất là bức tượng "Tiếc Thương" của ông dựng bên ngoài nghĩa trang Quân Đội Biên Hòa. Bức tượng được dựng đầu những năm 70 (?) khi cuộc chiến Việt Nam đang hồi khốc liệt. Cổng nghĩa trang là một khúc quanh. Đến khúc quanh này người đi xe cũng như khách bộ hành thấy đột khởi trên nền trời xanh thẳm của cây lá bên đường tượng một anh lính chiến đang ngồi nghỉ. Anh ngồi đó một mình, sau lưng là bao nhiêu người đã chết... Chiếc mũ sắt lỏng giây quai, súng nằm nghiêng bên mình, dáng vẻ ngậm ngùi, mắt ngó mông về khoảng không trước mặt. Anh đang tiếc thương ai? Tiếc thương bao nhiêu đồng đội vừa nằm xuống, những dãy mộ chí dài dằng dặc sau lưng anh biết bao giờ chấm dứt, hay anh đang tiếc thương cho sức xuân xanh của dân tộc đang chết dần đi trong cuộc chiến này. "Pho tượng như có mang chứa linh hồn những người lính chết khắp nơi trên đất nước" cho nên thiêng lắm. Người ta đồn rằng có những lúc trời chạng vạng âm u, âm dương hỗn hợp, người lính từ trên cao đi xuống ngồi bên vệ đường. Hoặc những lúc đêm khuya trăng lạnh, có tiếng hát thê lương từ pho tượng bay đi. Pho tượng đã bước vào huyền thoại, đi vào niềm tiếc thương muôn thuở của con người.

Sau 30 tháng 4.1975 khi những "người chiến thắng" tràn ngập miền Nam, một trong những việc đầu tiên của họ là xô ngã bức tượng "Tiếc Thương" ở nghĩa Trang Quân Đội.

Người Mác Xít Lê Nin Nit ra lệnh "không được tiếc thương, không được nhớ về quá khứ". Tượng "Tiếc Thương" đã đổ, bây giờ tượng cũng như người khai sinh ra nó không biết lưu lạc

phương nào? Nhưng tôi chắc rằng niềm tiếc thương những người đồng đội của chúng ta đã ngã trên chiến địa vẫn ngày càng sáng mãi trong tâm thức miền Nam.

Nguồn : tvvn.org